2022B

INVEST IN THE FUTURE

NHÀ SẢN XUẤT PHÁP
từ 1964

Máy hàn và cắt

Dành cho chuyên gia và công nghiệp

Đến thăm nhà máy ở Pháp

INVEST IN THE FUTURE

TẬP ĐOÀN GIA ĐÌNH LỚN MẠNH

Thành lập 1964, GYS là tập đoàn công nghiệp Pháp với hơn 900 nhân viên toàn thế giới. Với trung tâm nghiên cứu hàng đầu, GYS dẫn đầu trong thiết kế và sản xuất thiết bị hàn, sạc ắc quy và thiết bị sửa chữa thân xe.

\\Sự thay đổi liên tục của thị trường nên đòi hỏi quy mô chúng tôi cần nhanh chóng thích ứng với các bối cảnh mới và thách thức.

Chúng tôi tin rằng tương lai của chúng tôi gắn liền với tương lai của khách hàng. Để làm được điều này, chúng tôi cố gắng hết sức để hiểu các nhà phân phối và người dùng mong đợi gì ở chúng tôi, để biết họ phải đối mặt với những thách thức nào và đáp ứng ở mức độ nào để luôn đối tác ưu tiên của họ trên con đường mà chúng tôi đi cùng nhau. \\

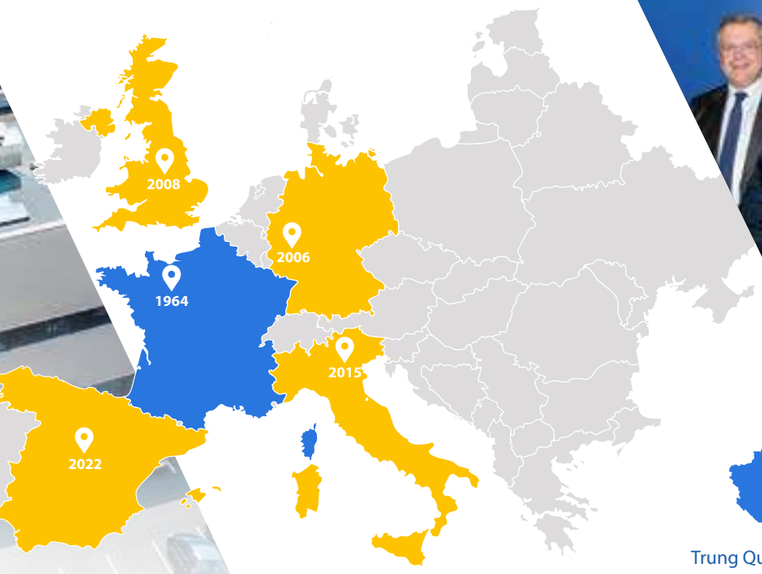

Nicolas & Bruno Bouygues

Nhân viên	Doanh thu 2021	2 nhà máy	1 trung tâm	6 chi nhánh
x 900	125 triệu €	sản xuất	hậu cần toàn cầu	kinh doanh

SẢN XUẤT TÍCH HỢP 100%

Ghé thăm trung tâm sản xuất của GYS để hiểu hết các mảng khác nhau (điện tử, cơ khí, máy biến áp, hệ thống dây điện, kim loại tấm, sơn, v.v.). Triết lý của chúng tôi dựa trên sự tích hợp hoàn toàn quy trình sản xuất để kiểm soát các chi tiết nhỏ nhất.

Quá trình công nghiệp hóa này được chứng nhận ISO 9001 và ISO 14001 mang đến cho khách hàng sự linh hoạt và tăng khả năng phản hồi. Đầu tư và không ngừng nâng cao hiệu suất cho sản xuất là mục tiêu của chúng tôi, bởi vì chúng tôi coi đây là sự đảm bảo cho khả năng cạnh tranh trong tương lai của chúng tôi.

Đến thăm nhà máy ở Pháp

55 000 m²
cho trung tâm hậu cần

3 300
Sản phẩm trong kho

1 000 000 sản phẩm
được gửi đi mỗi năm

1 trung tâm SAV
20 chuyên gia

TÓM TẮT

MMA

GYSARC
p.8

PROGYS
p.12

EXAGON
p.18

TIG

PROTIG
p.26

TITAN
p.32

EXATIG
p.34

PROTIG AC/DC
p.36

TIG AC/DC
p.40

TITANIUM AC/DC
p.44

MIG/MAG

MONOGYS / TRIMIG
p.54

PROMIG
p.58

MAGYS
p.60

MULTIPEARL
p.64

MULTIWELD
p.66

EXAGON
p.70

NEOPULSE
p.74

PLASMA

EASYCUT
p.86

CUTTER CT
p.90

NEOCUT
p.92

Hồ quang rút

ARCPULL
p.102

GIA NHIỆT

POWERDUCTION
p.106

POWERDUCTION
p.108

CALIBRATION

CALIWELD
p.114

Đồ bảo hộ

PPE
p.118

MŨ HÀN

p.120

MMA

GYSARC
p.8

PROGYS
p.12

EXAGON
p.18

GYSARC, PROGYS, EXAGON

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

MMA | MMA pulse | TIG Lift | 110 VOLTS | 230 VOLTS | 1 PHASE

GYSARC 220 FV CEL kết hợp công nghệ hàn mới nhất với giao diện người dùng trực quan. Công nghệ PFC (hiệu chỉnh hệ số công suất) của máy cho phép sử dụng cáp lên đến 100 m. Công nghệ «FV» (Điện áp linh hoạt) đảm bảo hồ quang điện luôn ổn định ngay cả trong trường hợp biến động trong điện áp nguồn (85 đến 265 V) và nguồn điện được cung cấp bởi máy. Công nghệ đánh mồi hàn cho phép máy hàn có kết quả đáng tin cậy. Ngay cả hàn chiều dọc, bằng cách giảm dần hoặc tăng dần cho tất cả các loại điện cực lên đến 6 mm, và cả điện cực xenlulo.

- **MMA :** Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 6 mm)
- **MMA Xung :** chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng. Khả năng điều chỉnh tần số
- **TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)**
- **TIG lift Xung :** giới hạn nhiệt độ nóng chảy và cho phép hàn các tấm từ 0,3 mm
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 20 V.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A (230 V) 32 A (110 V)	220 A
Dải dòng hàn MMA	**Dải dòng hàn TIG**	**Điện áp không tải**
10-220 A (230 V) 10-120 A (110 V)	5-220 A (230 V) 5-140 A (110 V)	80>86 V (< 20 V VRD kích hoạt)

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

MMA (230 V / 16 A) 220 A/28.8 V 20% 130 A/25.2 V 60% 100 A/24 V 100%	MMA (110 V / 32 A) 120 A/24.8 V 30% 90 A/23.6 V 60% 70 A/22.8 V 100%
TIG (230 V / 16 A) 220 A/18.8 V 25% 150 A/16 V 60% 110 A/14.4 V 100%	TIG (110 V / 32 A) 140 A/15.6 V 40% 120 A/14.8 V 60% 100 A/14 V 100%

Kích thước L x l x h	42 x 21 x 35 cm	**Cân nặng**	10.5 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Tiêu chuẩn**	IEC 60974-1/10 A

Thông tin đặt hàng

GYSARC 220 FV CEL + phụ kiện Kìm hàn 200 A - 3 m + Cáp kẹp đất 200 A - 3 m, 25 mm²	065529

GYSARC TRI

MMA | TIG Lift | G Gougeage | 400 VOLTS | 3 PHASES

Với công nghệ biến tần, GYSARC TRI là máy MMA / TIG ba pha với hiệu suất hàn vượt trội. Được thiết kế đặc biệt mạnh mẽ, máy cung cấp năng suất tối đa, ngay cả trong môi trường khắc nghiệt nhất.

- **MMA:** Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, và điện cực xenlulo (lên đến Ø 6 mm)
- **Thổi hồ quang với que cac bon** (lên tới Ø 6.5 mm)
- **TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)** Hồ quang tự động với thời lượng cố định
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 20 V.

2 years

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Tính năng bổ trợ

- Điều khiển từ xa tùy chọn (điều khiển bằng tay)
- Xếp hạng IP 23 - cho phép sử dụng ngoài trời
- Cho phép kéo lên

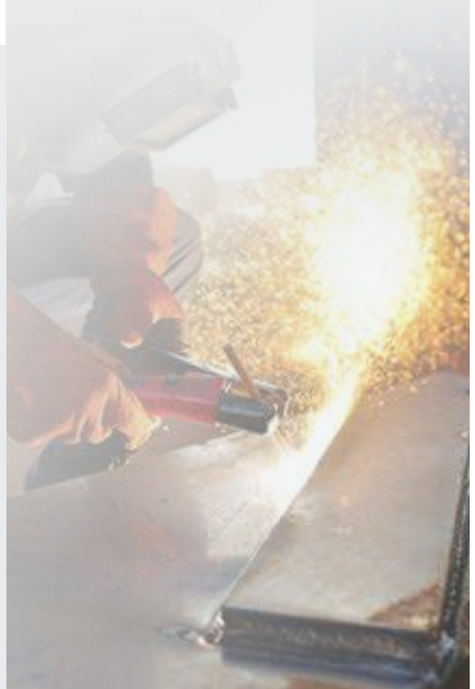

Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật			GYSARC 300 TRI	GYSARC 400 TRI
Dòng hàn			400 V, 3 ph, 50/60 Hz	
Nguồn điện			20 A	32 A
Dải dòng hàn		MMA	20-300 A	20-400 A
		TIG		
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	MMA	60%	300 A / 32 V	400 A / 36 V
		100%	230 A / 29.2 V	350 A / 34 V
	TIG	60%	300 A / 22 V	400 A / 26 V
		100%	230 A / 19.2 V	350 A / 24 V
Điện áp không tải			83 V (< 20 V VRD On)	84 V (< 20 V VRD On)
Xếp hạng bảo vệ			IP 23	IP 23
Kích thước L x l x h			54 × 46 × 28 cm	58 x 52 x 30 cm
Cân nặng			25.5 kg	37.5 kg
Tiêu chuẩn			IEC 60974-1/10 A	IEC 60974-1/10 A

Thông tin đặt hàng

GYSARC 300 TRI - không phụ kiện	064959
GYSARC 400 TRI - không phụ kiện	013551

PROGYS 180A

MMA | 230 VOLTS | 1 PHASE

020894

PROGYS 180A là máy hàn điện cực biến tần dễ dàng vận chuyển và sử dụng. Điều chỉnh đơn giản bằng cách chọn kích cỡ que hàn điện cực. 3 chức năng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dùng: Hot Start, Arc Force và Antisticking là các chức năng hỗ trợ từ khi bắt đầu hàn và trong suốt quá trình hàn.

- **MMA :** Hàn que điện cực rutil, cơ bản, thép không gỉ và gang (lên tới Ø 4 mm)
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start, Arc Force và Antisticking
- Bảo vệ an toàn: quá dòng, ổn nhiệt, trên / dưới điện áp
- Dễ sử dụng
- Di chuyển cực kỳ dễ dàng cho thợ hàn (5 kg)
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).

MADE IN FRANCE

2 years GUARANTEE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn MMA	Dải dòng hàn TIG	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
230 V, 1 ph, 50/60 Hz	16 A	10-180 A	-	180 A	72.9 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
110 A/24.8 V 60% 180 A/27.2 V 18%	85 A/23.4 V 100%	28.5 x 13 x 23 cm	5 kg	IP21	IEC 60974-1/10 A

Thông tin đặt hàng

PROGYS 180 + phụ kiện Kìm hàn 200 A - 2 m, 16 mm² + Cáp kẹp đất 200 A - 1.6 m, 16 mm² + va li	**031425**
Pack PROGYS 180 Kìm hàn 200 A - 2 m + Cáp kẹp đất 200 A - 1.6 m, 16 mm² + va li + Mặt nạ LCD Venus 9/13 G IRON TRUE COLOR + 11 điện cực rutile Ø 2,5 mm + 9 điện cực rutile Ø 3,2 mm)	**013742**

PROGYS 183 E

MMA | MMA pulse | TIG Lift | 230 VOLTS | 1 PHASE

Được trang bị các công nghệ mới nhất, PROGYS 183E đảm bảo hàn chuyên nghiệp trên thép, gang và thép không gỉ. Chế độ "MMA PULSE" cho phép hàn dọc dễ dàng trên tất cả các loại que hàn điện cực.

- **MMA:** Hàn que điện cực rutil, cơ bản, thép không gỉ và gang (lên tới Ø 4 mm)
- **MMA Xung :** chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng. Khả năng điều chỉnh tần số
- **TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)**
  Hồ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Hiển thị kỹ thuật số trên màn hình để đọc nhanh các thông số thiết lập
- Siêu nhỏ gọn (5 kg)
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).

MADE IN FRANCE

2 years GUARANTEE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn MMA	Dải dòng hàn TIG	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
230 V, 1 ph, 50/60 Hz	16 A	10-180 A	10-180 A	180 A	72.9 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
MMA 180 A/27.2 V 18% 110 A/24.4 V 60% 85 A/23.4 V 100%	TIG 180 A/17.2 V 25% 135 A/15.4 V 60% 100 A/14 V 100%	14 x 19 x 28 cm	5 kg	IP21	IEC 60974-1/10 A

Thông tin đặt hàng

PROGYS 183 E + phụ kiện Kìm hàn 200 A - 2 m, 16 mm² + Cáp kẹp đất 200 A - 1.6 m, 16 mm² + va li	**013803**
Pack PROGYS 183 E Kìm hàn 200 A - 2 m, 16 mm² + Cáp kẹp đất 200 A - 1.6 m, 16 mm² + Màn hình LCD Techno 9/13 TRUE COLOR	**064836**

PROGYS 200A PFC

MMA | TIG Lift | 230 VOLTS | 1 PHASE

PROGYS 200A PFC đồng nghĩa với sự linh hoạt tuyệt vời cho thợ hàn. Công nghệ PFC (hiệu chỉnh hệ số công suất) của máy cho phép sử dụng cáp lên đến 100 m. 3 chức năng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dùng: Hot Start, Arc Force và Antisticking hỗ trợ khi bắt đầu hàn và trong suốt quá trình.

- **MMA:** Hàn que điện cực rutil, cơ bản, thép không gỉ và gang (lên tới Ø 5 mm)
- **TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)**
Hồ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Hiển thị kỹ thuật số trên màn hình để đọc nhanh các thông số thiết lập
- Sử dụng hoàn hảo với dây nối dài trên công trường
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).

MADE IN FRANCE

2 years QUALITY & GUARANTEE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn MMA	Dải dòng hàn TIG	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
230 V, 1 ph, 50/60 Hz	16 A	10-200 A	10-200 A	200 A	96 V (MMA) / 87 V (TIG)
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
MMA 200 A/28 V 20% 120 A/24.8 V 60% 90 A/23.6 V 100%	TIG 200 A/18 V 27% 145 A/15.8 V 60% 115 A/14.7 V 100%	27 x 21 x 14 cm	9 kg	IP21	IEC 60974-1/10 A

Thông tin đặt hàng

PROGYS 200A PFC + phụ kiện **031432**
Kim hàn 200 A - 2 m+ Cáp kẹp đất 200 A - 1.6 m, 25 mm² + va li

PROGYS 200E FV CEL

MMA | TIG Lift | 110 VOLTS | 230 VOLTS | 1 PHASE

PROGYS 200E FV CEL đảm bảo hồ quang điện luôn ổn định. Công nghệ PFC (hiệu chỉnh hệ số công suất) của máy cho phép sử dụng cáp lên đến 100 m. Công nghệ «FV» (Điện áp linh hoạt) đảm bảo hồ quang điện luôn ổn định ngay cả trong trường hợp biến động trong điện áp nguồn (85 đến 265 V) và nguồn điện được cung cấp bởi máy. Công nghệ đánh mồi hàn cho phép máy hàn có kết quả đáng tin cậy. Ngay cả hàn chiều dọc, bằng cách giảm dần hoặc tăng dần cho tất cả các loại điện cực, và cả điện cực xenlulo.

- **MMA:** Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 5 mm)
- **TIG DC với đánh mồi hàn nâng (Ø 1,6 đến 3,2 m)**
Hồ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Hiển thị kỹ thuật số trên màn hình để đọc nhanh các thông số thiết lập
- Sử dụng hoàn hảo với dây nối dài trên công trường
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).

MADE IN FRANCE

2 years QUALITY & GUARANTEE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn MMA	Dải dòng hàn TIG	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A (230 V) 32 A (110 V)	10-200 A (230 V) 10-120 A (110 V)	5-200 A (230 V) 5-140 A (110 V)	200 A	108 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)				**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
MMA (230 V / 16 A) 200 A/28 V 25% 135 A/25.4 V 60% 115 A/24.6 V 100%	MMA (110 V / 32 A) 120 A/24.8 V 35% 100 A/24 V 60% 90 A/23.6 V 100%	TIG (230 V / 16 A) 200 A/18 V 35% 165 A/16.6 V 60% 135 A/15.4 V 100%	TIG (110 V / 32 A) 140 A/15.6 V 40% 120 A/14.8 V 60% 110 A/14.4 V 100%	IP21	IEC 60974-1/10 A
				Kích thước L x l x h	**Cân nặng**
				44 x 37 x 27 cm	9 kg

Thông tin đặt hàng

PROGYS 200E FV CEL + phụ kiện **030862**
Kim hàn 200 A - 3 m+ Cáp kẹp đất 200 A - 3 m, 25 mm² + va li

PROGYS 200E FV CEL - không phụ kiện **031852**

PROGYS 220E FV CEL

MMA | MMA pulse | TIG Lift | 110 VOLTS | 230 VOLTS | 1 PHASE

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

PROGYS 220E FV CEL kết hợp công nghệ hàn mới nhất với giao diện người dùng trực quan. Công nghệ PFC (hiệu chỉnh hệ số công suất) của máy cho phép sử dụng cáp lên đến 100 m. Công nghệ «FV» (Điện áp linh hoạt) đảm bảo hồ quang điện luôn ổn định ngay cả trong trường hợp biến động trong điện áp nguồn (85 đến 265 V) và nguồn điện được cung cấp bởi máy. Công nghệ đánh mồi hàn cho phép máy hàn có kết quả đáng tin cậy. Ngay cả hàn chiều dọc, bằng cách giảm dần hoặc tăng dần cho tất cả các loại que hàn điện cực, và cả điện cực xenlulo.

- **MMA:** Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 5 mm)
- **MMA Xung :** chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng. Khả năng điều chỉnh tần số
- **TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)**
- **TIG Pulse :** giới hạn nhiệt độ nóng chảy và cho phép hàn các tấm từ 0,3 mm
- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 35 V.
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 20 V.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A - 32 A (230 V) 32 A (110 V)	220 A
Dải dòng hàn MMA	**Dải dòng hàn TIG**	**Điện áp không tải**
5-220 A (230 V) 5-120 A (110 V)	5-220 A (230 V) 5-140 A (110 V)	77.5 V (< 24 V VRD kích hoạt)
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		
MMA (230 V / 16 A) 220 A/28.8 V 22% 145 A/25.8 V 60% 120 A/24.8 V 100%	MMA (230 V / 32 A) 220 A/28.8 V 25% 175 A/27 V 60% 145 A/25.8 V 100%	MMA (110 V / 32 A) 120 A/24.8 V 23% 85 A/23.4 V 60% 70 A/22.8 V 100%
TIG (230 V / 16 A) 220 A/18.8 V 45% 200 A/18 V 60% 160 A/16.4 V 100%	TIG (230 V / 32 A) 220 A/18.8 V 50% 215 A/18.6 V 60% 200 A/18 V 100%	TIG (110 V / 32 A) 140 A/15.6 V 40% 120 A/14.8 V 60% 100 A/14 V 100%
Kích thước L x l x h 40.5 x 34 x 21.5 cm		**Cân nặng** 12 kg
Xếp hạng bảo vệ IP23		**Tiêu chuẩn** IEC 60974-1/10 A

Chiết áp để dễ dàng điều chỉnh

Bàn phím có thể khóa

Ghi nhớ đến 10 chương trình theo quy trình

Thông tin đặt hàng

PROGYS 220E FV CEL - không phụ kiện	**014657**

PROGYS FLEX 280 CEL

MMA | MMA pulse | TIG Lift | 110 VOLTS | 230 VOLTS | 400 VOLTS | 1 PHASE | 3 PHASES

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

PROGYS FLEX 280 CEL là thích hợp cho các mạng điện toàn cầu khác nhau. Máy tự động thích ứng với mạng cho dù một pha hay ba pha trong khoảng từ 110 đến 480 V. Máy cung cấp giải pháp cụ thể cho người dùng chuyên gia, với chỉ một máy duy nhất, máy có thể thực hiện tất cả các hoạt động bảo trì với que điện cực, ngoài ra còn kèm theo công nghệ TIG Lift.

- **MMA:** Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 5 mm)
- **MMA Xung :** chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng. Khả năng điều chỉnh tần số
- **TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)**
Hồ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 20 V.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Hiển thị 7 phần trên màn hình để đọc nhanh các thông số thiết lập
- Sử dụng hoàn hảo với dây nối dài trên công trường
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn MMA	Dải dòng hàn TIG	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
110/230/400 V 1 ph, 50/60 Hz 3 ph, 50/60 Hz	16 A (110/230/400 V) 20 A (110/230 V) 32 A (110 V)	5-140 A (110 V) 5-200 A (230 V) 5-280 A (400 V)	5-140 A (110 V) 5-200 A (230 V) 5-280 A (400 V)	280 A	100 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)					
110 V / 1 ph	110 V / 3 ph	230 V / 1 ph	230 V / 3 ph	400 V / 1 ph	400 V / 3 ph
MMA (32 A) 140 A/25.6 V 30% 115 A/24.5 V 60% 90 A/23.6 V 100%	MMA (32 A) 140 A/25.6 V 35% 125 A/25 V 60% 100 A/24 V 100%	MMA (20 A) 200 A/28 V 40% 180 A/27.2 V 60% 150 A/26 V 100%	MMA (20 A) 200 A/28 V 55% 190 A/27.6 V 60% 170 A/26.8 V 100%	MMA (16 A) 280 A/31.2 V 40% 220 A/28.8 V 60% 200 A/28 V 100%	MMA (16 A) 280 A/31.2 V 35% 200 A/28 V 60% 170 A/26.8 V 100%
TIG (20 A) 140 A/15.6 V 60% 110 A/14.4 V 100%	TIG (16 A) 140 A/15.6 V 60% 140 A/15.6 V 100%	TIG (20 A) 200 A/18 V 60% 180 A/17.2 V 100%	TIG (16 A) 200 A/18 V 60% 200 A/18 V 100%	TIG (16 A) 280 A/21.2 V 65% 250 A/20 V 60% 220 A/18.8 V 100%	TIG (16 A) 280 A/21.2 V 45% 225 A/19 V 60% 180 A/17.2 V 100%
Xếp hạng bảo vệ IP23		**Kích thước L x l x h** 47 x 43 x 26 cm		**Cân nặng** 23 kg	**Tiêu chuẩn** IEC 60974-1/10 A

Thông tin đặt hàng

PROGYS FLEX 280 CEL- không phụ kiện	**013544**

EXAGON 400 CC/CV

Tích hợp đa quy trình

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

EXAGON 400 CC / CV cung cấp công suất tối đa 400 A. Với đa quy trình 7 trong 1, thiết bị này mang đến một luồng gió mới cho dải máy hàn truyền thống. Với nhiều chế độ làm việc: MMA, MMA Pulse, MIG / MAG, TIG DC với đánh mồi Lift hoặc HF và khoét lỗ hồ quang cacbon. Tính linh hoạt của EXAGON 400 CC / CV được đặc trưng bởi tính dễ sử dụng và dễ dàng sử dụng trong mọi lĩnh vực (công trường, xưởng, đóng tàu, hàn ống và đường ống).

MMA: Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 6 mm)

MMA Xung : chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng.
Khả năng điều chỉnh tần số

TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)

Thổi hồ quang với que cac bon
(lên tới Ø 4 mm)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung NOMADFEED là bộ cấp dây hiệu quả - tùy chọn)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung EXAFEED là bộ cấp dây hiệu quả - tùy chọn)

TIG DC với công nghệ đánh mồi hàn HF
(tùy chọn máy EXATIG)

Tính năng bổ trợ

- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn để phù hợp WPS
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 35 V.
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 50 chương trình theo quy trình
- Cập nhật phần mềm đơn giản qua cáp USB mà không cần bất kỳ công cụ hoặc tháo gỡ nào
- Bàn phím có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- TIG Hồ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- Đọc nhanh các thông số cài đặt
- Thân máy gia cố
- 2 tay cầm bằng thép giúp di chuyển dễ dàng
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Phần thông gió kín giúp cách ly các linh kiện điện tử khỏi bụi.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
400 V, 3 ph, 50/60 Hz	32 A	400 A
Dải dòng hàn MMA	**Dải dòng hàn TIG**	**Dải dòng hàn MIG-MAG**
20-400 A	10-400 A	15-400 A

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

MMA	TIG	MIG/MAG
400 A/36 V 60%	400 A/26 V 60%	400 A/34 V 60%
350 A/34 V 100%	350 A/31.5 V 100%	350 A/24 V 100%

Kích thước L x l x h	58 x 52 x 30 cm	**Cân nặng**	32 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Tiêu chuẩn**	IEC 60974-1/10 A
Điện áp không tải	84 V (< 35 V VRD Kích hoạt)		

Thông tin đặt hàng

EXAGON 400 CC-CV - không phụ kiện	**010925**

EXAGON 400 MV

Đa điện áp 208 > 525 V

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

L'EXAGON 400 MV là máy tương thích với mọi mạng điện khác nhau trên toàn thế giới từ 208 đến 525 V, một pha hoặc ba pha. Với đa quy trình 7 trong 1, thiết bị này mang đến một luồng gió mới cho dải máy hàn truyền thống. Với nhiều chế độ làm việc: MMA, MMA Pulse, MIG / MAG, TIG DC với đánh mồi Lift hoặc HF và khoét lỗ hổ quang cacbon.

MMA: Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 6 mm)

MMA Xung : chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng.
Khả năng điều chỉnh tần số

TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)

Thổi hổ quang với que cac bon
(lên tới Ø 4 mm)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung NOMADFEED là bộ cấp dây hiệu quả - tùy chọn)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung NEOFEED trong tùy chọn)

TIG DC với công nghệ đánh mồi hàn HF
(tùy chọn máy EXATIG)

Bảo vệ quá nhiệt,
quạt hoạt động bằng máy điều nhiệt

- MMA
- MMA Xung
- MIG-MAG với máy cấp phát hiện điện áp (NO-MADFEED)
- MIG-MAG cùng bộ cấp dây chuyên dụng (NEOFEED)
- TIG DC Lift
- Thổi cacbon

Cài đặt chính:
- Dòng điện (MMA, TIG)
- Điện áp (MIG-MAG, Thổi cacbon)

Cài đặt phụ:
- Arcforce (MMA)
- Động lực học hổ quang (MIG-MAG)

Tính năng bổ trợ

- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn để phù hợp WPS
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 35 V.
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 50 chương trình theo quy trình
- Cập nhật phần mềm đơn giản qua cáp USB mà không cần bất kỳ công cụ hoặc tháo gỡ nào
- Bàn phím có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- TIG Hổ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- Sử dụng trên các máy phát điện quy định
- 2 tay cầm bằng thép giúp di chuyển dễ dàng
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Phần thông gió kín giúp cách ly các linh kiện điện tử khỏi bụi.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
208>300 V, 1 ph, 50/60 Hz	63 A	270 A
300>525 V, 1 ph, 50/60 Hz	32 A	
208>300 V, 3 ph, 50/60 Hz	63 A	400 A
300>525 V, 3 ph, 50/60 Hz	32 A	

Dải dòng hàn MMA	Dải dòng hàn TIG	Dải dòng hàn MIG-MAG
208> 525 V, 1 ph	208> 525 V, 1 ph	208> 525 V, 1 ph
15-270 A	10-270 A	10-270 A
Dải dòng hàn MMA	**Dải dòng hàn TIG**	**Dải dòng hàn MIG-MAG**
208> 525 V, 3 ph	208> 525 V, 3 ph	208> 525 V, 3 ph
15-400 A	10-400 A	10-400 A

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)
208> 525 V, 1 ph	208> 525 V, 3 ph
MMA / TIG / MIG-MAG 270 A 60% 220 A 100%	MMA / TIG / MIG-MAG 400 A 60% 350 A 100%

Kích thước L x l x h	66 x 52 x 30 cm	**Cân nặng**	36 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Tiêu chuẩn**	IEC 60974-1/10 A
Điện áp không tải	84 V (< 35 V VRD Kích hoạt)		

Thông tin đặt hàng

EXAGON 400 MV - không phụ kiện	069718

Pack PROGYS 280

	TIG	PROGYS FLEX 280 CEL 013544	Máy phát HF EXATIG 013780	Mỏ hàn TIG lamella SR26 L - 8 m 046184	Mỏ hàn TIG GRIP SR26 DB - 8 m 046177	Cáp kẹp đất 400 A 4 m / 50 mm² 047853	Dây cáp điện 5 m / 95 mm² 032439	Xe đẩy JOBSITE XL 039568
1	062573	■	■	■		■	■	
2	062580	■	■	■		■	■	■
3	062955	■	■		■	■	■	
	MIG/MAG	PROGYS FLEX 280 CEL 013544	Máy cấp NOMADFEED 036291	Mỏ hàn MIG/MAG 350 Thép A - 4 m 040946	Con lăn loại C - Ø 1 / 1.2 (thiết bị gốc)	Cáp kẹp đất 400 A 4 m / 50 mm² 047853	Dây cáp điện 5 m / 95 mm² 032439	Xe đẩy JOBSITE XL 039568
1	062559	■	■	■	■	■	■	
2	062566	■	■	■	■	■	■	■

Packs EXAGON 400

	MMA	EXAGON 400 CC/CV 010925	EXAGON 400 MV 069718	4 m / 70 mm² 500 A - 5 m / 50 mm² 046184	Cáp nối đất 500 A - 4 m / 50 mm² 046177	Kẹp cho thổi cacbon 1000 A 041516	Cáp 5m cho kẹp thổi cacbon 040670	Xe đẩy JOBSITE XL 039568
1	012387	■		■	■			
2	012394	■		■	■			■
3	012400	■		■	■	■	■	■
1	076235		■	■	■			
2	076242		■	■	■			■
3	076259		■	■	■	■	■	■
	TIG	EXAGON 400 CC/CV 010925	EXAGON 400 MV 069718	Máy phát HF EXATIG 013780	Mỏ hàn TIG lamella SR26 L - 8 m 046184	Mỏ hàn TIG GRIP SR26 DB - 8 m 046177	Cáp nối đất 400 A - 4 m / 50 mm² 047853	Cáp thông tin 11 m 036925	Dây cáp điện 5 m / 95 mm² 032439	Xe đẩy JOBSITE XL 039568
1	062573	■		■	■		■	■	■	
2	062580	■		■	■		■	■	■	■
3	062955	■		■		■	■	■	■	
1	076266		■	■	■		■		■	
2	076273		■	■	■		■		■	■
3	076280		■	■		■	■		■	

		Dòng điện hàn MMA (A) 50 100 150 200 250 300 400	Điện áp	Que điện cực hàn lên đến Ø	Chế độ hàn: MMA Xung	TIG Lift	TIG HF	MIG MAG	Thổi cacbon	Xenlulo	Nhôm	IP23	Càng nặng	VRD
	GYSARC, PROGYS, EXAGON 065529	220 230 V; 120 110 V	230 V 110 V	5 mm	■	■	■*			■		■	10.5 kg	■
	GYSARC **300 TRI** 064959	300	400 V	6 mm		■	■*		■	■		■	25.5 kg	■
	GYSARC **400 TRI** 013551	400	400 V	6 mm		■	■*		■	■		■	37.5 kg	■
	PROGYS **180A** 031425	180	230 V	4 mm			■*						5 kg	
	PROGYS **183 E** 013803	180	230 V	4 mm	■	■	■*						5 kg	
	PROGYS **200A PFC** 031432	200	230 V	5 mm		■	■*						9 kg	
	PROGYS **200E FV CEL** 031852	200 230 V; 120 110 V	230 V 110 V	5 mm		■	■*			■	■		9 kg	
	PROGYS **220E FV CEL** 014657	220	230 V 110 V	5 mm	■	■	■*			■	■	■	12 kg	■
	PROGYS **FLEX 280 CEL** 013544	280 400 V; 200 230 V; 140 110 V	400 V 230 V 110 V	5 mm	■	■	■*			■	■	■	23 kg	
	EXAGON **400 CC/CV** 010925	400	400 V	6 mm	■	■	■*	■**	■	■	■	■	32 kg	■
	EXAGON **400 MV** 069718	3 ph - 400; 1 ph - 270	208 V ... 525 V 1ph / 3 ph	6 mm	■	■	■*	■***	■	■	■	■	36 kg	■

* Máy cấp tần số cao EXATIG cần thiết (mã số 013780)

** Máy cấp EXAFEED (032408) hoặc NOMADFEED (036291)

*** NEOFEED (014527) hoặc NOMADFEED (036291)

| Chu kỳ làm việc 60% (40°C)

TIG

PROTIG
p.26

TITAN
p.32

EXATIG
p.34

PROTIG AC/DC
p.36

TIG AC/DC
p.40

TITANIUM
AC/DC
p.44

PROTIG 161 DC

DC | DC pulse | HF | L/DB | MMA | MMA pulse | 230 VOLTS | 1 PHASE

Siêu nhỏ gọn, dành cho thợ thủ công để hàn TIG và MMA, PROTIG 161 DC đảm bảo mối hàn chất lượng cao trên loại thép nhẹ và không gỉ nhờ vào công nghệ điều chỉnh dòng hàn thứ cấp. Giao diện trực quan giúp người dùng dễ dàng thao tác trên các tham số.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 10 đến 160A
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Chế độ Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế đầu nhiệt (hàn xung lên đến 100 Hz)
- Hàn điểm SPOT
- Ghi nhớ đến 10 chương trình theo quy trình
- Tương thích với mỏ hàn lamelle và mỏ hàn nút đôi
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).
- Dòng điện hàn MMA từ 10 đến 160A
- Điều chỉnh chu kỳ hàn:
  - Trước Gas (Pre-gas)
  - Đi lên (Upslop)
  - Dòng điện hàn
  - Dòng điện lạnh
  - Tần số xung
  - Đi xuống (Downslop)
  - Sau gas (Post-gas)

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn TIG	Dải dòng hàn MMA	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
230 V, 1 ph, 50/60 Hz	16 A	10-160 A	10-160 A	160 A	92 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
TIG 160 A/16.4 V 20% 105 A/14.2 V 60% 95 A/13.8 V 100%	MMA 160 A/26.4 V 15% 95 A/23.8 V 60% 80 A/23.2 V 100%	36 x 16 x 28 cm	7.5 kg	IP21	IEC 60974-1/3/10 A

Thông tin đặt hàng

PROTIG 161 DC + phụ kiện Mỏ hàn TIG nút đôi TIG17DB - 4 m + Hộp vật tư tiêu hao, Kìm hàn 200 A - 2 m + Cáp kẹp đất 200 A - 2 m, 25 mm²	062054
PROTIG 161 DC - không phụ kiện	066649

PROTIG 200 DC

DC | DC pulse | HF | L/DB | MMA | MMA pulse | 230 VOLTS | 1 PHASE

PROTIG 200 DC là máy hàn TIG-DC lý tưởng cho các ứng dụng xây dựng, lắp đặt, sửa chữa và bảo trì nhẹ. Kích thước nhẹ và nhỏ gọn của máy mang lại một lợi thế di động.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 5 đến 200A
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Chế độ Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế đầu nhiệt (hàn xung lên đến 900 Hz)
- Hàn điểm SPOT
- Ghi nhớ đến 10 chương trình theo quy trình
- Tương thích với mỏ hàn lamelle và mỏ hàn nút đôi
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).
- Dòng điện hàn MMA từ 10 đến 160A
- Điều chỉnh chu kỳ hàn:
  - Trước Gas (Pre-gas)
  - Đi lên (Upslop)
  - Dòng điện hàn
  - Dòng điện lạnh
  - Tần số xung
  - Đi xuống (Downslop)
  - Sau gas (Post-gas)

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn TIG	Dải dòng hàn MMA	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
230 V, 1 ph, 50/60 Hz	16 A	5-200 A	10-160 A	200 A	65 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
TIG 200 A/18 V 20% 115 A/14.6 V 60% 90 A/13.6 V 100%	MMA 160 A/26.4 V 20% 90 A/23.6 V 60% 70 A/22.8 V 100%	43.5 x 21.5 x 32.5 cm	10 kg	IP21	IEC 60974-1/3/10 A

Thông tin đặt hàng

PROTIG 200 DC + phụ kiện Mỏ hàn TIG nút đôi TIG26DB - 4 m + Hộp vật tư tiêu hao, Kìm hàn 200 A - 2 m + Cáp kẹp đất 200 A - 2 m, 25 mm²	062009

PROTIG 201 DC FV

DC | DC pulse | HF | L/DB/P | MMA | MMA pulse | 110 VOLTS | 230 VOLTS | 1 PHASE

PROTIG 201 DC FV là máy đa năng dùng để hàn TIG và hàn que điện cực phủ (MMA), máy nhỏ gọn và di động. Công nghệ PFC kết hợp nhiều ưu điểm, bao gồm quản lý năng lượng và khả năng hoạt động đáng tin cậy với dây cáp điện rất dài hơn 100 mét.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 10 đến 160A
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Chế độ Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế đầu nhiệt (hàn xung lên đến 2 kHz)
- Hàn điểm SPOT
- Nguồn điện một pha có điện áp linh hoạt (Flexible Voltage) từ 85 đến 265 V (FV) tích hợp công nghệ PFC để quản lý nguồn điện tốt hơn
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 50 chương trình theo quy trình TIG
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 30 V.
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).
- Dòng điện hàn MMA từ 10 đến 200A
- Điều chỉnh chu kỳ hàn:

  - Trước Gas (Pre-gas)
  - Đi lên (Upslop)
  - Dòng điện hàn
  - Dòng điện lạnh
  - Tần số xung
  - Đi xuống (Downslop)
  - Sau gas (Post-gas)

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn TIG	Dải dòng hàn MMA	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A (230 V) 32 A (110 V)	10-200 A (230 V) 10-180 A (110 V)	10-200 A (230 V) 10-140 A (110 V)	200 A	70 V (< 30 V VRD kích hoạt)
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)				**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
TIG (230 V / 16 A) 200 A/18 V 35% 165 A/16.6 V 60% 140 A/15.6 V 100%	TIG (110 V / 32 A) 180 A/17.2 V 25% 125 A/15 V 60% 110 A/14.4 V 100%	MMA (230 V / 16 A) 200 A/28 V 25% 135 A/25.4 V 60% 120 A/24.8 V 100%	MMA (110 V / 32 A) 140 A/25.6 V 20% 100 A/24 V 60% 90 A/23.6 V 100%	IP21	IEC 60974-1/3/10 A
				Kích thước L x l x h	**Cáng nặng**
				41 x 20 x 28 cm	10 kg

Thông tin đặt hàng

PROTIG 201 DC FV + phụ kiện Mỏ hàn TIG nút đôi SR26DB - 4 m + Hộp vật tư tiêu hao, Kim hàn 200 A - 2 m + Cáp kẹp đất 200 A - 2 m, 25 mm^2	065765
PROTIG 201 DC FV - không phụ kiện	065772

PROTIG 221 DC FV

DC | DC pulse | HF | L/DB/P | MMA | MMA pulse | 110 VOLTS | 230 VOLTS | 1 PHASE

PROTIG 221 DC FV là máy đa năng dùng để hàn TIG và hàn que điện cực phủ (MMA), máy nhỏ gọn và di động. Công nghệ PFC kết hợp nhiều ưu điểm, bao gồm quản lý năng lượng và khả năng hoạt động đáng tin cậy với dây cáp điện rất dài hơn 100 mét.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 5 đến 220A
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Chế độ Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế đầu nhiệt (hàn xung lên đến 2 kHz)
- Hàn điểm SPOT
- Nguồn điện một pha có điện áp linh hoạt (Flexible Voltage) từ 85 đến 265 V (FV) tích hợp công nghệ PFC để quản lý nguồn điện tốt hơn
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 10 chương trình theo quy trình
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- Được bảo vệ chống quá áp lên đến 400 V (PROTEC 400).
- Dòng điện hàn MMA từ 10 đến 200A
- Điều chỉnh chu kỳ hàn:

  - Trước Gas (Pre-gas)
  - Đi lên (Upslop)
  - Dòng điện hàn
  - Dòng điện lạnh
  - Tần số xung
  - Đi xuống (Downslop)
  - Sau gas (Post-gas)

Làm lạnh (tùy chọn)	
500 W - 0.5 L	mã số 039490
1000 W - 3.5 L	mã số 039773

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn TIG	Dải dòng hàn MMA	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A (230 V) 32 A (110 V)	5-220 A (230 V) 5-180 A (110 V)	10-200 A (230 V) 10-140 A (110 V)	220 A	76 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)				**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
TIG (230 V / 16 A) 220 A/18.8 V 35% 165 A/16.6 V 60% 150 A/16.0 V 100%	TIG (110 V / 32 A) 180 A/17.2 V 25% 125 A/15.0 V 60% 110 A/14.4 V 100%	MMA (230 V / 16 A) 200 A/28 V 25% 135 A/25.4 V 60% 120 A/24.8 V 100%	MMA (110 V / 32 A) 140 A/25.6 V 19% 110 A/24.4 V 60% 90 A/23.6 V 100%	IP21	IEC 60974-1/3/10 A
				Kích thước L x l x h	**Cáng nặng**
				42.5 x 23 x 29.5 cm	11 kg

Thông tin đặt hàng

PROTIG 221 DC FV - không phụ kiện	070905

TIG 300 DC

Bộ làm lạnh
(tùy chọn)
mã số 032217

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

TIG 300 DC là máy với hàn với quy trình kép mang lại các điều kiện tuyệt vời cho hàn TIG DC và MMA. Kiểm soát đánh mối hàn với dòng điện thấp cung cấp kết quả hàn TIG sạch cho các ứng dụng cần sự chính xác.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 5 đến 300 A
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Chế độ Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế đầu nhiệt (hàn xung lên đến 2 kHz)
- Hàn điểm SPOT
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 10 chương trình theo quy trình
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- Mode Connect 5 để điều khiển máy từ bảng điều khiển hoặc tự động hóa
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Dòng điện hàn MMA từ 10 đến 250A

- Điều chỉnh chu kỳ hàn:

  - Trước Gas (Pre-gas)
  - Đi lên (Upslop)
  - Dòng điện hàn
  - Dòng điện lạnh
  - Tần số xung
  - Đi xuống (Downslop)
  - Sau gas (Post-gas)

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn TIG	Dải dòng hàn MMA	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
400 V, 3 ph, 50/60 Hz	16 A	5-300 A	10-250 A	300 A	90 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
TIG 300 A/22 V 35% 255 A/20.2 V 60% 240 A/19.6 V 100%	MMA 250 A/30 V 30% 220 A/28.8 V 60% 210 A/28.4 V 100%	40 x 52 x 25 cm	20 kg	IP23	IEC 60974-1/3/10 A

Thông tin đặt hàng

TIG 300 DC - không phụ kiện	012318

Packs PROTIG 201 DC FV

		PROTIG 201 DC FV	Mỏ hàn TIG lamella SR17 L - 8 m 044340	Mỏ hàn TIG GRIP SR26 DB - 4 m 046030	Cáp kẹp đất 250 A 4 m / 25 mm² 043794	4 m / 70 mm² 200 A - 2 m / 25 mm²	Xe nâng tay 4m³ 015678	Xe đẩy 10m³ XL/TM 1 041257
1	N.C	■	■		■		■	
2	N.C	■	■		■			■
3	N.C	■		■	■2 m / 25 mm²	(thiết bị gốc)	■	

Packs PROTIG 221 DC FV

		PROTIG 221 DC FV	Mỏ hàn TIG lamella 8 m	Mỏ hàn TIG GRIP Mỏ hàn nút đôi - 8m	Cáp kẹp đất 250 A 4 m / 25 mm² 043794	Bộ làm lạnh WCU 0.5KW A 039490	Xe nâng tay 10m³ 039704
1	072749	■	SR26L (046184)		■		
2	072763	■		SR26 DB (046177)	■		
3	072770	■	SR20L (046153)		■	■	■
4	072787	■		SR20 DB (046146)	■	■	■

Packs TIG 300 DC

		TIG 300 DC	Mỏ hàn TIG lamella 8 m	Mỏ hàn TIG GRIP Mỏ hàn nút đôi - 8m	Cáp kẹp đất 250 A 4 m / 25 mm² 043794	Bộ làm lạnh WCU 1KW B 032217	Xe nâng tay 10m³ 039704
1	012325	■	SR26L (046184)		■		
2	012332	■	SR26L (046184)		■		■
3	012349	■		SR26 DB (046177)	■		
4	012356	■		SR26 DB (046177)	■		■
5	012363	■	SR20L (046153)		■	■	
6	012370	■		SR20 DB (046146)	■	■	■
7	012509	■		SR20 DB (038202)	■	■	■

TITAN 400 DC

Bộ làm lạnh
(tùy chọn)
mã số 013537

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Lý tưởng cho hàn chính xác trên các kim loại hợp kim cao, máy TITAN 400 (400 A @ 60%) được thiết kế cho các ứng dụng hàn TIG và MMA tiêu chuẩn khắt khe nhất. Trực quan với đa nhiệm, giao diện của máy giúp người dùng dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn. Với chế độ TACK, tối ưu cho hàn điểm, TITAN 400 DC là công cụ cần thiết cho hàn chuyên nghiệp khi hàn ống, ống dẫn hoặc tấm thép không gỉ.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 3 đến 400A
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Chế độ Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế đầu nhiệt (hàn xung lên đến 2 kHz)
- Chế độ E-TIG đảm bảo giúp thợ hàn duy trì công suất hàn bất kể vị trí của mỏ hàn so với kim loại (kiểm soát năng lượng hàn).
- Hàn điểm SPOT (truyền thống)
- Hàn điểm TACK, chính xác và không bị oxy hóa để làm giảm nguy cơ biến dạng
- Mode Connect 5 để điều khiển máy từ bảng điều khiển hoặc tự động hóa
- Chế độ hiệu chuẩn cho phụ kiện hàn, cho phép đo điện áp hiển thị và tính toán năng lượng
- Chế độ NĂNG LƯỢNG (ENERGY), hiển thị và tính toán năng lượng sau khi hàn, theo tiêu chuẩn EN1011-1, ISO / TR 18491 và QW-409.

-Trước Gas/ Sau Gas
- Đi lên (Upslop)
- Dòng điện hàn
- Đi xuống (Downslop)
- Dòng điện lạnh
- Tần số xung
- cân bằng thời gian làm

Thiết lập: Truy cập vào menu nâng cao
(Chế độ hiệu chuẩn, Năng lượng, Làm lạnh v.v.)

Tính năng bổ trợ

- Cài đặt chu kỳ hàn nâng cao:
  -Dòng điện khi bắt đầu và kết thúc quá trình hàn.
  - Các dạng sóng xung.
  - Thời gian hàn điểm cho TIG DC
  - Thời gian điểm cho TIG xung
- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn để phù hợp WPS
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 50 chương trình theo quy trình với chế độ gợi nhớ công việc
- Bàn phím có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Thân máy gia cố
- 2 tay cầm bằng thép giúp di chuyển dễ dàng
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	**Nguồn điện**	**Dòng điện hàn max.**
400 V, 3 ph, 50/60 Hz	32 A	400 A
Dải dòng hàn TIG	**Dải dòng hàn MMA**	**Điện áp không tải**
3-400 A	5-400 A	85 V

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

TIG	MMA
400 A/26.0 V 60%	400 A/36.0 V 60%
360 A/24.4 V 100%	360 A/34.4 V 100%

Kích thước L x l x h	75 x 30 x 54 cm	**Cân nặng**	40 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Tiêu chuẩn**	IEC 60974-1/3/10 A

Thông tin đặt hàng

TITAN 400 DC - không phụ kiện	013520

Packs TITAN 400 DC TRI

		Mỏ hàn ABITIG 450W - 8 m	Cáp kẹp đất 600 A 4 m / 70 mm²	Bộ làm lạnh WCU 1KW C	Xe đẩy 10m³ T/M
			043831	013537	037328
1	013766	Mỏ hàn lamella 037359	■	■	■
2	013773	Mỏ hàn nút đôi 037366			

EXATIG

Máy cấp tần số cao (HF)

EXATIG là máy cấp tần số cao (HF) để hàn TIG trên máy hàn một chiều. Máy cấp EXAGON 400 CC / CV được tối ưu hóa nhờ các đầu nối cụ thể của nó.

- Kết nối trực tiếp từ nguồn điện mà không cần cáp nguồn phụ
- Các chức năng có sẵn với EXAGON (ref. 010925) :
  TIG 300 DC hàn dòng điện một chiều cho vật liệu sắt II
  - TIG DC Xung : giới hạn sự gia tăng nhiệt độ của (xung lên đến 200 Hz)
  Đánh mối hàn Lift hoặc HF
  - Quản lý kích hoạt 2T / 4T
  - Tự động phát hiện mỏ cắt Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
  -Chu kỳ hoàn chỉnh cho hàn:
  Trước Gas, Đi lên (Upslop), Dòng hàn, Dòng lạnh, Tần số xung, Đi xuống (Downslop), Sau Gas
- Các chức năng có sẵn với máy CC (ví dụ : PROGYS) :
  -Đánh mối hàn HF
  -Trước Gas và Sau Gas cố định nhưng có thể điều chỉnh nội bộ
  - Quản lý kích hoạt 2T / 4T 2T và 4T
  - Điều chỉnh lưu lượng khí bằng đồng hồ đo lưu lượng (5> 25 l / phút).

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Dải dòng hàn TIG	Dòng điện hàn max.	Điện áp đánh mối hàn HF
20-100 V	10-400 A	400 A	9 kV
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Tiêu chuẩn**
270 A 60% 220 A 100%	34 x 26 x 16 cm	6.5 kg	IEC 60974-3

Thông tin đặt hàng

EXATIG - không phụ kiện	013780

ORBITIG 200A

Dành cho hàn quỹ đạo

Được thiết kế cho các ứng dụng hàn tự động, ORBITIG 200A là nguồn điện được điều khiển bằng Bus CAN. Nhỏ gọn, có thể dễ dàng tích hợp trên tự động hóa, đặc biệt cho hàn quỹ đạo.

- Giao thức giao tiếp cho CAN OPEN
- Chế độ THEO DÕI: nguồn điện nhận và áp dụng cho các điểm đặt trên nguồn điện
- Chế độ HIỆU CHUẨN CAO: xác định vị trí của que hàn ở độ cao nhất định khi phát hiện tiếp xúc
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Trao đổi thông tin tức thì:
  - Trạng thái hàn (Arc ON / Arc OFF)
  - Điện áp và dòng điện đo được
  - Bảo vệ trong trường hợp quá áp, quá áp, phát hiện đoản mạch trong quá trình hàn hoặc ngắt hồ quang
  - Bảo vệ nhiệt trong trường hợp quá nhiệt
- Nguồn điện một pha có điện áp linh hoạt (Flexible Voltage) từ 85 đến 265 V (FV) tích hợp công nghệ PFC để quản lý nguồn điện tốt hơn

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dải dòng hàn TIG	Dòng điện hàn max.	Điện áp không tải
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A (230 V) 32 A (110 V)	5-220 A (230 V) 5-180 A (110 V)	220 A	76 V
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Tiêu chuẩn**
230 V / 16 A : 220 A 35% 165 A 60% 140 A 100%	110 V / 32 A : 180 A 40% 125 A 60% 110 A 100%	39 x 16 x 28 cm	9 kg	IEC 60974-1/3/10 A

Thông tin đặt hàng

ORBITIG 200A - không phụ kiện	012448

PROTIG 200 AC/DC

PROTIG 200 AC / DC là máy phát TIG một pha, được trang bị bảng điều khiển tiên tiến với tất cả các chức năng cần thiết để hàn TIG AC / DC. Chế độ AC Easy mang lại kết quả cao, ngay cả khi không thực hành hàn nhôm hàng ngày.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 10 đến 200 A (TIG AC), 10 đến 160 A (TIG DC)
- Chế độ DC Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế đầu vào nhiệt AC
- Chế độ AC Easy : tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng máy nhờ các thông số được xác định trước
- Kiểm soát chính xác cho cài đặt tần số AC (xung lên đến 200 Hz)
- Hàn điểm SPOT
- Đánh mồi hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Ghi nhớ đến 30 chương trình theo quy trình
- Tương thích với mỏ hàn lamelle và mỏ hàn nút đôi
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 30 V.
- Quy trình MMA và MMA Xung lên đến 160 A.

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

- Trước Gas
- Đi lên (Upslop)
- Đi xuống (Downslop)
- Dòng lạnh (TIG DC)
- Tần số xung (TIG DC)
- Dòng điện hàn (TIG AC)
  Điều chỉnh (TIG AC)
- Sau gas

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A	200 A (AC) 160 A (DC)

Dải dòng hàn TIG AC	Dải dòng hàn TIG DC	Dải dòng hàn MMA
10-200 A	10-160 A	10-160 A

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

TIG AC	TIG DC	MMA
200 A/18 V 20% 115 A/16.4 V 60% 90 A/13.6 V 100%	160 A/16.4 V 20% 90 A/13.6 V 60% 70 A/12.8 V 100%	160 A/26.4 V 20% 90 A/23.6 V 60% 70 A/22.8 V 100%

Kích thước L x l x h	24 x 43 x 35 cm	**Cân nặng**	12.5 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP21	**Điện áp không tải**	64 V (< 30 V VRD kích hoạt)
Tiêu chuẩn	IEC 60974-1/3/10 A		

Thông tin đặt hàng

PROTIG 200 AC/DC + phụ kiện Mỏ hàn TIG nút đôi TIG26DB - 4 m + Hộp vật tư tiêu hao, Kìm hàn 200 A - 2 m + Cáp kẹp đất 200 A - 2 m, 25 mm^2	068742

PROTIG 201 AC/DC
PROTIG 201L AC/DC

Bộ làm lạnh tích hợp

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

PROTIG 201 là máy phát TIG một pha, được trang bị bảng điều khiển tiên tiến với tất cả các chức năng cần thiết để hàn TIG AC / DC. Chế độ AC Easy mang lại kết quả cao, ngay cả khi không thực hành hàn nhôm hàng ngày. Máy 201L kết hợp bộ làm mát bằng chất lỏng ngăn chặn quá nhiệt trong quá trình hàn chuyên sâu.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 10 đến 200 A (TIG AC), 10 đến 160 A (TIG DC)
- Chế độ DC Xung: cho phép lắp ráp các bộ phận trong khi hạn chế tăng nhiệt độ
- Chế độ AC Easy : tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng máy nhờ các thông số được xác định trước trong AC
- Kiểm soát chính xác cho cài đặt tần số AC (xung lên đến 200 Hz)
- Hàn điểm SPOT
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 50 chương trình theo quy trình
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 30 V.
- Quy trình MMA và MMA Xung lên đến 160 A.

Thông số kỹ thuật

		201 AC/DC FV		201L AC/DC
Dòng hàn		230 V 1 ph, 50/60 Hz	110 V 1 ph, 50/60 Hz	230 V 1 ph, 50/60 Hz
Nguồn điện		13 A	20 A	13 A
Dòng điện hàn max.		200 A (AC) 160 A (DC)	160 A	200 A (AC) 160 A (DC)
Dải dòng hàn	TIG AC	10-200 A	10-160 A	10-200 A
	TIG DC	10-160 A	10-160 A	10-160 A
	MMA	10-160 A	10-110 A	10-160 A
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	TIG AC Imax	200 A 13%	160 A 20%	200 A 13%
	TIG AC 60%	90 A / 13.6 V	105 A / 14.2 V	90 A / 13.6 V
	TIG AC 100%	80 A / 13.2 V	90 A / 14.4 V	80 A / 13.2 V
	TIG DC Imax	160 A 25%	160 A 25%	160 A 25%
	TIG DC 60%	100 A / 14 V	120 A / 14.8 V	100 A / 14 V
	TIG DC 100%	95 A / 13.8 V	100 A / 14 V	95 A / 13.8 V
	MMA Imax	160 A 25%	110 A 32%	160 A 25%
	MMA 60%	100 A / 24 V	90 A / 23.6 V	100 A / 24 V
	MMA 100%	95 A / 23.8 V	85 A / 23.4 V	95 A / 23.8 V
Điện áp không tải		70 V (< 30 V VRD kích hoạt)		70 V (< 30 V VRD kích hoạt)
Xếp hạng bảo vệ		IP 21		IP 21
Kích thước L x l x h		24 x 41 x 36 cm		24 x 43 x 50 cm
Cân nặng		15 kg		20.5 kg
Tiêu chuẩn		IEC 60974-1/3/10 A		IEC 60974-1/2/3/10 A
Công suất làm mát		-		400 W
Áp suất tối đa		-		0.6 MPa (87 Psi)
Dung tích chứa		-		1.25 L (0.27 gal US)

Thông tin đặt hàng

PROTIG 201 AC/DC FV + phụ kiện Mỏ hàn TIG nút đôi SR26DB - 4 m + Hộp vật tư tiêu hao, Kìm hàn 200 A - 2 m + Cáp kẹp đất 200 A - 2 m, 25 mm^2	063945
PROTIG 201 AC/DC FV - không phụ kiện	061828

Thông tin đặt hàng

PROTIG 201L AC/DC + phụ kiện Mỏ hàn TIG nút đôi SR20DB - 4 m + Hộp vật tư tiêu hao, Kìm hàn 200 A - 2 m + Cáp kẹp đất 200 A - 2 m, 25 mm^2	063952
PROTIG 201L AC/DC - không phụ kiện	062610

TIG 220 AC/DC FV

Bộ làm lạnh (tùy chọn) mã số 039773

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

TIG 220 AC / DC thiết kế để cung cấp nhiều lựa chọn quy trình hàn (TIG AC, DC, MMA) cho phép lắp ráp tất cả các vật liệu (thép, thép không gỉ, nhôm, đồng).
Mạnh mẽ và nhỏ gọn, TIG 220 AC / DC là công cụ lý tưởng cho các công việc hàn có yêu cầu cao.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 5 đến 220 A (TIG AC), 10 đến 220 A (TIG DC)
- Chế độ DC Xung: cho phép các bộ phận được lắp ráp trong khi hạn chế đầu vào nhiệt (xung lên đến 2,5 kHz)
- Chế độ AC Xung: Kiểm soát chính xác cho cài đặt tần số AC (xung lên đến 2 Hz)
- Chế độ AC Mix: dòng điện xoay chiều AC và DC để tăng tốc độ hàn trên các cụm nhôm
- Cấu hình các dạng sóng AC (hình vuông, hình thang, hình tam giác và hình sin) bằng một nửa-xoay chiều, cho phép khả năng kiểm soát và thâm nhập hồ quang trong khi mức âm thanh giảm
- Hàn điểm SPOT (truyền thống) và TACK: siêu chính xác và không bị ôxy hóa để giảm nguy cơ biến dạng
- Chế độ SYNERGIC (tự động tính toán các thông số hàn tối ưu)
- Mode Connect 5 để điều khiển máy từ bảng điều khiển hoặc tự động hóa
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG

Giao diện trực quan và đa ngôn ngữ được trang bị màn hình màu 5,7 "rất dễ đọc và 2 bánh xe điều hướng.

Người hàn có thể dễ dàng truy cập các menu khác nhau và xác định các thông số của riêng mình:

- Trước Gas
-Dòng điện bắt đầu
-Dòng điện đi lên
- Dòng điện lạnh
-Thời gian hàn xung
- Tần số xung
-Dòng điện giảm
-Dòng điện
- Sau gas
-Phần trăm dải
-Tần số AC
- etc.

Tính năng bổ trợ

- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn để phù hợp WPS
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 100 chương trình theo quy trình
- Bàn phím có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Chế độ MMA và MMA Xung lý tưởng cho hàn thẳng đứng đi lên
- Chế độ MMA AC: hạn chế nhiễu từ của hồ quang khi hàn các bộ phận mang điện (xung cố định ở tần số 50 Hz)
- Nguồn điện một pha có điện áp linh hoạt (Flexible Voltage) từ 85 đến 265 V (FV) tích hợp công nghệ PFC để quản lý nguồn điện tốt hơn
- Đọc nhanh các thông số cài đặt
- Thân máy gia cố
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A (230 V) 32 A (110 V)	220 A (AC) 220 A (DC)
Dải dòng hàn TIG AC	**Dải dòng hàn TIG DC**	**Dải dòng hàn MMA**
10-220 A (230 V) 10-140 A (110 V)	5-220 A (230 V) 5-140 A (110 V)	10-220 A (230 V) 10-140 A (110 V)

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

TIG (230 V) AC	TIG (230 V) DC	MMA (230 V)
220 A/18.8 V @ 40% 185 A/17.4 V @ 60% 170 A/16.8 V @ 100%	220 A/18.8 V @ 35% 175 A/17 V @ 60% 160 A/16.4 V @ 100%	220 A/28.8 V @ 25% 160 A/26.4 V @ 60% 130 A/25.2 V @ 100%
TIG (110 V) AC	TIG (110 V) DC	MMA (110 V)
140 A/15.6 V @ 100%	140 A/15.6 V @ 100%	140 A/25.6 V @ 75% 125 A/25 V @ 100%

Kích thước L x l x h	25 x 52 x 40 cm	**Càng nặng**	20 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Điện áp không tải**	75 V
Tiêu chuẩn	IEC 60974-1/3/10 A		

Thông tin đặt hàng

TIG 220 AC/DC - không phụ kiện	011908

TIG 250 AC/DC FV

Bộ làm lạnh tích hợp

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

TIG 250 AC / DC có chu kỳ làm việc 250 A ở 60% và 200 A ở 100% (AC và DC), cho phép máy sử dụng liên tục cho các công việc chuyên sâu. Thay thế hệ thống thông gió cho bộ phận điện tử, máy có hệ thống làm mát được đảm bảo bởi một hệ thống tấm nước sáng tạo mang lại lợi thế như chu kỳ làm việc cao và bảo vệ các thành phần điện tử khỏi các điều kiện khắc nghiệt của môi trường công nghiệp.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 10 đến 250 A (TIG AC), 5 đến 250 A (TIG DC)
- Chế độ DC Xung: cho phép các bộ phận được lắp ráp trong khi hạn chế đầu vào nhiệt (xung lên đến 2,5 kHz)
- Chế độ AC Xung: Kiểm soát chính xác cho cài đặt tần số AC (xung lên đến 2 Hz)
- Hàn điểm SPOT
- Chế độ SYNERGIC (tự động tính toán các thông số hàn tối ưu)
- Mode Connect 5 để điều khiển máy từ bảng điều khiển hoặc tự động hóa
- Đánh mồi hàn Lift hoặc HF
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T / 4T LOG
- Cấu trúc nhôm được gia công tránh mọi biến dạng cho phép slinging
- Công nghệ "không quạt" (không thông gió).

Giao diện trực quan và đa ngôn ngữ được trang bị màn hình màu 5,7 "rất dễ đọc và 2 bánh xe điều hướng.

Người hàn có thể dễ dàng truy cập các menu khác nhau và xác định các thông số của riêng mình:

- Trước Gas
-Dòng điện bắt đầu
-Dòng điện đi lên
- Dòng điện lạnh
-Thời gian hàn xung
- Tần số xung
-Dòng điện giảm
-Dòng điện
- Sau gas
-Phần trăm dải
-Tần số AC
- etc.

Tính năng bổ trợ

- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn để phù hợp WPS
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 100 chương trình theo quy trình
- Bàn phím có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Chế độ MMA lên đến 250 A
- Đọc nhanh các thông số cài đặt
- Thân máy gia cố
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
400 V 3 ph, 50/60 Hz	16 A	250 A (AC) 250 A (DC)
Dải dòng hàn TIG AC	**Dải dòng hàn TIG DC**	**Dải dòng hàn MMA**
10-250 A	5-250 A	10-250 A

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

TIG AC	TIG DC	MMA
250 A/20 V 60% 200 A/18 V 100%	250 A/20 V 60% 200 A/18 V 100%	250 A/30 V 40% 230 A/29.2 V 60% 200 A/28 V 100%

Kích thước L x l x h	48 x 80 x 75 cm	**Càng nặng**	58 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Điện áp không tải**	85 V
Tiêu chuẩn	IEC 60974-1/2/3/10 A		

Công suất của chất làm mát	Áp suất tối đa	Dung tích chứa
1420 W	0.2 MPa (29 Psi)	5.5 L (1.45 gal US)

Thông tin đặt hàng

TIG 250 AC/DC - không phụ kiện	012004

TITANIUM 230 AC/DC

TITANIUM 230 AC/DC FV là máy hàn một pha TIG AC et DC. Được trang bị thiết bị điện tử thế hệ mới nhất và quản lý kỹ thuật số hoàn toàn. Hai liên kết thiết yếu để đảm bảo chất lượng và năng suất hàn vượt trội.

Bộ làm lạnh
(tùy chọn)
mã số 070820

- Dòng điện hàn TIG DC từ 3 đến 230 A (TIG AC), 5 đến 230 A (TIG DC)
- Chế độ Wizard Alu (Sáng tạo chỉ bởi GYS) hàn điểm và hàn TIG Nhôm không cần que hàn Nhôm, Thép, Thép không gỉ và Đồng có hoặc không có kim loại phụ
- Chế độ DC Xung: cho phép các bộ phận được lắp ráp trong khi hạn chế đầu vào nhiệt (xung lên đến 2,5 kHz)
- Chế độ DC FastPulse : duy trì các yêu cầu khắt khe của chế độ Xung trong khi vẫn ở tần số âm thanh yên tĩnh, thậm chí không nghe được (xung lên đến 20 kHz)
- Chế độ AC Xung: Kiểm soát chính xác cho cài đặt tần số AC (xung lên đến 500 Hz)
- Chế độ AC Mix: dòng điện xoay chiều AC và DC để tăng tốc độ hàn trên các cụm nhôm.
- Hàn điểm SPOT/ Multi SPOT : hàn điểm truyền thống
  Chế độ Multi cho phép điều chỉnh thời gian giữa 2 điểm
- Hàn điểm TACK / Multi TACK : siêu chính xác và không bị ôxy hóa để giảm nguy cơ biến dạng Chế độ Multi cho phép điều chỉnh thời gian giữa 2 điểm
- Chế độ E-TIG đảm bảo giúp thợ hàn duy trì công suất hàn bất kể vị trí của mỏ hàn so với kim loại (kiểm soát năng lượng hàn).
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

5 inch, giao diện màu cực kỳ trực quan

Tính năng bổ trợ

- Chế độ SYNERGIC (tự động tính toán các thông số hàn tối ưu)
- Năng lượng được đo chính xác
- Truy xuất nguồn gốc của tất cả các loại hàn theo EN 3834
- Chế độ hiệu chuẩn cho phụ kiện hàn (tính toán năng lượng)
- Có thể kết nối thông qua kết nối tùy chọn để sử dụng cho rô bốt.
- Tích hợp chế độ giúp người dùng chia sẻ cấu hình với nhiều người dùng khác
- Sao lưu, chỉ từ USB, các JOB của người dùng với cấu hình máy.
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- Cập nhập máy và chế độ synergy bằng USB
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 500 chương trình theo quy trình
- Chế độ MMA / MMA AC và MMA Xung
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
110/230 V 1 ph, 50/60 Hz	16 A (230 V) 32 A (110 V)	230 A (230 V) 140 A (110 V)
Dải dòng hàn TIG AC	**Dải dòng hàn TIG DC**	**Dải dòng hàn MMA**
3-230 A (230 V) 3-140 A (110 V)	5-230 A (230 V) 5-140 A (110 V)	5-230 A (230 V) 5-140 A (110 V)

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

TIG (230 V) AC	TIG (230 V) DC	MMA (230 V)
190 A/17.6 V 60% 160 A/16.4 V 100%	190 A/17.6 V 60% 160 A/16.4 V 100%	160 A/26.4 V 60% 130 A/25.2 V 100%

Kích thước L x l x h	49 x 26 x 44 cm	**Cáng nặng**	22 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Điện áp không tải**	55 V
Tiêu chuẩn	IEC 60974-1/3/10 A		

Thông tin đặt hàng

TITANIUM 230 AC/DC FV + phụ kiện Mỏ hàn TIG nút đôi SR26DB - 8 m + Hộp vật tư tiêu hao, Cáp kẹp đất 250 A - 4m, 25 mm²	075924
TITANIUM 230 AC/DC FV - không phụ kiện	061996

INNOVATION

"WIZARD ALU được phát minh cho hàn TIG ALU có thể truy cập được cho bất kỳ người dùng nào, ngay cả người mới hàn."

Để biết thêm

TITANIUM 400 AC/DC

Bộ làm lạnh
(tùy chọn)
mã số 013537

MADE IN FRANCE

2 years GUARANTEE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

TITANIUM 400, đỉnh cao hàn TIG AC và DC với nguồn điện 3 pha. Được trang bị thiết bị điện tử thế hệ mới nhất và quản lý kỹ thuật số hoàn toàn. Hai liên kết thiết yếu để đảm bảo chất lượng và năng suất hàn vượt trội.

- Dòng điện hàn TIG DC từ 5 đến 400 A (TIG AC), 3 đến 400 A (TIG DC)
- Chế độ Wizard Alu (Sáng tạo chỉ bởi GYS) hàn điểm và hàn TIG Nhôm không cần que hàn Nhôm, Thép, Thép không gỉ và Đồng có hoặc không có kim loại phụ
- Chế độ DC Xung: cho phép các bộ phận được lắp ráp trong khi hạn chế đầu vào nhiệt (xung lên đến 2,5 kHz)
- Chế độ DC FastPulse : duy trì các yêu cầu khắt khe của chế độ Xung trong khi vẫn ở tần số âm thanh yên tĩnh, thậm chí không nghe được (xung lên đến 20 kHz)
- Chế độ AC Xung: Kiểm soát chính xác cho cài đặt tần số AC (xung lên đến 500 Hz)
- Chế độ AC Mix: dòng điện xoay chiều AC và DC để tăng tốc độ hàn trên các cụm nhôm.
- Hàn điểm SPOT/ Multi SPOT : hàn điểm truyền thống
  Chế độ Multi cho phép điều chỉnh thời gian giữa 2 điểm
- Hàn điểm TACK / Multi TACK : siêu chính xác và không bị ôxy hóa để giảm nguy cơ biến dạng Chế độ Multi cho phép điều chỉnh thời gian giữa 2 điểm
- Chế độ E-TIG đảm bảo giúp thợ hàn duy trì công suất hàn bất kể vị trí của mỏ hàn so với kim loại (kiểm soát năng lượng hàn).
- Đánh mối hàn Lift hoặc HF

5 inch, giao diện màu cực kỳ trực quan

Tên người dùng / truy xuất nguồn gốc

Truy cập vào menu cơ bản
(Cài đặt người dùng, Hệ thống, Khóa, Truy xuất, v.v.)

Xác lập quy trình hiện tại

Điện áp, dòng điện và năng lượng

Ghi nhớ và gợi ý công việc

Điều chỉnh chu kỳ hàn:

Bánh xe điều hướng

Tính năng bổ trợ

- Chế độ SYNERGIC (tự động tính toán các thông số hàn tối ưu)
- Năng lượng được đo chính xác
- Truy xuất nguồn gốc của tất cả các loại hàn theo EN 3834
- Chế độ hiệu chuẩn cho phụ kiện hàn (tính toán năng lượng)
- Có thể kết nối thông qua kết nối tùy chọn để sử dụng cho rô bốt.
- Khả năng chuyển đổi máy thành khử từ Degauss
- Tích hợp chế độ giúp người dùng chia sẻ cấu hình với nhiều người dùng khác
- Sao lưu, chỉ từ USB, các JOB của người dùng với cấu hình máy.
- Tương thích với mỏ hàn lamelle, mỏ hàn nút đôi và mỏ hàn điều chỉnh bằng chiết áp
- Cập nhập máy và chế độ synergy bằng USB
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 500 chương trình theo quy trình
- Chế độ MMA / MMA AC và MMA Xung
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Dòng điện hàn max.
400 V 3 ph, 50/60 Hz	32 A	400 A (AC) 400 A (DC)
Dải dòng hàn TIG AC	**Dải dòng hàn TIG DC**	**Dải dòng hàn MMA**
5-400 A	3-400 A	5-400 A

Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)

TIG AC	TIG DC	MMA
400 A/26 V 60% 360 A/24.4 V 100%	400 A/26 V 60% 360 A/24.4 V 100%	400 A/36 V 60% 360 A/34.4 V 100%

Kích thước L x l x h	68 x 30 x 54 cm	**Cân nặng**	43 kg
Xếp hạng bảo vệ	IP23	**Điện áp không tải**	85 V
Tiêu chuẩn	IEC 60974-1/3/10 A		

Thông tin đặt hàng

TITANIUM 400 AC/DC - không phụ kiện	013568

INNOVATION

"WIZARD ALU được phát minh cho hàn TIG ALU có thể truy cập được cho bất kỳ người dùng nào, ngay cả người mới hàn."

Để biết thêm

Packs PROTIG 201 AC/DC

		PROTIG 201 AC/DC FV	PROTIG 201 AC/DC L	Mỏ hàn TIG lamella SR26 L - 8 m 046184	Mỏ hàn TIG lamella SR20 L - 8 m 046153	Cáp kẹp đất 250 A 4 m / 25 mm² 043794	4 m / 70 mm² 200 A - 4 m / 25 mm² 043855	Xe đẩy 4m³ 015678
1	066342	■		■		■	■	■
2	066359		■		■	■	■	■

Packs TIG 220 AC/DC FV

		TIG 220 AC/DC FV	Mỏ hàn TIG lamella SR26 L - 8 m 046184	Mỏ hàn TIG GRIP SR26 DB - 4 m 046177	Cáp kẹp đất 250 A 4 m / 25 mm² 043794	Bộ làm lạnh WCU 1KW A 039773	Xe đẩy 4m³ 015678	Xe đẩy 10m³ 039704
1	012073	■	■		■			
2	012080	■	■		■		■	
3	012097	■	■		■			■
4	035751	■		■	■			
5	012103	■		■	■		■	
6	012127	■		■	■			■
7	012134	■	■		■	■		
8	012141	■	■		■	■	■	
9	012271	■	■		■	■		■
10	035768	■		■	■	■		
11	012288	■		■	■	■	■	
12	012295	■		■	■	■		■

Packs TIG 250 AC/DC

		TIG 250 AC/DC	Mỏ hàn TIG lamella SR18 L - 8 m 045378	Mỏ hàn TIG GRIP SR18L DB - 4 m 046092	Cáp kẹp đất 250 A 4 m / 25 mm² 043794	Xe đẩy 040960
1	035430	■	■		■	■
2	012301	■		■	■	■

Pack TITANIUM 230 AC/DC

		TITANIUM 230 AC/DC	Mỏ hàn TIG lamella 8 m	Mỏ hàn TIG GRIP Mỏ hàn nút đôi - 8m	Cáp kẹp đất 250 A 4 m / 25 mm² 043794	Bộ làm lạnh KOOLWELD 1 070820	Xe đẩy 10m³ XL 076341
1	076976	■	SR26L (046184)		■		
2	076983	■	SR26L (046184)		■		■
3	077027	■		SR26DB (046177)	■		■
4	076990	■	SR20L (046153)		■	■	
5	077003	■	SR20L (046153)		■	■	■
6	077034	■		SR20DB (046146)	■	■	
7	077041	■		SR20DB (046146)	■	■	■

Packs TITANIUM 400 AC/DC

		TITANIUM 400 AC/DC	Mỏ hàn lamella ABITIG 450W - 8 m 037359	Mỏ hàn nút đôi ABITIG 450W - 8 m 037366	Cáp kẹp đất 600 A 4 m / 70 mm² 043831	Bộ làm lạnh WCU 1KW C 013537	Xe đẩy 10m³ T/M 037328
1	014763	■	■		■	■	■
2	062047	■		■	■	■	■

	Dòng điện hàn (A) (50 100 150 200 250 300 400)	Điện áp	Chế độ hàn TIG: Pulse	Fast Pulse	Tack	E-TIG	AC Mix	MMA Xung	Tự động /Robot	Bộ làm lạnh tích hợp	Bộ làm lạnh (tùy chọn)	IP23	Cân nặng
PROTIG **161 DC** 066649	160	230 V	■					■					7.5 kg
PROTIG **200 DC** 062009	200	230 V	■					■					10 kg
PROTIG **201 DC FV** 065772	200	110 V 230 V	■					■					10 kg
PROTIG **221 DC FV** 070905	220	110 V 230 V	■					■			■		11 kg
TIG **300 DC** 012318	300	230 V	■					■			■	■	20 kg
TITAN **400 DC** 013520	400	400 V	■		■	■		■	■		■	■	40 kg
PROTIG **200 AC/DC** 068742	200 AC / 160 DC	230 V	■					■					12.5 kg
PROTIG **201 AC/DC FV** 061828	200 AC / 160 DC	110 V 230 V	■					■					15 kg
PROTIG **201L AC/DC** 062610	200 AC / 160 DC	230 V	■					■		■			20.5 kg
TIG **220 AC/DC FV** 011908	220 AC / 220 DC	110 V 230 V	■		■		■	■	■		■	■	20 kg
TIG **250 AC/DC** 012004	250 AC / 250 DC	400 V	■						■	■		■	58 kg
TITANIUM **230 AC/DC FV** 061996	230 AC / 230 DC	110 V 230 V	■	■	■	■	■	■	■		■	■	22 kg
TITANIUM **400 AC/DC** 013568	400 AC / 400 DC	400 V	■	■	■	■	■	■	■		■	■	43 kg

| Chu kỳ làm việc 60% (40°C)

WIZARD ALU, chế độ được cấp bằng sáng chế, đã phát triển cho thợ hàn công nghiệp

Hàn điểm và hàn nhôm với TIG mà không cần kim loại phụ là một thách thức hàng ngày mà người hàn trên toàn thế giới gặp phải.

GYS đã phát triển một giải pháp chưa từng có và GYS đã được cấp bằng sáng chế trên thị trường: Công nghệ WIZARD ALU.

Chế độ hàn này được phát triển bởi các kỹ sư GYS để đơn giản hóa quá trình hàn nhôm và giúp tất cả người hàn có thể sử dụng được. Có hoặc không cần có kim loại phụ, tính năng này, được tích hợp vào TITANIUM, đảm bảo hàn điểm trong vòng chưa đầy một giây. Chế độ này sẵn để hàn và hàn tất cả các loại vật liệu: thép, thép không gỉ, nhôm và đồng.

Wizard ALU	Wizard INOX	Wizard THÉP	Wizard ĐỒNG
Năng suất Giảm thiểu độc hại Thợ hàn đa năng Không nút	Không bị oxy hóa Không cần phải hoàn thiện lại Dễ dàng hàn	Chất lượng hàn cao Mối hàn không bị oxy hóa Chế độ synergy:	Hoàn hảo cho nối dây (0.5 đến 2.2 mm)

MIG MAG

MONOGYS / TRIMIG Truyền thống
p.54

PROMIG
p.58

MAGYS
p.60

Inverter

MULTIPEARL
p.64

MULTIWELD
p.66

EXAGON
p.70

NEOPULSE
p.74

MONOGYS

3 loại máy có sẵn

Dòng MONOGYS bao gồm 3 máy một pha dùng công tắc điện áp. Được thiết kế để đạt được chất lượng hàn cao, máy đặc biệt tích hợp các thiết bị điện tử, dựa trên tụ điện, chuyên dụng để làm dịu dòng điện. Cuộn dây tích hợp và trọng lượng máy vừa phải giúp máy nhỏ gọn và dễ dàng di chuyển cho bên nông nghiệp hay cho các cửa hàng sửa chữa và sản xuất nhỏ.

- Dòng hàn lên đến 320 A
- Thích hợp để hàn thép, thép không gỉ và nhôm
- Thích hợp cho hàn MIG với các tấm mạ kẽm với dây CuSI3 hoặc CuAl8 (máy 200-4 CS)
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T
- Chế độ trỏ "Spot": điều chỉnh thông số cho các điểm
- Chế độ hàn điểm "Delay": điều chỉnh ngắt quãng điểm hàn (máy 200-4 CS)
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1,2 mm tùy thuộc vào ứng dụng và kiểu máy
- Chế độ hàn thủ công hoặc synergy để dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn
- Thay đổi cực tính dễ dàng để sử dụng dây hàn lõi thuốc không cần gas (cho máy 320-4 CS)
- Được trang bị làm mát tối ưu
- Được bảo vệ chống quá nhiệt.

Chế độ "Thủ công":
- Lựa chọn điện áp hàn (công tắc)
- Điều chỉnh tốc độ dây

Chế độ "Optimal Synergic": Dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn nhờ biểu đồ đính kèm máy:
1- Loại dây
2 - Đường kính dây
3- Điện áp hàn (công tắc)
= Tốc độ dây tối ưu với khả năng tự điều chỉnh của máy

Thông số kỹ thuật

		200-4 CS	250-4 CS	320-4 CS
Dòng hàn		230 V 1 ph, 50/60 Hz	240 V 1 ph, 50/60 Hz	240 V 1 ph, 50/60 Hz
Nguồn điện		16 A	25 A	50 A
Dải dòng hàn		25-200 A	40-250 A	30-320 A
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	Imax	200 A 15%	250 A 15%	320 A 25%
	60%	110 A / 19.5 V	155 A / 21.75 V	210 A / 24.5 V
	100%	90 A / 18.5 V	110 A / 19.5 V	155 A / 21.75 V
Máy cấp	tốc độ	1 - 15 m/min	1 - 20 m/min	1 - 20 m/min
		4 con lăn (2 động cơ)	4 con lăn (2 động cơ)	4 con lăn (2 động cơ)
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø		200-300 mm	200-300 mm	200-300 mm
Đường kính dây	Thép, inox	0.6 - 1 mm	0.8 - 1.2 mm	0.8 - 1.2 mm
	Nhôm	0.8 - 1 mm	1.0 - 1.2 mm	1.0 - 1.2 mm
	Dây hàn lõi thuốc	-	-	0.9 - 1.2 mm
	CuSi / CuAl	0.8 - 1 mm	-	-
Các mức điện áp		6	8	12
Xếp hạng bảo vệ		IP 21	IP 21	IP 21
Kích thước L x l x h		74 x 63.5 x 33 cm	74 x 63.5 x 33 cm	90 x 88 x 50 cm
Cân nặng		60 kg	75.5 kg	105 kg
Thiết bị gốc	con lăn	0.8/1.0 - A	0.8/1.0 - B	1.0/1.2 - B
		Thép, inox	Thép, inox	Thép, inox

Thông tin đặt hàng

MONOGYS 200-4 CS + phụ kiện Kìm hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Cáp kẹp đất 250 A - 2 m, 25 mm²	065949
MONOGYS 250-4 CS + phụ kiện Kìm hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Cáp kẹp đất 250 A - 2 m, 25 mm²	020368
MONOGYS 320-4 CS - không phụ kiện	063020
Pack MONOGYS 320-4 CS + phụ kiện Mỏ hàn Binzel® MIG Grip 350A - 4 m + Cáp kẹp đất 400 A - 4 m, 35 mm²	065079

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

TRIMIG

MADE IN FRANCE

Các máy TRIMIG là các máy cơ bản cho hàn MIG / MAG ba pha với công tắc điện áp. Cuộn dây tích hợp giúp máy nhỏ gọn và dễ dàng di chuyển cho bên nông nghiệp hay cho các cửa hàng sửa chữa và sản xuất nhỏ. Dễ sử dụng, tốc độ dây tối ưu được tính toán tự động nhờ chế độ bán hiệp lực.

- Dòng hàn lên đến 300 A
- Thích hợp để hàn thép, thép không gỉ và nhôm
- Thích hợp cho hàn MIG với các tấm mạ kẽm với dây CusI3 hoặc CuAl8 (máy 200-4 CS)
- - Quản lý kích hoạt 2T / 4T
- Chế độ trỏ "Spot": điều chỉnh thông số cho các điểm
- Chế độ hàn điểm "Delay": điều chỉnh ngắt quãng điểm hàn (máy 200-4S)
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1,2 mm tùy thuộc vào ứng dụng và kiểu máy
- Chế độ hàn thủ công hoặc synergy để dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn
- Thay đổi cực tính dễ dàng để sử dụng dây hàn lõi thuốc không cần gas
- Được trang bị làm mát tối ưu
- Được bảo vệ chống quá nhiệt.

3 loại máy có sẵn

Chế độ "Thủ công":
- Lựa chọn điện áp hàn (công tắc)
- Điều chỉnh tốc độ dây

Chế độ "Synergic": Dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn nhờ biểu đồ đính kèm máy:
1- Loại dây
2 - Đường kính dây
3- Điện áp hàn (công tắc)
= Tốc độ dây tối ưu với khả năng tự điều chỉnh của máy

Thông số kỹ thuật

		200-4S	250-4S DV	300-4S
Dòng hàn		400 V 3 ph, 50/60 Hz	230/400 V 3 ph, 50/60 Hz	400 V 3 ph, 50/60 Hz
Nguồn điện		16 A	16 A	16 A
Dải dòng hàn		30-200 A	35-250 A	35-300 A
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	Imax	200 A 30%	250 A 30%	300 A 35%
	60%	140 A / 21 V	180 A / 23 V	240 A / 26 V
	100%	120 A / 20 V	140 A / 21 V	180 A / 23 V
Máy cấp	tốc độ	1 - 15 m/min	1 - 20 m/min	1 - 20 m/min
		4 con lăn (2 động cơ)	4 con lăn (2 động cơ)	4 con lăn (2 động cơ)
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø		200-300 mm	200-300 mm	200-300 mm
Đường kính dây	Thép, inox	0.6 - 1 mm	0.8 - 1.2 mm	0.8 - 1.2 mm
	Nhôm	0.8 - 1 mm	1.0 - 1.2 mm	1.0 - 1.2 mm
	Dây hàn lõi thuốc	-	-	0.9 - 1.2 mm
	CuSi / CuAl	0.8 - 1 mm	-	-
Các mức điện áp		7	10	12
Xếp hạng bảo vệ		IP 21	IP 21	IP 21
Kích thước L x l x h		77 x 79 x 47 cm	90 x 88 x 50 cm	90 x 88 x 50 cm
Cân nặng		63 kg	86 kg	90 kg
Thiết bị gốc	con lăn	0.8/1.0 - B	0.8/1.0 - B	1.0/1.2 - B
		Thép, inox	Thép, inox	Thép, inox

Thông tin đặt hàng

TRIMIG 200-4S + phụ kiện Kìm hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Cáp kẹp đất 250 A - 2 m, 25 mm²	033818
TRIMIG 250-4S + phụ kiện Kìm hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Cáp kẹp đất 250 A - 4 m, 25 mm²	033825
TRIMIG 300-4S - không phụ kiện	033832
Pack TRIMIG 300-4S + phụ kiện Mỏ hàn Binzel® MIG Grip 350A - 4 m + Cáp kẹp đất 400 A - 4 m, 35 mm²	021624

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

PROMIG

MADE IN FRANCE

PROMIG với công tắc cung cấp tính linh hoạt cao trong các hoạt động hàn. Với 5 máy 350A ba pha, tích hợp sẵn với làm mát bằng không khí hoặc nước, bộ cấp dây tích hợp, bộ cấp dây riêng biệt hoặc cấu hình bộ cấp dây đôi trên phiên bản DUO. Máy cung cấp lợi thế cho phép người hàn sử dụng 2 loại hoặc đường kính của dây mà không cần thay đổi mỏ hàn hoặc cuộn dây.

- Dòng hàn lên đến 350 A
- Có sẵn phiên bản làm mát bằng nước cho năng suất tối đa (máy 400-4S DV WS và 400 G.DV WS)
- Màn hình tích hợp có khả năng cung cấp chính xác tốc độ dây, điện áp và dòng hàn (WMOS / QMOS)
- Bộ cấp đôi DUO để hàn thép, thép không gỉ và nhôm liên tiếp trên một máy duy nhất (loại DUO với bộ cấp dây TF-4RN tùy chọn)
- Nhiều lựa chọn cho cường độ dòng điện khác nhau và cùng điện áp khác nhau để tối ưu hóa cho nhiều loại dây (0.8 mm đến 1.2 mm) và gas
- Thích hợp để hàn thép, thép không gỉ và nhôm
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T và chế độ "Điểm"
- Điều chỉnh nâng cao: Sau gas, Burnback và tốc độ hàn
- Chế độ hàn thủ công hoặc semi-synergy để dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn
- Được trang bị làm mát tối ưu bằng quạt làm mát, cũng như bảo vệ chống lại quá nhiệt

Chế độ "Thủ công":
- Lựa chọn điện áp hàn (công tắc)
- Điều chỉnh tốc độ dây

Ở chế độ "Synergic", máy sẽ tự động điều chỉnh Tốc độ dây, Post-gas và Burnback

Hiển thị: Điện áp, dòng điện và tốc độ dây (chế độ thủ công)

Thông số kỹ thuật		400-4S	400-4S DV WS	400-4S DUO DV	400 G.DV	400 G.DV WS	TF-4RN	TF-4W
Dòng hàn		400 V 3 ph, 50/60 Hz	230/400 V 3 ph, 50/60 Hz		230/400 V 3 ph, 50/60 Hz	230/400 V 3 ph, 50/60 Hz	24 V / 3 A	
Nguồn điện		20 A	40 A (230 V) / 25 A (400 V)		40 A (230 V) / 25 A (400 V)		-	
Dải dòng hàn		40-350 A			40-350 A		-	
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	35%	350 A / 31.5 V			350 A / 31.5 V		-	
	60%	270 A / 27.5 V			270 A / 27.5 V		280 A	
	100%	220 A / 25 V			220 A / 25 V		230 A	
Máy cấp	tích hợp	■	■	■ + TF-4RN (tùy chọn)	-	-	khí	chất lỏng
		4 con lăn (2 động cơ)					4 con lăn (2 động cơ)	
Làm lạnh được tích hợp		-	■ (5.5 L)	-	-	■ (7 L)	-	
Tốc độ cấp dây		1 - 20 m/min			Bộ cấp TF-4RN cần thiết (tùy chọn)	Bộ cấp TF-4W cần thiết (tùy chọn)	1 - 20 m/min	
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø		200-300 mm					200-300 mm	
Đường kính dây	Thép, inox	0.8 - 1.2 mm					0.8 - 1.2 mm	
	Nhôm	1.0 - 1.2 mm					1.0 - 1.2 mm	
	Dây hàn lõi thuốc	-		0.9 - 1.6 mm			0.9 - 1.6 mm	
Các mức điện áp		14 (7x2)			14 (7x2)		-	
Xếp hạng bảo vệ		IP 21			IP 21		IP21	
Kích thước L x l x h		89 x 49 x 88 cm	89 x 49 x 106 cm	89 x 49 x 88 cm	89 x 49 x 88 cm	93 x 50 x 88 cm	60 x 26 x 51.5 cm	
Cân nặng		108 kg	127 kg	109 kg	105 kg	118 kg	18 kg	
Thiết bị gốc	con lăn	1.0/1.2 - B			-		1.0/1.2 - B	
		Thép, inox			-		Thép, inox	

Thông tin đặt hàng

PROMIG 400-4S - không phụ kiện	035898
PROMIG 400-4S - không phụ kiện	061675
PROMIG 400-4S DUO DV - không phụ kiện	035911
PROMIG 400 G.DV - không phụ kiện	035904
PROMIG 400 G.DV WS - không phụ kiện	061682

2 years

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

MAGYS

MADE IN FRANCE

4 loại máy có sẵn

Các máy MAGYS đáp ứng các ưu cầu để ra từ công nghiệp là điều quan trọng với GYS. Được trang bị bộ cấp dây với 4 con lăn được điều khiển điện tử, máy có chu kỳ làm việc cao và chế độ điều chỉnh semi-synergy. Mạnh mẽ, 4 máy hàn trong dải MAGYS là các máy lý tưởng chuyên sâu trong xưởng sản xuất.

- Dòng hàn lên đến 450 A
- Có cung cấp máy tích hợp làm mát bằng nước cho năng suất tối đa (máy 500 WS)
- Chế độ hàn thủ công hoặc semi-synergy để dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn
- Thổi hồ quang với que cac bon có thể lên tới đường kính 8mm (máy 500 GR/WS)
- Điều chỉnh cường độ và có thể lên đến 30 vị trí cho điện áp hồ quang - máy thích hợp cho mọi ứng dụng, tốt nhất trong công nghệ này
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1,2 mm tùy thuộc vào ứng dụng và kiểu máy
- Thích hợp để hàn thép, thép không gỉ và nhôm
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T
- Chế độ hàn điểm "Spot" hoặc "Delay"
- Điều chỉnh bằng tay hoặc tự động bằng động lực học hồ quang (tự điều chỉnh)
- Điều chỉnh nâng cao: Sau gas, Burnback và tốc độ hàn
- Được trang bị bánh xe lớn và vòng nâng.

Lưu chính xác các thông số cài đặt hàn dòng điện / điện áp và tốc độ dây (chế độ thủ công)

SYN TEST mm

Độ dày để hàn theo chỉ dẫn dựa theo thông số người dùng chọn mà không hề tiêu thụ gas hay dây (chỉ có ở chế độ synergy).

Ở chế độ "Synergic", máy sẽ tự động điều chỉnh Tốc độ dây, Sau ga và Burnback

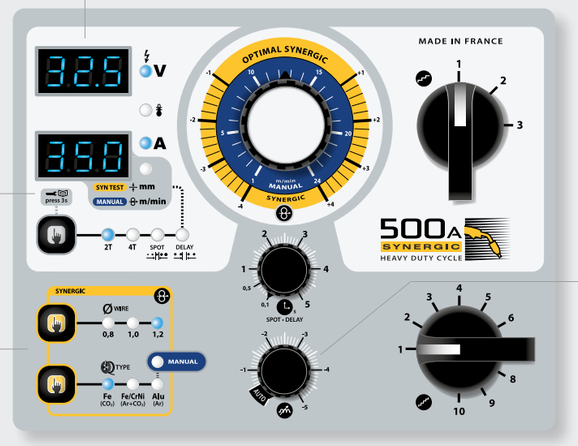

Kiểm soát động hồ quang

Thông số kỹ thuật		400-4	400 GR	500 GR	500 WS	WS-4R	WS-4L	WSS-4L (kích thước nhỏ hơn)
Dòng hàn		400 V 3 ph, 50/60 Hz	400 V 3 ph, 50/60 Hz			24 V / 4 A		
Nguồn điện		32 A	32 A			-		
Dải dòng hàn		40-350 A	40-350 A	45-450 A		-		
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	50%	350 A / 31.5 V	350 A / 31.5 V	350 A / 36.5 V		-		
	60%	320 A / 30 V	320 A / 30 V	410 A / 34.5 V		410 A		
	100%	260 A / 27 V	260 A / 27 V	320 A / 30 V		320 A		
Máy cấp	tích hợp	■ 4 con lăn có động cơ	-	-		khí 4 con lăn có động cơ	chất lỏng 4 con lăn có động cơ	khí / chất lỏng 4 con lăn (2 động cơ)
Làm lạnh được tích hợp		-	-	-	■(5.5 L)	-		
Tốc độ cấp dây		1 - 24 m/min	Máy cấp WS-4R hoặc W5S-4L cần thiết (tùy chọn)	Máy cấp WS-4R hoặc W5S-4L cần thiết (tùy chọn)	Máy cấp WS-4R hoặc W5S-4L cần thiết (tùy chọn)	1 - 24 m/min		1 - 20 m/min
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø		200-300 mm				200-300 mm		200 mm
Đường kính dây	Thép, inox	0.6 - 1.2 mm				0.6 - 1.6 mm		0.6 - 1.2 mm
	Nhôm	1.0 - 1.2 mm				1.0 - 1.6 mm		1.0 - 1.2 mm
	Dây hàn lõi thuốc	-				0.9 - 2.4 mm		0.9 - 1.2 mm
Các mức điện áp		20 (10x2)	20 (10x2)	30 (10x3)		-		-
Xếp hạng bảo vệ		IP 23	IP 23	IP 23		IP23 S		IP21
Kích thước L x l x h		50 x 105 x 98 cm	50 x 105 x 98 cm	50 x 105 x 98 cm	50 x 105 x 98 cm	25 x 59 x 56 cm		23 x 32 x 49 cm
Cân nặng		130 kg	130 kg	160 kg	160 kg	17 kg		15 kg
Thiết bị gốc	con lăn	1.0/1.2 - C	-			1.0/1.2 - C		0.8/1.0 - B
		Thép, inox	-			Thép, inox		Thép, inox

Thông tin đặt hàng

MAGYS 400-4 - không phụ kiện	032170
MAGYS 400-GR - không phụ kiện	032187
MAGYS 500-GR - không phụ kiện	032194
MAGYS 500-WS - không phụ kiện	032200

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

		Máy cấp		Con lăn loại B (x2)		Cáp kẹp đất 400 A 4 m / 50 mm²	Bó để kết nối	Mỏ hàn MIG/MAG GRIP	
		TF-4RN 061699	TF-4W 061705	nguyên bản Ø 1.0 / 1.2 thép/ inox	Ø 1.0/1.2 - nhôm 040915	047853		Thép	Nhôm
Packs PROMIG 400-4S								khí	khí
	1 035928			■		■		■ 040946 350 A - 4 m	
	2 035935			■	■	■			■ 040731 350 A - 3 m
Packs PROMIG 400-4S DV WS								chất lỏng	chất lỏng
	1 062740			■		■		■ 041004 500 A - 4 m	
	2 062757			■	■	■			■ 046160 500 A - 3 m
Packs PROMIG G.DV								khí	khí
	1 035942	■		■		■	■ 034860 - 10 m	■ 040946 350 A - 4 m	
	2 036109	■		■		■	■ 034839 - 5 m		
	3 035959	■		■	■	■	■ 034860 - 10 m		■ 040731 350 A - 3 m
	4 036116	■		■	■	■	■ 034839 - 5 m		
Packs PROMIG-4S DUO DV								khí	khí
	1 035966			■	■	■		■ 040946 350 A - 4 m	
	2 035973			■	■	■			■
	3 035980	■		■	■	■	■ 034860 - 10 m	■ 040946 350 A - 4 m	■ 040731 350 A - 3 m
	4 036123	■		■	■	■	■ 034839 - 5 m		■
Packs PROMIG 400 G.DV WS								chất lỏng	chất lỏng
	1 062764		■	■	■	■	■ 033641 - 5 m	■ 041004 500 A - 4 m	
	2 062771		■	■	■	■	■ 033658 - 10 m		
	3 062788		■	■	■	■	■ 033641 - 5 m		■ 046160 500 A - 3 m
	4 062795		■	■	■	■	■ 033658 - 10 m		

		Máy cấp			Con lăn loại C		Cáp nối đất		Bó để kết nối	Mỏ hàn MIG/MAG GRIP	
		WS-4R 061699	WS-4L 061705	W5S-4L 032835	thiết bị gốc thép/ inox Ø 1.0/1.2	Ø 1.0/1.2 - nhôm 042162	400 A - 4 m 047853	600 A - 4 m (kìm kẹp) 043831		Thép	Nhôm
Packs MAGYS 400-4										khí	khí
	1 032279				■		■			■ 040946 350 A - 4 m	
	2 032286				■	■	■				■ 040731 350 A - 3 m
Packs MAGYS 400-GR										khí	khí khí
	1 032293	■			■		■		■ 034860 - 10 m	■ 040946 350 A - 4 m	
	2 032309	■			■	■			■		■ 040731 350 A - 3 m
	3 036451	■			■		■		■ 034839 - 5 m	■ 040946 350 A - 4 m	
	4 032316			■	■				■ 034860 - 10 m	■	
Packs MAGYS 500-GR										khí	khí khí
	1 032323	■			■			■	■ 045941 - 10 m	■ 045392 450 A - 4 m	
	2 036468	■			■			■	■ 034839 - 5 m	■	
Packs MAGYS 500-WS										chất lỏng	chất lỏng chất lỏng
	1 032330		■		■			■	■ 033658 - 10 m	■ 041004 500 A - 4 m	
	2 036475		■		■			■	■ 033641 - 5 m	■	
	3 032347		■		■	■		■	■ 033658 - 10 m		■ 046160 500 A - 3 m
	4 032354			■	■ 0.8/1.0 (B)			■	■	■ 041004 500 A - 4 m	

MULTIPEARL

Tích hợp đa quy trình 3 trong 1

MADE IN FRANCE

3 loại máy có sẵn

MIG MAG | 0.6 V 1.0 | TIG DC | MMA | 110 VOLTS | 230 VOLTS | 1 PHASE

MULTIPEARL là máy hàn đa quy trình 3 trong 1 có khả năng thực hiện hàn MIG / MAG (có hoặc không có gas), TIG DC với đánh mồi Lift và MMA với độ chính xác cao. Máy có tích hợp 9 loại hàn synergy để tạo điều kiện thực hiện và đảm bảo lắp ráp cho các tấm dày đến 6 mm ở mọi vị trí.

- Dòng hàn lên đến 200 A
- Máy có trên phiên bản nhỏ gọn hoặc trên xe đẩy để lưu trữ.
- Chế độ hàn thủ công hoặc synergy để dễ dàng điều chỉnh các thông số hàn
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1 mm tùy thuộc vào ứng dụng và kiểu máy
- Quản lý kích hoạt 2T / 4T
- Thích hợp để hàn thép, thép không gỉ và nhôm
- Thay đổi cực tính dễ dàng để sử dụng dây hàn lõi thuốc không cần gas
- MMA: Hàn que điện cực rutil, cơ bản, thép không gỉ và gang (lên tới Ø 5 mm)
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- Nguồn điện một pha có điện áp linh hoạt (Flexible Voltage) từ 85 đến 265 V (FV) tích hợp công nghệ PFC để quản lý nguồn điện tốt hơn

Chế độ MIG/MAG Synergy:
Tính toán tốc độ cung cấp dây tự động và điện áp

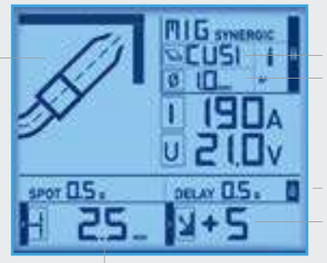

Vị trí hàn
Loại dây
Đường kính dây
Quản lý mỏ cắt
Kiểm soát hồ quang
Độ dày mối hàn

Chế độ MMA

Chế độ hàn TIG

Thông số kỹ thuật

			210-2		210-4 XL	211-4
Dòng hàn			230 V 1 ph, 50/60 Hz	110 V 1 ph, 50/60 Hz	Tương tự với MULTIPEARL 210-2	
Nguồn điện			16 A	32 A		
Dải dòng hàn		MIG/MAG	20-200 A	20-150 A		
		TIG		20-160 A		
		MMA		20-130 A		
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	MIG MAG	Imax	200 A 20%	150 A 22%		
		60%	130 A / 20.5 V	100 A / 19.0 V		
		100%	110 A / 19.5 V	90 A / 18.5 V		
	TIG	Imax	200 A 22%	160 A 20%		
		60%	135 A / 15.4 V	115 A / 14.6 V		
		100%	115 A / 14.6 V	100 A / 14.0 V		
	MMA	Imax	200 A 18%	130 A 22%		
		60%	110 A / 24.4 V	90 A / 23.6 V		
		100%	90 A / 23.6 V	75 A / 23.0 V		
Máy cấp		tốc độ	1 - 15 m/min			
			2 con lăn (1 động cơ)		4 con lăn (2 động cơ)	
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø			100-200 mm		200-300 mm	
Đường kính dây		Thép	0.6 - 1 mm			
		Inox	0.8 - 1 mm			
		Nhôm	0.8 - 1 mm			
		Dây hàn lõi thuốc	0.9 - 1.2 mm			
Xếp hạng bảo vệ			IP 21			
Kích thước L x l x h			25 x 45 x 35 cm		27.5 x 55 x 44 cm	41 x 73 x 77 cm
Cân nặng			16 kg		20 kg	27 kg
Thiết bị gốc		con lăn	0.6/0.8 - A Thép, inox		0.6/0.8 - B Thép, inox	

Thông tin đặt hàng

MULTIPEARL 210-2 + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Kìm hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2.5 m	065093
MULTIPEARL 210-4XL + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Kìm hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2.5 m	065109
MULTIPEARL 211-4 + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Kìm hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2.5 m	065116

2 years + GUARANTEE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

MULTIWELD một pha

Tích hợp đa quy trình 2 trong 1

5 loại máy có sẵn

MULTIPEARL là máy hàn một pha, đa quy trình 3 trong 1 có khả năng thực hiện hàn MIG / MAG (có hoặc không có gas), TIG DC với đánh mồi Lift và MMA với độ chính xác cao. Có sẵn 5 loại máy với phiên bản nhỏ gọn hoặc trên xe đẩy. Công nghệ bán dẫn IGBT cung cấp các đặc tính phóng hồ quang tuyệt vời và độ tin cậy cao.

- Dòng hàn lên đến 220 A
- Máy có trên phiên bản nhỏ gọn hoặc trên xe đẩy để lưu trữ.
- Giao diện với màn hình kỹ thuật số cung cấp các cài đặt đơn giản và chính xác
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1,2 mm tùy thuộc vào ứng dụng và kiểu máy
- Thích hợp để hàn thép, thép không gỉ và nhôm
- Thay đổi cực tính dễ dàng để sử dụng dây hàn lõi thuốc không cần gas
- Điều chỉnh bằng tay bởi động lực học hồ quang (tự điều chỉnh)
- MMA: Hàn que điện cực rutil, cơ bản, thép không gỉ và gang (lên đến Ø 5 mm tùy thuộc vào kiểu máy)
- 1 chế độ hỗ trợ hàn: Antisticking (theo mặc định)
- Ổ cắm lắp sẵn (36 V AC - 4.2 A) cho làm nóng bằng gas trong hàn CO2 tinh khiết.
- IP 23 - cho phép sử dụng ngoài trời (tùy vào loại máy)
- Tay cầm - cho phép nâng và di chuyển dễ dàng

Điện áp hàn

- Lựa chọn quá trình hàn

Quản lý kích hoạt 2T và 4T (tùy vào loại máy)

Kiểm soát hồ quang

MIG/MAG: Tốc độ cấp dây

MMA: Cường độ hàn

Thông số kỹ thuật

			160M	200M-C	200M	FV 220M-C / FV 220M	
Dòng hàn			230 V 1 ph, 50/60 Hz	230 V 1 ph, 50/60 Hz		230 V 1 ph, 50/60 Hz	110 V 1 ph, 50/60 Hz
Nguồn điện			16 A	16 A		16 A	32 A
Dải dòng hàn		MIG/MAG	30-160 A	30-200 A		30-220 A	30-140 A
		MMA	20-140 A	30-180 A		30-200 A	30-120 A
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	MIG MAG	Imax	160 A 20%	200 A 15%		220 A 20%	140 A 30%
		60%	95 A / 18.8 V	115 A / 19.7 V		160 A / 22 V	110 A / 19.5 V
		100%	75 A / 17.8 V	90 A / 18.5 V		120 A / 20 V	90 A / 18.5 V
	MMA	Imax	140 A 20%	180 A 15%		200 A 20%	120 A 30%
		60%	90 A / 23.6 V	104 A / 24.2 V		140 A / 25.6 V	100 A / 24 V
		100%	70 A / 22.8 V	80 A / 23.2 V		100 A / 24 V	80 A / 23.2 V
Máy cấp		tốc độ	3 - 10 m/min	2 - 13 m/min		2 - 15 m/min	2 - 11 m/min
			2 con lăn (1 động cơ)	4 con lăn (2 động cơ)		4 con lăn (2 động cơ)	
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø			200-300 mm	200-300 mm		200-300 mm	
Đường kính dây		Thép	0.6 - 0.8 mm	0.6 - 1.0 mm		0.6 - 1 mm	
		Inox	0.8 mm	0.8 mm - 1 mm		0.8 - 1 mm	
		Nhôm	0.8 - 1 mm	0.8 - 1 mm		0.8 - 1 mm	
		Dây hàn lõi thuốc	0.9 mm	0.9 mm		0.9 - 1.2 mm	
Que điện cực hàn lên đến Ø			1.6 - 3.2 mm	1.6 - 4 mm		1.6 - 5 mm	1.6 - 3.2 mm
Xếp hạng bảo vệ			IP 21	IP 23	IP 21	IP 23	
Kích thước L x l x h			77 x 79 x 47 cm	53 x 52 x 34 cm	77 x 79 x 47 cm	**FV 220M-C** 58 x 52 x 34 cm	**FV 220M** 77 x 79 x 47
Cân nặng			34 kg	26 kg	34 kg	24 kg	32 kg
Thiết bị gốc	con lăn		0.8/1.0 - A Thép, inox	0.8/1.0 - A Thép, inox		0.8/1.0 - A Thép, inox	

Thông tin đặt hàng

MULTIWELD 160M + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 150A - 3 m + Kẹp Hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2 m	013612
MULTIWELD 200M-C + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Kẹp Hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2 m	066588
MULTIWELD 200M + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Kẹp Hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2 m	066595
MULTIWELD FV 220M-C + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Kìm hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2.5 m	065499
MULTIWELD FV 220M + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MIG 250A - 3 m + Kìm hàn 2 m + Cáp kẹp đất 2.5 m	065482

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

MULTIWELD 3 pha

Tích hợp đa quy trình 2 trong 1

MULTIWELDs, máy ba pha, rất hiệu quả cho các kim loại không hợp kim và hợp kim cao đòi hỏi hiệu suất hàn cao. Các máy này cho phép sử dụng 2 quy trình hàn MIG-MAG (có hoặc không gas) và MMA lên đến 320 A. Công nghệ bán dẫn IGBT cung cấp các đặc tính phóng hồ quang tuyệt vời và độ tin cậy cao.

- Dòng hàn lên đến 320 A
- Máy có trên phiên bản nhỏ gọn hoặc trên xe đẩy để lưu trữ.
- Giao diện với màn hình kỹ thuật số cung cấp các cài đặt đơn giản và chính xác
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1.2 mm tùy thuộc vào ứng dụng
- Thích hợp để hàn thép, thép không gỉ và nhôm
- Thay đổi cực tính dễ dàng để sử dụng dây hàn lõi thuốc không cần gas
- Điều chỉnh bằng tay bởi động lực học hồ quang
- MMA: Hàn que điện cực rutil, cơ bản, thép không gỉ và gang (lên tới Ø 6 mm)
- 1 chế độ hỗ trợ hàn: Antisticking (theo mặc định)
- Ổ cắm lắp sẵn (36 V AC - 4.2 A) cho làm nóng bằng gas trong hàn CO2 tinh khiết.
- IP 23 - cho phép sử dụng ngoài trời (loại 320)
- Tay cầm - cho phép nâng và di chuyển dễ dàng

4 loại máy có sẵn

- Lựa chọn quá trình hàn

Điện áp hàn

Kiểm soát hồ quang

MIG/MAG: Tốc độ cấp dây

MMA: Cường độ hàn

Thông số kỹ thuật

			250T-C	250T	320T-C	320T
Dòng hàn			400 V 3 ph, 50/60 Hz		400 V 3 ph, 50/60 Hz	
Nguồn điện			16 A		16 A	
Dải dòng hàn		MIG/MAG	40-250 A		40-320 A	
		MMA	40-220 A	40-250 A	40-300 A	
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	MIG MAG	Imax	250 A 20%	250 A 30%	320 A 20%	320 A 30%
		60%	170 A / 22.5 V	200 A / 24 V	200 A / 24 V	240 A / 26 V
		100%	130 A / 20.5 V	180 A / 23 V	160 A / 22 V	200 A / 24 V
	MMA	Imax	220 A 20%	250 A 30%	300 A 20%	300 A 30%
		60%	150 A / 26 V	200 A / 28 V	180 A / 27.2 V	220 A / 28.8 V
		100%	120 A / 24.8 V	180 A / 27.2 V	140 A / 25.6 V	180 A / 27.2 V
Máy cấp		tốc độ	2 - 15 m/min		3 - 18 m/min	
			4 con lăn (2 động cơ)		4 con lăn (2 động cơ)	
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø			200-300 mm		200-300 mm	
Đường kính dây		Thép	0.6 - 1.2 mm		0.6 - 1.2 mm	
		Inox	0.8 - 1.2 mm		0.8 - 1.2 mm	
		Nhôm	0.8 - 1 mm		0.8 - 1 mm	
		Dây hàn lõi thuốc	0.9 - 1.2 mm		0.9 - 1.2 mm	
Que điện cực hàn lên đến Ø			1.6 - 5 mm		1.6 - 6 mm	
Xếp hạng bảo vệ			IP 21		IP 23	
Kích thước L x l x h			58 x 52 x 32 cm	77 x 79 x 47 cm	65 x 52 x 34 cm	77 x 79 x 47 cm
Cân nặng			32 kg	40 kg	38 kg	44 kg
Thiết bị gốc	con lăn		0.8/1.0 - A		0.8/1.0 - B	
			Thép, inox		Thép, inox	

Thông tin đặt hàng

MULTIWELD 250T-C - không phụ kiện	014572
Pack MULTIWELD 250T-C Mỏ hàn Binzel® MIG 250A - 4 m + Kìm hàn 4 m + Cáp kẹp đất 4 m	062238
MULTIWELD 250T - không phụ kiện	031678
Pack MULTIWELD 250T Mỏ hàn Binzel® MIG 250A - 4 m + Kìm hàn 4 m + Cáp kẹp đất 4 m	014756
MULTIWELD 320T-C - không phụ kiện	063037
Pack MULTIWELD 320T-C Mỏ hàn Binzel® MIG 350A - 4 m + Kìm hàn 4 m + Cáp kẹp đất 4 m	065130
MULTIWELD 320T - không phụ kiện	062467
Pack MULTIWELD 320T Mỏ hàn Binzel® MIG 350A - 4 m + Kìm hàn 4 m + Cáp kẹp đất 4 m	065123

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

EXAGON 400 CC/CV

Tích hợp đa quy trình

MIG MAG | 0.6 à 1.6 | MMA | MMA pulse | TIG Lift | TIG HF | G Gougeage | 400 VOLTS | 3 PHASES

EXAGON 400 CC / CV cung cấp công suất tối đa 400 A. Với đa quy trình 7 trong 1, thiết bị này mang đến một luồng gió mới cho dải máy hàn truyền thống. Với nhiều chế độ làm việc: MMA, MMA Pulse, MIG / MAG, TIG DC với đánh mồi Lift hoặc HF và khoét lỗ hồ quang cacbon. Tính linh hoạt của EXAGON 400 CC / CV được đặc trưng bởi tính dễ sử dụng và dễ dàng sử dụng trong mọi lĩnh vực (công trường, xưởng, đóng tàu, hàn ống và đường ống).

MMA: Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 6 mm)

MMA Xung : chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng.
Khả năng điều chỉnh tần số

TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)

Thổi hồ quang với que cac bon
(lên tới Ø 4 mm)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung NOMADFEED là bộ cấp dây hiệu quả - tùy chọn)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung EXAFEED là bộ cấp dây hiệu quả - tùy chọn)

TIG DC với công nghệ đánh mồi hàn HF
(tùy chọn máy EXATIG)

Tính năng bổ trợ

- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn để phù hợp WPS
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 35 V.
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 50 chương trình theo quy trình
- Cập nhật phần mềm đơn giản qua cáp USB mà không cần bất kỳ công cụ hoặc tháo gỡ nào
- Bàn phím có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- TIG Hồ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- Đọc nhanh các thông số cài đặt
- Thân máy gia cố
- 2 tay cầm bằng thép giúp di chuyển dễ dàng
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Phần thông gió kín giúp cách ly các linh kiện điện tử khỏi bụi.

Thông số kỹ thuật		EXAGON 400 CC/CV	EXAFEED-4L	NOMADFEED 425-4
Dòng hàn		400 V 3 ph, 50/60 Hz	24 V / 4 A 48 V / 2 A	17-113 V DC 30-80 V AC
Nguồn điện		32 A	-	15 A
Dải dòng hàn	MIG/MAG	15-400 A	-	
	MMA	20-400 A	-	
	TIG	10-400 A	-	
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	60%	400 A	500 A	425 A
	100%	350 A	400 A	300 A
Máy cấp	Mỏ hàn làm mát	-	khí / chất lỏng	khí
		-	4 con lăn có động cơ	
Bộ làm lạnh		EXACOOL (tùy chọn)	-	
Tốc độ cấp dây		Bộ cấp cần thiết (tuỳ chọn)	1 - 22 m/min	1 - 24 m/min
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø			200-300 mm	
Đường kính dây	Thép, inox		0.6 - 1.6 mm	
	Nhôm		1.0 - 1.6 mm	
	Dây hàn lõi thuốc		0.9 - 2.4 mm	
Điện áp không tải		84 V (< 35 V VRD Kích hoạt)	-	-
Xếp hạng bảo vệ		IP 23	IP23	
Kích thước L x l x h		58 x 52 x 30 cm	67 x 30 x 23 cm	60 x 22 x 43 cm
Cân nặng		32 kg	19 kg	14,.6 kg
Thiết bị gốc	con lăn	-	1.0/1.2 - C	1.2/1.6 - E & C
			Thép, inox	Dây hàn lõi thuốc

Thông tin đặt hàng

EXAGON 400 CC-CV - không phụ kiện	010925
Máy cấp EXAFEED -4L - không phụ kiện	032408
Vali cấp NOMADFEED 425-4 CC/CV - không phụ kiện	036291

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy EXAGON

Thông tin máy EXAFEED

Thông tin máy NOMADFEED

EXAGON 400 MV

Đa điện áp 208 > 525 V

MIG MAG | 0.6 à 1.6 | MMA | MMA pulse | TIG Lift | TIG HF | G Gougeage | 208 525 VOLTS | 1 PHASE | 3 PHASES

L'EXAGON 400 MV là máy tương thích với mọi mạng điện khác nhau trên toàn thế giới từ 208 đến 525 V, một pha hoặc ba pha. Với đa quy trình 7 trong 1, thiết bị này mang đến một luồng gió mới cho dải máy hàn truyền thống. Với nhiều chế độ làm việc: MMA, MMA Pulse, MIG / MAG, TIG DC với đánh mồi Lift hoặc HF và gouging..

MMA: Hàn tất cả các que điện cực hàn rutil, cơ bản, thép không gỉ, gang và điện cực xenlulo (lên đến Ø 6 mm)

MMA Xung : chế độ lý tưởng cho hàn thẳng đứng.
Khả năng điều chỉnh tần số

TIG DC với đánh mồi hàn lift (Ø 1,6 đến 3,2 mm)

Thổi hồ quang với que cac bon
(lên tới Ø 4 mm)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung NOMADFEED là bộ cấp dây hiệu quả - tùy chọn)

MIG / MAG với dây từ Ø 0,6 đến 1,6 mm hoặc dây hàn lõi thuốc
lên đến 2,4 mm (cần bổ sung NEOFEED trong tùy chọn)

TIG DC với công nghệ đánh mồi hàn HF
(tùy chọn máy EXATIG)

Bảo vệ quá nhiệt,
quạt hoạt động bằng máy điều nhiệt

- MMA
- MMA Xung
- MIG-MAG với máy cấp phát hiện điện áp (NO-MADFEED)
- MIG-MAG cùng bộ cấp dây chuyên dụng (NEOFEED)
- TIG DC Lift
- Thổi cacbon

Cài đặt chính:
- Dòng điện (MMA, TIG)
- Điện áp (MIG-MAG, Thổi cacbon)

Cài đặt phụ:
- Arcforce (MMA)
- Động lực học hồ quang (MIG-MAG)

Tính năng bổ trợ

- Hiển thị dòng điện / điện áp trong quá trình hàn để phù hợp WPS
- VRD (Thiết bị giảm điện áp) có thể được kích hoạt để giảm điện áp đầu ra không tải xuống 35 V.
- Điều khiển từ xa tùy chọn (bàn đạp hoặc điều khiển bằng tay)
- Ghi nhớ đến 50 chương trình theo quy trình
- Cập nhật phần mềm đơn giản qua cáp USB mà không cần bất kỳ công cụ hoặc tháo gỡ nào
- Bàn phím có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hỗ trợ hàn: Hot Start (có thể điều chỉnh), Arc Force (có thể điều chỉnh) và Antisticking
- TIG Hồ quang tự động có thể điều chỉnh thời gian
- Tự động hóa được
- Sử dụng trên các máy phát điện quy định
- 2 tay cầm bằng thép giúp di chuyển dễ dàng
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Phần thông gió kín giúp cách ly các linh kiện điện tử khỏi bụi.

Thông số kỹ thuật

		EXAGON 400 MV		NEOFEED-4W	NOMADFEED 425-4
Dòng hàn		208-525 V 1 ph, 50/60 Hz	208-525 V 3 ph, 50/60 Hz	24 V / 1 A 48 V / 2 A	17-113 V DC 30-80 V AC
Nguồn điện		32 A / 63 A		-	15 A
Dải dòng hàn	MIG/MAG	15-270 A	10-400 A	-	
	MMA	15-270 A	15-400 A	-	
	TIG	10-270 A	10-400 A	-	
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	60%	270 A	400 A	500 A	425 A
	100%	220 A	350 A	460 A	300 A
Máy cấp	Mỏ hàn làm mát	-		khí / chất lỏng	khí
		-		4 con lăn có động cơ	
Bộ làm lạnh		đang phát triển		-	
Tốc độ cấp dây				1 - 22 m/min	1 - 24 m/min
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø				200-300 mm	
Đường kính dây	Thép, inox	Bộ cấp cần thiết (tuỳ chọn)		0.6 - 1.6 mm	
	Nhôm			0.8 - 1.6 mm	1 - 1.6 mm
	Dây hàn lõi thuốc			0.9 - 2.4 mm	
Điện áp không tải		84 V (< 35 V VRD Kích hoạt)		-	-
Xếp hạng bảo vệ		IP 23		IP23	
Kích thước L x l x h		66 x 52 x 30 cm		63 x 44 x 29 cm	60 x 22 x 43 cm
Cân nặng		36 kg		19 kg	14,.6 kg
Thiết bị gốc	con lăn	-		1.0/1.2 - C Thép, inox	1.2/1.6 - E & C Dây hàn lõi thuốc

Thông tin đặt hàng

EXAGON 400 MV - không phụ kiện	069718
Máy cấp NEOFEED-4W - không phụ kiện	014527
Vali cấp NOMADFEED 425-4 CC/CV - không phụ kiện	036291

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy EXAGON MV

Thông tin máy NEOFEED

Thông tin máy NOMADFEED

NEOPULSE 220 C XL

MIG/MAG Xung 1 pha

NEOPULSE phiên bản một pha, với bộ cấp dây tích hợp, là giải pháp hàn cho đa quy trình công nghiệp. Với công nghệ kỹ thuật số, 2 máy hàn MIG-MAG xung này có chu kỳ hoạt động hiệu quả với kích thước nhỏ gọn giúp cải thiện năng suất và tính di động tại môi trường làm việc.

- Dòng hàn từ 10 đến 220 A
- Công nghệ kỹ thuật số cho phép kiểm soát hồ quang rất chính xác dẫn đến mối hàn chất lượng cao
- Chức năng Xung giúp giảm đầu vào nhiệt và giảm thiểu bắn tung tóe
- Lên đến 160 dòng synergy có thể lập trình trước
- 6 chế độ hàn MIG/MAG :
  -Năng động: Có tất cả các chế độ cơ bản, tốc độ cao
  -Tác động : Hồ quang, tập trung, thâm nhập sâu
  - Nguồn gốc: Từ gốc đến khi vát mép
  - Xung: Dễ dàng ở mọi vị trí, ít bắn tung tóe
  - ColdPulse : Hàn không bị bắn tung tóe
  - Modularc = Aspect TIG, năng suất MIG
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1.2 mm tùy thuộc vào ứng dụng
- Chức năng truy xuất : lưu lại các giai đoạn của hoạt động hàn, từng dây hàn một, trong quá trình sản xuất công nghiệp (EN ISO 3834)
- Tính di động: lưu lại và sao chép CÔNG VIỆC của người dùng và cấu hình máy từ USB.
- Năng lượng: hiển thị và tính toán năng lượng sau khi hàn.

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

5 inch, giao diện màu cực kỳ trực quan

Tính năng bổ trợ

- Hiệu chỉnh tốc độ của bộ cấp dây và các phụ kiện hàn (mỏ hàn, cáp, v.v.)
- Thay đổi cực tính dễ dàng để sử dụng dây hàn lõi thuốc không cần gas
- Ghi nhớ đến 500 chương trình theo quy trình
- Cập nhập máy và chế độ synergy bằng USB
- Màn hình có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hiển thị cho từng chuyên gia: Easy, Expert và Advanced
- Tích hợp chế độ giúp người dùng chia sẻ cấu hình với nhiều người dùng khác
- Chế độ MMA Xung và TIG Xung
- 2 tay cầm bằng thép giúp di chuyển dễ dàng
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Hệ thống chiếu sáng bên trong của trục quay và cuộn dây
- Tương thích với mỏ hàn Push-Pull (24 V)
- Cấu hình tùy chỉnh được theo nhu cầu sử dụng của người dùng

Tham khảo các loại synergy của GYS ở đây

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn			230 V 1 ph, 50/60 Hz
Nguồn điện			16 A
Dải dòng hàn	MIG/MAG - MMA - TIG		10-220 A
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	MIG/MAG	20%	220 A / 25 V
		60%	150 A / 21.5 V
		100%	130 A / 20.5 V
	MMA	20%	220 A / 28.8 V
		60%	150 A / 26 V
		100%	120 A / 24.8 V
	TIG	25%	220 A / 18.8 V
		60%	160 A / 16.4 V
		100%	150 A / 16 V
Máy cấp		tốc độ	0.5 - 20 m/min
			4 con lăn (2 động cơ)
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø			200-300 mm
Đường kính dây		Thép/Inox	0.6 - 1.0 mm
		Nhôm	0.8 - 1.2 mm
		CuSi / CuAl	0.8 - 1.0 mm
		Dây hàn lõi thuốc	0.9 - 1.2 mm
Que điện cực hàn lên đến Ø			1.6 - 5 mm
Xếp hạng bảo vệ			IP 23S
Kích thước L x l x h			61 x 32 x 49 cm
Cân nặng			30 kg
Thiết bị gốc		con lăn	0.8/1.0 - B - thép, inox

Thông tin đặt hàng

NEOPULSE 220 C XL - không phụ kiện	061842

NEOPULSE ba pha

MIG/MAG Xung

4 loại máy có sẵn

Dòng NEOPULSE phiên bản ba pha phù hợp cho mọi công việc: Hàn MIG / MAG synergy và xung, hàn hồ quang (MMA và TIG), hàn MIG và thổi cacbon bằng hồ quang-khí. Các máy thông minh và cung cấp khả năng kiểm soát hồ quang cực kỳ chính xác, hiệu suất hàn công nghiệp lên đến 500 A và tích hợp chức năng truy xuất. Máy được thiết kế để mang lại sự dễ sử dụng chưa từng có cho thợ hàn.

- Dòng hàn chính xác lên đến 500 A
- Công nghệ kỹ thuật số cho phép kiểm soát hồ quang rất chính xác dẫn đến mối hàn chất lượng cao
- Có sẵn 3 phiên bản:
  - nhỏ gọn (C)
  - làm mát bằng nước tích hợp trên xe đẩy (CW)
  - máy hàn với bộ cấp dây từ xa tùy chọn (G)
- Chức năng Xung giúp giảm đầu vào nhiệt và giảm thiểu bắn tung tóe
- Lên đến 160 dòng synergy có thể lập trình trước
- 6 chế độ hàn MIG/MAG :
  - -Năng động: Có tất cả các chế độ cơ bản, tốc độ cao
  - -Tác động : Hồ quang, tập trung, thâm nhập sâu
  - - Nguồn gốc: Từ gốc đến khi vát mép
  - - Xung: Dễ dàng ở mọi vị trí, ít bắn tung tóe
  - - ColdPulse : Hàn không bị bắn tung tóe
  - - Modularc = Aspect TIG, năng suất MIG
- Tương thích với dây có đường kính từ 0,6 mm đến 1,2 mm tùy thuộc vào ứng dụng và kiểu máy
- Chức năng truy xuất : lưu lại các giai đoạn của hoạt động hàn, từng dây hàn một, trong quá trình sản xuất công nghiệp (EN ISO 3834)
- Tính di động: lưu lại và sao chép CÔNG VIỆC của người dùng và cấu hình máy từ USB.

Tính năng bổ trợ

- 5 inch, giao diện màu cực kỳ trực quan
- Năng lượng: hiển thị và tính toán năng lượng sau khi hàn.
- Hiệu chỉnh tốc độ của bộ cấp dây và các phụ kiện hàn (mỏ hàn, cáp, v.v.)
- Ghi nhớ đến 500 chương trình theo quy trình
- Cập nhập máy và chế độ synergy bằng USB
- Màn hình có thể khóa tránh lỗi thao tác.
- 3 chế độ hiển thị cho từng chuyên gia: Easy, Expert và Advanced
- Tích hợp chế độ giúp người dùng chia sẻ cấu hình với nhiều người dùng khác
- Chế độ MMA Xung và TIG Xung
- Thổi hồ quang với que cac bon lên tới Ø 8 mm
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Tương thích với mỏ hàn Push-Pull (24 V)
- Cấu hình tùy chỉnh được theo nhu cầu sử dụng của người dùng

Tham khảo các loại synergy của GYS ở đây

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật		320 C	400 CW	400 G	500 G	NEOFEED-4W
Dòng hàn		400 V 3 ph, 50/60 Hz				24 V / 1 A 48 V / 2 A
Nguồn điện		32 A				-
Dải dòng hàn		10-320 A	10-400 A	10-400 A	10-500 A	-
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	Imax	320 40%	-	-	500 50%	-
	60%	300 A	400 A	400 A	470 A	500 A
	100%	280 A	360 A	360 A	440 A	460 A
Máy cấp	Mỏ hàn làm mát	khí	khí / chất lỏng	NEOFEED (tùy chọn)		khí / chất lỏng
		4 con lăn có động cơ				4 con lăn có động cơ
Tốc độ cấp dây		1 - 22 m/min				1 - 22 m/min
Bộ làm lạnh		WCU 1kW C (option)	tích hợp 1 kW	NEOCOOL (tùy chọn)		-
Các cuộn dây được hỗ trợ Ø		200-300 mm		Máy cấp NEOFEED-4W cần thiết (tùy chọn)		200-300 mm
Đường kính dây	Thép	0.6 - 1.2 mm	0.6 - 1.6 mm			0.6 - 1.6 mm
	Inox	0.8 - 1.2 mm	0.6 - 1.6 mm			0.6 - 1.6 mm
	Nhôm	0.8 - 1.2 mm	0.8 - 1.6 mm			0.8 - 1.6 mm
	CuSi / CuAl	0.8 - 1.0 mm	0.8 - 1.6 mm			0.8 - 1.6 mm
	Dây hàn lõi thuốc	0.9 - 1.6 mm	0.9 - 2.4 mm			0.9 - 2.4 mm
Que điện cực hàn lên đến Ø		1.6 - 5 mm	1.6 - 6 mm	1.6 - 6 mm		-
Xếp hạng bảo vệ		IP 23		IP 23		IP 23
Kích thước L x l x h		68 x 30 x 55 cm	96 x 51 x 85 cm	68 x 30 x 42 cm		63 x 44 x 29 cm
Cân nặng		36 kg	78 kg	28.5 kg	29 kg	19 kg
Thiết bị gốc con lăn		1.0/1.2 - F - thép, inox		-		1.0/1.2 - F - thép, inox

Thông tin đặt hàng

NEOPULSE 320 C - không phụ kiện	062474
NEOPULSE 400 CW - không phụ kiện	062061
NEOPULSE 400 G - không phụ kiện	014497
NEOPULSE 500 G - không phụ kiện	014503
Máy cấp NEOFEED-4W - không phụ kiện	014527

NEOFEED-4W

MIG MAG | 0.6 V 2.4 | MMA pulse | TIG pulse | G Gougeage

Bộ cấp dây riêng biệt NEOFEED-4W cho phép cấu hình và kiểm soát chu kỳ hàn rất chính xác. Giao diện kỹ thuật số trực quan với nhiều chức năng giúp điều chỉnh dễ dàng cho các thông số hàn. Bộ cấp dây siêu chính xác cung cấp cho các nhà sản xuất năng suất tối đa trên tất cả các loại hợp kim.

- Khả năng tương thích :
  - NEOPULSE 320 C (062474)
  - NEOPULSE 400 CW (062061)
  - NEOPULSE 400 G (014497)
  - NEOPULSE 500 G (014503)
  - EXAGON 400 MV (069718)
- Bộ cấp dây điều khiển điện tử (100 W) với 4 con lăn điều khiển
- Tương thích với mỏ làm mát bằng không khí và chất lỏng
- Hệ thống chiếu sáng bên trong của trục quay và cuộn dây
- Có thể kiểm tra mức độ tiêu thụ của dây
- Phù hợp với mỏ Push-Pull (24 V / 42 V)
- Giá đỡ mỏ hàn tích hợp
- IP23
- Cài đặt từ xa cho bộ cấp dây nhờ 2 điều khiển từ xa tùy chọn (Digital hoặc Analog)
- 4 vòng để di chuyển

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Tốc độ cấp dây	Loại con lăn	Loại dây hàn	Cuộn dây hàn
48 V - 2 A 24 V - 1 A	1 - 22 m/min	4 con lăn Ø 37 mm (Type F)	0.6 > 2.4 mm	5 kg - Ø 200 mm 18 kg - Ø 300 mm
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)		**Xếp hạng bảo vệ**	**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**
500 A 60% 460 A 100%		IP23	63 x 44 x 29 cm	19 kg

Thông tin đặt hàng

Máy cấp NEOFEED-4W - không phụ kiện	014527

2 Máy cấp

NEOFEED-4W (x2)

Pack, xem trang 81

2 máy cấp giúp tiết kiệm thời gian đáng kể khi người dùng thường xuyên thay đổi loại dây hàn. Máy thông minh tự động xác định bộ cấp dây nào đang hoạt động: chỉ cần nhấn nút kích hoạt mỏ hàn.

- Khả năng tương thích với các máy hàn (yêu cầu bộ kit NUM-2 tùy chọn):
  - NEOPULSE 400 G (014497)
  - NEOPULSE 500 G (014503)
- Phụ kiện tùy chọn :

Bộ mở rộng kết hợp 2 máy cấp (064690)

Xe đẩy T / M 400 (037328)

Bộ làm mát TWINCOOL 1000 W - 5.5 L (065086)

Bộ NUM-2 sẽ được cài đặt trong máy phát điện (064942)

Bó kết nối (x2)

khí		
1.8 m	70 mm²	071780
5 m		047587
10 m		047594
10 m	95 mm²	047600
15 m		038349
20 m		038431

chất lỏng		
1.8 m	70 mm²	037243
5 m		047617
10 m		047624
10 m	95 mm²	047631
15 m		038448
20 m		038455

		EXAFEED 4L 032408	NEOFEED 014527	EXACOOL 032422	Bó kết nối	NOMADFEED 425-4 036291	5 m, ø 95 mm² 032439	Con lăn gốc	4m, 70 mm² 043831	Xe đẩy 037328	nâng tay 039568	Mỏ hàn MIG/MAG Thép
Packs EXAGON 400 CC/CV												khí
1	012417	■			10 m, air, ø 70 mm² 047594			■ TYPE C, Ø 1/1.2	■	■		350 A, 4 m 040946
2	013377	■			5 m, khí, ø 70 mm² 047587			■ TYPE C, Ø 1/1.2	■	■		
												chất lỏng
3	012424	■		■	10 m, chất lỏng, ø 95 mm² 047631			■ TYPE C, Ø 1/1.2	■	■		500 A, 4 m 041004
4	013384	■		■	5 m, chất lỏng, ø 70 mm² 047617			■ TYPE C, Ø 1/1.2	■	■		
												khí
5	013421					■	■	■	■			450 A, 4 m 045392
6	013438					■	■	■	■		■	
Packs EXAGON 400 MV												khí
1	076297		■		5 m, khí, ø 70 mm² 047594			■ TYPE F, Ø 1/1.2	■	■		350 A, 4 m 040946
2	076310		■		5 m, khí, ø 70 mm² 047587			■ TYPE F, Ø 1/1.2	■	■		
3	076327					■	■	■ TYPE F, Ø 1/1.2	■			450 A, 4m 045392
4	076334					■	■	■ TYPE F, Ø 1/1.2	■		■	

		Bộ làm lạnh WCU 1kW C 013537	Con lăn loại B (x2) thiết bị gốc Ø 1.0/1.2 thép/ inox	Con lăn loại B (x2) Ø 1.0/1.2 nhôm 040915	Con lăn loại F (x4) thiết bị gốc Ø 1.0/1.2 thép/ inox	Con lăn loại F (x4) Ø 1.0/1.2 nhôm 061903	Cáp nối đất (4 m)	Xe đẩy 037328	Xe đẩy trượt 037717	Mỏ hàn MIG/MAG GRIP Thép	Mỏ hàn MIG/MAG GRIP Nhôm
Packs NEOPULSE 220 C XL										khí	khí
1	062825		■				■ 043817 400 A - 35 mm²			■ 040922 250 A - 4 m	
2	062832		■	■			■ 043817 400 A - 35 mm²				■ 040724 250 A - 3 m
Packs NEOPULSE 320 C										khí	khí
1	062849				■		■ 036994 600 A - 70 mm²			■ 040946 350 A - 4 m	
2	062856				■	■	■ 036994 600 A - 70 mm²				■ 040731 350 A - 3 m
										chất lỏng	chất lỏng
3	062863	■			■		■ 036994 600 A - 70 mm²	■		■ 043275 300 A - 4 m	
4	062870	■			■	■	■ 036994 600 A - 70 mm²	■			■ 040748 300 A - 3 m
5	063402	■			■	■	■ 036994 600 A - 70 mm²		■		

		Máy cấp NEOFEED-4W 014527	Bộ bánh xe máy cấp 047020	Bộ làm lạnh	Bó kết nối	Con lăn loại F (x4) thiết bị gốc Ø 1.0/1.2 thép/ inox	Con lăn loại F (x4) Ø 1.0/1.2 nhôm 061903	4 m 400 A 50 mm 047853	Cáp nối đất 4 m - kìm kẹp 600 A 70 mm² 043831	Cáp nối đất 4 m - kìm kẹp 800 A 95 mm² 047013	Xe đẩy 037328	Bộ cấp đôi 064690	Xe đẩy hàng 064621	Mỏ hàn MIG/MAG GRIP Thép	Mỏ hàn MIG/MAG GRIP Nhôm	Bộ NUM-2 064942
Packs NEOPULSE 400 CW																
1	071483					■			■					500 A - 4 m khí 041004		
2	071490					■	■		■						500 A - 3 m chất lỏng 046160	
Packs NEOPULSE 400 G																
1	062887	■			5 m, khí Ø 70 mm² 047587	■			■		■			450 A - 4 m khí 045392		
2	072718	■		NEOCOOL 032750	10 m, chất lỏng Ø 70 mm² 047624	■					■					
3	072725	■		NEOCOOL 032750	10 m, chất lỏng Ø 70 mm² 047624	■		■			■			500 A - 4 m chất lỏng 041004		
4	062894	■		NEOCOOL 032750	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631	■			■		■			500 A - 4 m chất lỏng 041004		
5	072732	■		NEOCOOL 032750	10 m, chất lỏng Ø 70 mm² 047624	■	■	■			■				500 A - 3 m chất lỏng 046160	
6	062900	■		NEOCOOL 032750	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631	■	■		■		■				500 A - 3 m chất lỏng 046160	
7	066533	■x2		TWINCOOL 065086	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631 (x2)	■	■		■		■	■		500 A - 4 m chất lỏng 041004	500 A - 3 m chất lỏng 046160	■
8	066540	■x2	■x2	TWINCOOL 065086	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631 (x2)	■	■		■				■	500 A - 4 m chất lỏng 041004	500 A - 3 m chất lỏng 046160	■
Packs NEOPULSE 500 G																
1	062917	■			10 m, khí Ø 95 mm² 047600	■				■	■			450 A - 4 m khí 045392		
2	062924	■		NEOCOOL 032750	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631	■				■	■			500 A - 4 m chất lỏng 041004		
3	062931	■		NEOCOOL 032750	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631	■	■			■	■				500 A - 3 m chất lỏng 046160	
4	066557	■x2		TWINCOOL 065086	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631 (x2)	■	■			■	■	■		500 A - 4 m chất lỏng 041004	500 A - 3 m chất lỏng 046160	■
5	066564	■x2	■x2	TWINCOOL 065086	10 m, chất lỏng Ø 95 mm² 047631 (x2)	■	■			■			■	500 A - 4 m chất lỏng 041004	500 A - 3 m chất lỏng 046160	■

		Dòng điện hàn MIG-MAG (A) 50 100 150 200 250 300 400 500	Điện áp	Đường kính dây hàn (mm) Thép Inox	Nhôm	Dây hàn lõi thuốc	CuSi CuAl	Máy cấp tích hợp	riêng biệt	Ø Cuộn dây (mm)	Bộ làm lạnh	Thổi cacbon	Màn hình kỹ thuật số	IP23	Trọng lượng (kg)
	MONOGYS **200-4 CS** 065949	200	230 V	0,6 v 1.0	0,8 v 1.0	-	0,8 v 1.0	1 > 15 m/min	-		-	-	-	-	60
	MONOGYS **250-4 CS** 020368	250	240 V	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	-	-	1 > 15 m/min	-	200 300	-	-	-	-	75
	MONOGYS **320-4 CS** 063020	320	240 V	0,6 v 1.0	0,6 v 1.0	0,9 v 1.2	-	1 > 20 m/min	-		-	-	-	-	105
	TRIMIG **200-4S** 031425	200	400 V	0,6 v 1.0	0,8 v 1.0	-	0,8 v 1.0	1 > 15 m/min	-		-	-	-	-	63
	TRIMIG **250-4S DV** 013803	250	400 V 230 V	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	-	-	1 > 20 m/min	-	200 300	-	-	-	-	86
	TRIMIG **300-4S** 031432	300	400 V	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	0,9 v 1.2	-	1 > 20 m/min	-		-	-	-	-	90
	PROMIG **400-4S** 035898	350	400 V	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	-	-	1 > 20 m/min	-		-	-	■	-	108
	PROMIG **400-4S DV WS** 061675	350	400 V 230 V	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	0,6 v 1.0	-	1 > 20 m/min	-	200 300	tích hợp	-	■	-	127
	PROMIG **400-4S DUO** 035911	350	400 V 230 V	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	0,9 v 1.6	-	1 > 20 m/min	■		-	-	■	-	109
	PROMIG **400 G.DV** 035904	350	400 V 230 V	-	-	-	-	-	■	-	-	-	■	-	105
	PROMIG **400 G.DV WS** 061682	350	400 V 230 V	-	-	-	-	-	■	-	tích hợp	-	■	-	118
	TF-4RN 061699		-	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	0,9 v 1.6		1 > 20 m/min		200 300	khí	-	-	-	18
	TF-4W 061705		-	0,8 v 1.2	1,0 v 1.2	0,9 v 1.6		1 > 20 m/min			chất lỏng	-	-	-	18
	MAGYS **400-4** 032170	350	400 V	0,6 v 1.2	1,0 v 1.2	-	-	1 > 24 m/min	-	200 300	-	-	■	■	130
	MAGYS **400 GR** 032187	350	400 V	-	-	-	-	-	■	-	-	-	■	■	130
	MAGYS **500 GR** 032194	450	400 V	-	-	-	-	-	■	-	-	■	■	■	160
	MAGYS **500 WS** 032200	450	400 V	-	-	-	-	-	■	-	■	■	■	■	160
	WS-4R 034723		-	0,6 v 1.6	1,0 v 1.6	0,9 v 2.4	-	1 > 24 m/min		200 300	khí	-	-	■	17
	WS-4L 033573		-	0,6 v 1.6	1,0 v 1.6	0,9 v 2.4	-	1 > 24 m/min			chất lỏng	-	-	■	17
	W5S-4L 032835		-	0,6 v 1.2	1,0 v 1.2	0,9 v 1.2	-	1 > 20 m/min		200	khí / chất lỏng	-	-		15

Chu kỳ làm việc 60% (40°C)

		Dòng điện hàn MIG-MAG (A) 50 100 150 200 250 300 400 500	Điện áp	Đường kính dây hàn (mm) Thép	Inox	Nhôm	Dây hàn lõi thuốc	CuSi CuAl	Máy cấp tích hợp	riêng biệt	Ø Cuộn dây (mm)	Bộ làm lạnh	Thổi cacbon	IP23	Trọng lượng (kg)
	MULTIPEARL **210-2** 065093	200 230 V 150 110 V	230 V 110 V							-	100 200	-	-	-	16
	MULTIPEARL **210-4 XL** 065109	200 230 V 150 110 V	230 V 110 V	0,6 v 1.0	0,8 v 1.0	0,8 v 1.0	0,9 1.2	-	1 > 15 m/min	-	200 300	-	-	-	20
	MULTIPEARL **211-4** 065116	200 230 V 150 110 V	230 V 110 V							-	200 300	-	-	-	27
	MULTIWELD **160M** 013612	160	230 V	0,6 v 0.8	0.8	0,8 v 1.0	0.9	-	3 > 10 m/min	-	200 300	-	-	-	34
	MULTIWELD **200M-C** 066588	200	230 V	0,6 v 1.0	0,8 v 1.0	0,8 v 1.0	0.9	-	2 > 13 m/min	-	200 300	-	-	■	26
	MULTIWELD **200M** 066595	200												-	34
	MULTIWELD **FV 220M-C** 065499	220 230 V 140 110 V	230 V 110 V	0,6 v 1.0	0,8 v 1.0	0,8 v 1.0	0,9 v 1.2	-	2 > 15 m/min (230 V)	-	200 300	-	-	■	24
	MULTIWELD **FV 220M** 065482	220 140 110 V										-	-	■	32
	MULTIWELD **250T-C** 014572	250	400 V	0,6 v 1.2	0,8 v 1.2	0,8 v 1.0	0,9 v 1.2	-	2 > 15 m/min	-	200 300	-	-	■	32
	MULTIWELD **250T** 031678	250										-	-	-	40
	MULTIWELD **320T-C** 036037	320	400 V	0,6 v 1.2	0,6 v 1.0	0,8 v 1.0	0,9 v 1.2	-	3 > 18 m/min	-	200 300	-	-	■	38
	MULTIWELD **320T** 062467	320										-	-	-	44
	EXAGON **400 CC/CV** 010925	400	400 V		-	-	-	-	-	-	-	(tùy chọn)	■	■	32
	EXAFEED4L 032408		-	0,6 v 1.6		1,0 v 1.6	0,9 v 2.4	-	1 > 22 m/min		200 300	khí / chất lỏng	-	■	19
	NOMADFEED 425-4 CC/CV 036291		-	0,6 v 1.6		1,0 1.6	0,9 v 2.4	-	1 > 24 m/min		200 300	khí	-	■	15
	NEOPULSE **220 C XL** 061842	220	230 V	0,6 v 1.0		0.8 1.2	0.9 1.2	0.8 1.0	0.5 > 20 m/min	-	200 300	-	-	■	30
	NEOPULSE **320 C** 062474	320	400 V	0,6 v 1.2	0,8 v 1.2	0,8 v 1.2	0,9 v 1.6	0,8 v 1.0	1 > 22 m/min	1+1 (tùy chọn)	200 300	(tùy chọn)	-	■	36
	NEOPULSE **400 CW** 062061	400	400 V	0,6 v 1.6		0,8 v 1.6	0,9 v 2.4	0,8 v 1.6	1 > 22 m/min	1+1 (tùy chọn)	200 300	tích hợp	■	■	78
	NEOPULSE **400 G** 014497	400	400 V	-		-	-	-	-	■ 1+1 (tùy chọn)	-	(tùy chọn)	■	■	28.5
	NEOPULSE **500 G** 014503	500	400 V	-		-	-	-	-	■ 1+1 (tùy chọn)	-	(tùy chọn)	■	■	29
	NEOFEED 4W 014527		-	0,6 v 1.6		0,8 v 1.6	0,9 v 2.4	0,8 v 1.6	1 > 22 m/min		200 300	khí / chất lỏng	-	■	19

Chu kỳ làm việc 60% (40°C)

PLASMA

EASYCUT
p.86

CUTTER CT
p.90

NEOCUT
p.92

Brochure
Cắt Plasma

EASYCUT K25 & K35F

Máy nén khí tích hợp

15 mm | 230 VOLTS | 1 PHASE

Với khả năng cắt lên đến 15 mm, máy cắt EASYCUT K25 và K35F là máy cắt plasma thủ công tích hợp máy nén khí tích hợp. Trong trường hợp không có khí nén, máy là dụng cụ đồng hành lý tưởng trong mọi công trường.

- Máy khí nén bên trong loại bỏ sự cần thiết cho bộ lọc khí và máy nén khí bên ngoài
- Không tiếp xúc với hồ quang khi đánh lửa để tránh nhiễu điện từ
- Được trang bị mỏ cắt có thể ngắt kết nối 4 m với tích hợp thiết kế an toàn
- Tăng cường bảo vệ cho hoạt động trên máy hàn và chống quá áp vĩnh viễn lên đến 400 V
- Công nghệ PFC (hiệu chuẩn công suất), mẫu K35F có thể hoạt động với dây cáp điện rất dài (hơn 100 m).

MADE IN FRANCE

2 years

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

		K25	K35F
Dòng hàn		230 V 1 ph, 50/60 Hz	
Nguồn điện		16 A	
Dải dòng hàn		10-25 A	10-35 A
Chu kỳ làm việc EN 60974-1 (40°C)	60%	15 A / 86 V	26 A / 90.4 V
	100%	-	20 A / 88 V
Máy nén khí tích hợp (mức âm thanh)		60 -70 db	
Xếp hạng bảo vệ		IP 21S	IP 21
Kích thước L x l x h		41 x 20 x 36 cm	28 x 52 x 46 cm
Cân nặng		15 kg	30 kg
Mỏ cắt được trang bị		TPT 25 (4 m)	MT 35K (4 m)

Hiệu suất

		K25	K35F
Cắt khuyến nghị (Cắt sạch)	Thép	6 mm	10 mm
	Thép / Nhôm	4 mm	8 mm
Cắt tối đa (Hoàn toàn)	Thép	8 mm	15 mm
	Thép / Nhôm	6 mm	10 mm

Thông tin đặt hàng

EASYCUT K25 + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC TPT 25, 4 m + Cáp kẹp đất 2 m	068063
EASYCUT K35F + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MT 35K, 4 m + Cáp kẹp đất 2 m	031036

EASYCUT

Siêu nhỏ gọn

20 mm | 1 PHASE | 230 VOLTS
EASYCUT 25 / 40

1 PHASE | 110 VOLTS | 230 VOLTS
EASYCUT 30 FV

MADE IN FRANCE

Siêu nhỏ gọn, Máy cắt plasma EASYCUT lý tưởng để dễ dàng cắt tất cả các loại kim loại dày đến 20 mm. Với định mức công suất lên đến 40 A, được thiết kế vượt trội để cắt chính xác với dòng điện thấp. Lý tưởng cho xưởng, thiết bị cung cấp tính di động mà không giảm hiệu suất cắt.

- Nhỏ gọn và nhẹ, thiết bị cung cấp tính di động tuyệt vời.
- Bảng điều khiển dễ sử dụng với một chiết áp duy nhất để điều chỉnh cường độ cắt.
- Không tiếp xúc với hồ quang khi đánh lửa để tránh nhiễu điện từ
- Điều chỉnh áp suất không khí nhờ biểu đồ thanh phía trước.
- Trang bị mỏ cắt có thể tháo rời 4 m, cùng thiết kế an toàn ngăn chặn việc kích hoạt ngẫu nhiên hoặc không chủ ý.
- Nguồn điện một pha có điện áp linh hoạt từ 85 đến 265 V tích hợp công nghệ PFC để sử dụng mạng điện tốt hơn (chỉ dành cho phiên bản 30 FV)
- Tăng cường bảo vệ cho hoạt động trên máy hàn và chống quá áp vĩnh viễn lên đến 400 V (chỉ dành cho phiên bản 30 FV)

2 years

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

		EASYCUT 25	EASYCUT 30 FV		EASYCUT 40
Dòng hàn		230 V 1 ph, 50/60 Hz	230 V 1 ph, 50/60 Hz	110 V 1 ph, 50/60 Hz	230 V 1 ph, 50/60 Hz
Nguồn điện		16 A	16 A	32 A	16 A
Dải dòng hàn		10-25 A	10-30 A		10-40 A
Chu kỳ làm việc EN 60974-1 (40°C)	60%	15 A / 86 V	23 A / 89.2 V	19 A / 87.6 V	10 A / 84 V
	100%	10 A / 84 V	20 A / 88 V	15 A / 86 V	-
Tốc độ dòng khí khuyến nghị		115 L/min			
Áp suất không khí khuyến nghị		2.5 > 6.5 bar	2.5 > 9 bar		2.5 > 6.5 bar
Xếp hạng bảo vệ		IP 21	IP 21S		IP 21
Kích thước L x l x h		42 x 15 x 30 cm	45 x 28 x 20 cm		42 x 15 x 30 cm
Cân nặng		7.8 kg	11 kg		8 kg
Mỏ cắt được trang bị		TPT 25 (4 m)	TPT 40 (4 m)		TPT 40 (4 m)

Hiệu suất

		25	30 FV	40
Cắt khuyến nghị (Cắt sạch)	Thép	6 mm	10 mm	15 mm
	Thép / Nhôm	4 mm	8 mm	12 mm
Cắt tối đa (Hoàn toàn)	Thép	8 mm	15 mm	20 mm
	Thép / Nhôm	6 mm	10 mm	15 mm

Thông tin đặt hàng

EASYCUT 25 + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC TPT 25, 4 m + Cáp kẹp đất 2 m	065543
EASYCUT 30 FV + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC TPT 40, 4 m + Cáp kẹp đất 2 m	013858
EASYCUT 40 + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC TPT 40, 4 m + Cáp kẹp đất 2 m	029743

CUTTER 45 & 70 CT

Di động cho ngành công nghiệp

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

35 mm | Gougeage (70 CT) | CNC | 1 PHASE | 230 VOLTS (45 CT) | 400 VOLTS | 3 PHASES (70 CT)

Máy cắt plasma CUTTER 45 CT (1 pha) và CUTTER 70 CT (3 pha) với chất lượng cắt chuyên nghiệp, đặc trưng bởi cắt kim loại có độ dày đến 35 mm. Giao diện CNC và mỏ AT-70 tự động, áp dụng trong công nghiệp, cho phép cơ giới hóa hoàn toàn

- Bảng điều khiển dễ sử dụng với một chiết áp duy nhất để điều chỉnh cường độ cắt.
- Ba chế độ làm việc: cắt, cắt với khóa kích hoạt và cắt các tấm đục lỗ.
- Thổi cac bon tới mức tối đa (Đầu trượt và đầu phun cụ thể trong phần tùy chọn)
- Có dây sẵn để sử dụng trên bàn cắt tự động (phụ kiện có trong bộ CNC-1 analogue kit)
- Không tiếp xúc với hồ quang khi đánh lửa để tránh nhiễu điện từ
- Điều chỉnh áp suất không khí bằng tay (4.1 <6.5 bar) với biểu đồ thanh phía trước.
- Mỏ hàn MT-70 cao cấp được thiết kế để chịu va đập và nhiệt (tùy chọn cho phiên bản máy 45 CT)
- Thiết kế làm mát cách ly thiết bị điện tử
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.

Hiệu suất

			45 CT*		70 CT
			230 V	110 V	400 V
Cắt khuyến nghị		Thép	25 mm	10 mm	25 mm
(Cắt sạch)		Thép / Nhôm	15 mm	8 mm	18 mm
Cắt tối đa		Thép	30 mm	15 mm	35 mm
(Hoàn toàn)		Thép / Nhôm	20 mm	10 mm	25 mm
Khoan		Thép	12 mm	5 mm	15 mm
		Thép / Nhôm	6 mm	3 mm	12 mm
Thổi cacbon	Tỷ lệ		-		4.8 kg/h

* với mỏ MT-70

Thông số kỹ thuật

		CUTTER 45 CT		CUTTER 70 CT	
Chế độ làm việc		Cắt		Cắt	Thổi cacbon
Dòng hàn		230 V 1 ph, 50/60 Hz	110 V 1 ph, 50/60 Hz	400 V 3 ph, 50/60 Hz	
Nguồn điện		16 A	32 A	16 A	
Dải dòng hàn		10-45 A	10-30 A	20-70 A	
Chu kỳ làm việc EN 60974-1 (40°C)	60%	41 A / 96.4 V	21 A / 88.4 V	70 A / 108 V	60 A / 124 V
	100%	32 A / 92.8 V	17 A / 86.8 V	55 A / 102 V	45 A / 118 V
Tốc độ dòng khí khuyến nghị		115 L/min	185 L/min	270 L/min	
Áp suất không khí khuyến nghị		5 > 7 bar			
Xếp hạng bảo vệ		IP 23			
Kích thước L x l x h		48 x 37 x 23 cm		52 x 40 x 26 cm	
Cân nặng		15 kg		22 kg	
Mỏ cắt được trang bị		MT-70 (6 m) hoặc TPT 40 (4 m)		MT-70 (6 m)	

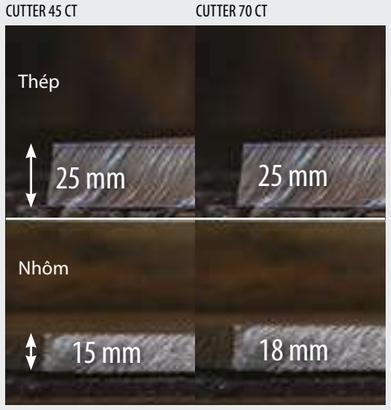

Thông tin đặt hàng

CUTTER 45 CT + cáp nối đất, 2 m	014787
CUTTER 45 CT + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC TPT 40, 4 m + Cáp kẹp đất 2 m	013629
CUTTER 70 CT + cáp nối đất, 4 m	013636
CUTTER 70 CT + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MT -70, 6 m+ Cáp kẹp đất 4m	013841

NEOCUT 105 & 125

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Với công suất cao để cắt bằng tay hoặc cơ giới, NEOCUT là giải pháp lý tưởng trong môi trường công nghiệp. Chu kỳ làm việc 100% lên đến 125 A cho phép cắt các phần dày đến 57 mm. Được trang bị tính năng quản lý áp suất không khí tự động, máy mang lại chất lượng cắt tối ưu trong suốt vòng đời của vật tư tiêu hao

- Quản lý tự động áp suất và lưu lượng gió theo dòng cài đặt.
- Sáu chế độ làm việc: cắt, cắt với khóa kích hoạt, thổi cac bon, thổi cacbon với khóa kích hoạt, cắt các tấm đục lỗ và đánh dấu.
- Chế độ đánh dấu, lý tưởng để truy tìm và xác định các bộ phận.
- Không tiếp xúc với hồ quang khi đánh lửa để tránh nhiễu điện từ
- Có dây sẵn để sử dụng trên bàn cắt tự động (phụ kiện có trong bộ analogue /digital CNC).
(bộ CNC analogue hoặc digital có trong tùy chọn)
- Theo dõi hao mòn của vật tư tiêu hao (đầu phun và điện cực)
- Cập nhật phần mềm đơn giản qua cáp USB mà không cần bất kỳ công cụ hoặc tháo gỡ nào
- Màn hình OLED và giao diện đa ngôn ngữ: dễ sử dụng, tất cả các cài đặt chỉ bằng một nút bấm

Hiệu suất		105	125
Cắt tối đa (Hoàn toàn)	Thép	50 mm	57 mm
	Thép / Nhôm	40 mm	
Cắt khuyến nghị (Cắt sạch)	Thép	35 mm	40 mm
	Thép / Nhôm	30 mm	
Khoan	Thép	20 mm	25 mm
	Thép / Nhôm	18 mm	
Thổi cacbon	Tỷ lệ	8 kg/h	12 kg/h

Tính năng bổ trợ

- Hiện thị đa ngôn ngữ (EN, FR, DE, IT, ES, NL, RU)
- Không tiếp xúc với hồ quang khi đánh lửa để tránh nhiễu điện từ
- Mỏ hàn cao cấp MT-125 được thiết kế để chịu va đập và nhiệt (tùy chọn).
- Thân máy gia cố
- 2 tay cầm bằng thép giúp di chuyển dễ dàng
- Xếp hạng bảo vệ IP23 thích hợp cho môi trường ẩm ướt.
- Phần thông gió kín giúp cách ly các linh kiện điện tử khỏi bụi.

Thông số kỹ thuật		NEOCUT 105		NEOCUT 125	
Chế độ làm việc		Cắt	Thổi cacbon	Cắt	Thổi cacbon
Dòng hàn		400 V - 3 ph, 50/60 Hz		400 V - 3 ph, 50/60 Hz	
Nguồn điện		32 A		63 A	
Dải dòng hàn		20-105 A		20-125 A	
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 °C)	60%	-	105 A / 142 V	-	-
	100%	105 A / 122 V	90 A / 136 V	125 A / 130 V	125 A / 150 V
Điện áp không tải		356 V			
Tốc độ dòng khí khuyến nghị		305 L/min (cắt thủ công)			
Áp suất không khí khuyến nghị		5 > 9 bar			
Xếp hạng bảo vệ		IP 23			
Máy phát điện được khuyến nghị		> 30 kW			
Kích thước L x l x h		69 x 40 x 61 cm			
Cân nặng		33 kg		36 kg	
Tiêu chuẩn		IEC 60974-1/10 A			
Mỏ cắt thủ công gợi ý		MT-125			

Thông tin đặt hàng

NEOCUT 105 + Cáp nối đất, 4 m	063044
NEOCUT 105 + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MT-125, 6 m+ Cáp kẹp đất 4m	063112
NEOCUT 125 + Cáp nối đất, 4 m	067431
NEOCUT 125 + phụ kiện Mỏ hàn TOPARC MT-125, 6 m+ Cáp kẹp đất 4m	067448

Packs - EASYCUT K35F

		Cáp nối đất	Mỏ cắt thủ công	Xe đẩy	Đầu khuếch tán	Điện cực	Đầu bịt	Đầu phun
	031036	2 m, 10 mm²	MT-35K, 4 m	051331	x1	x3	x3	x1
					Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 039964			

Mỏ cắt - EASYCUT

Model	Seri	Góc	Chu kỳ làm việc 60%	Chu kỳ làm việc 100%	Độ dài	Vật tư tiêu hao	Mã số	Tương thích
	TPT 25	75°	25 A (35%)	15 A	4 m	bao gồm	068087	EASYCUT K25 EASYCUT 25
	TPT 40		40 A		4 m	bao gồm	060753	EASYCUT 30 FV EASYCUT 40 CUTTER 45 CT

Vật tư tiêu hao - EASYCUT

Các mẫu mỏ cắt		Đầu khuếch tán(x2)		Điện cực (x10)		Đầu bịt (x10)		Đầu phun (x4)		Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao	
Cắt	MT 25K	x1	040175	x3	040168	x3	040151	x1	040182	MT 25K	039971
	TPT 25						040212		040182	TPT 25	070721
	MT 35K								040229	MT 35K	039964
	TPT 40								040236	TPT 40	039957

Packs - CUTTER CT / NEOCUT

				Phụ kiện	Cáp nối đất	Mỏ cắt thủ công	Mỏ hàn tự động	Kit CNC	Xe đẩy trượt	Đầu khuếch tán	Điện cực	Đầu bịt	Đầu phun	Đầu tự chỉnh hướng
				8 mm / 10 mm									Ohmic	
CUTTER 45 CT														
	1	062962	■	2 m, 10 mm²	MT-70, 6 m 037502					x1	x1	x1	x1	x1
										Bộ khởi động				
	2	062979	■		MT-70, 12 m 037519					x1	x3	x3	x1	x1
										Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 061613				
	3	062986	■			AT-70, 12 m 037533		Analog 039988		x1 037557	x5 037564	x5 037571	x1 (Ohmic) 037618	x1 037649
CUTTER 70 CT														
	1	013841	■	4 m, 10 mm²	MT-70, 6 m 037502					x1	x1	x1	x1	x1
										Bộ khởi động				
	2	014589	■		MT-70, 6 m 037502					x1	x3	x3	x1	x1
										Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 037540				
	3	014596	■		MT-70, 12 m 037519					x1	x3	x3	x1	x1
										Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 037540				
	4	014619	■			AT-70, 12 m 037533		Analog 039988		x1 037557	x5 037564	x5 037588	x1 (Ohmic) 037618	x1 037649
NEOCUT 105														
	1	063112	■	4 m, 16 mm²	MT-125, 6 m 039506					x1	x1	x1	x1	x1
										Bộ khởi động				
	2	065871	■		MT-125, 6 m 039506				037717	x2	x3	x6	x3	x3
										Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 064720				
	3	065888	■		MT-125, 12 m 039513				037717	x2	x3	x6	x3	x3
										Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 064720				
	4	065995	■			AT-125, 12 m 039520	125A 60%	Analog 039988		x1 039148	x5 039155	x5 039193	x1 (Ohmic) 039445	x1 039308
	5	068186	■			AT-125, 12 m 039520	125A 60%	Digital 064737		x1 039148	x5 039155	x5 039193	x1 (Ohmic) 039445	x1 039308
NEOCUT 125														
	1	067448	■	4 m, 25 mm²	MT-125, 6 m 039506					x1	x1	x1	x1	x1
										Bộ khởi động				
	2	068193	■		MT-125, 6 m 039506				037717	x1	x3	x6	x1	x1
										Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 039544				
	3	068209	■		MT-125, 12 m 039513				037717	x1	x3	x6	x1	x1
										Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao 039544				
	4	068216	■			AT-125, 12 m 039520	125A 60%	Analog 039988		x1 039148	x5 039155	x5 039209	x1 (Ohmic) 039445	x1 039308
	5	068223	■			AT-125, 12 m 039520	125A 60%	Digital 064737		x1 039148	x5 039155	x5 039209	x1 (Ohmic) 039445	x1 039308
	6	073463	■			AT-160, 12 m 067486	125A 100%	Analog 039988		x1 067509	x5 067493	x5 067554	x1 (Ohmic) 067585	x1 067608
	7	073470	■			AT-160, 12 m 067486	125A 100%	Digital 064737		x1 067509	x5 067493	x5 067554	x1 (Ohmic) 067585	x1 067608

Mỏ cắt - CUTTER CT / NEOCUT

Model	Seri	Góc	Chu kỳ làm việc 60%	Chu kỳ làm việc 100%	Độ dài	Vật tư tiêu hao	Mã số	Tương thích
	TPT 40	75°	40 A		4 m	bao gồm	060753	CUTTER 45 CT
	MT-70	75°	70 A (50%)	50 A	6 m	không bao gồm	037502	CUTTER 45 CT CUTTER 70 CT
					12 m		037519	
	MT-125		125 A	105 A	6 m		039506	NEOCUT 105 NEOCUT 125
					12 m		039513	

Mỏ cắt «Easyfit»

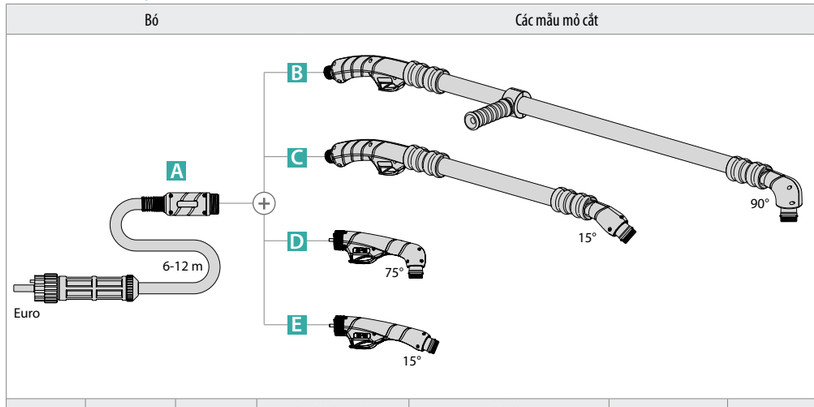

Seri	Model	Góc	Chu kỳ làm việc 60%	Chu kỳ làm việc 100%	Độ dài		Vật tư tiêu hao	Mã số	Tương thích
A	MT-70 MT-125	-	-	-	6 m	-	không bao gồm	074668	CUTTER 45 CT CUTTER 70 CT NEOCUT 105 NEOCUT 125
					12 m	-		074675	
B	MT-125	90°	125 A	105A	-	130 cm		074644	NEOCUT 105 NEOCUT 125
		15°						074651	
C	MT-125	90°	125 A	105A	-	80 cm		074620	
		15°						074637	
D	MT-70	75°	70 A (50%)	50 A	-	-		074583	CUTTER 45 CT CUTTER 70 CT
	MT-125		125 A	105 A				074606	NEOCUT 105 NEOCUT 125
E	MT-70	15°	70 A (50%)	50 A				074590	CUTTER 45 CT CUTTER 70 CT
	MT-125		125 A	105 A				074613	NEOCUT 105 NEOCUT 125

Vật tư tiêu hao- CUTTER CT / NEOCUT

Các mẫu mỏ cắt		Các cỡ	Đầu khuếch tán (x1)		Điện cực (x5)		Đầu bịt (x5)		Đầu phun (x1)		Đầu trượt (x1)		Bộ dụng cụ vật tư tiêu hao
MT-70	Cắt	20-50 A	x1	037557	x3	037564 ngắn 067189 dài*	x3 x3	037571 ngắn 067196 dài*	x1	037601	x1	037625 ngắn 067219 dài*	20-50 A 061613
		70 A	x1		x3	037564 ngắn 067189 dài*	x3	037588 ngắn 067202 dài*	x1		x1	037625 ngắn 067219 dài*	20-70 A 037540
MT-125		Cắt chính xác 45 A	039131		039155		039315		039216		039322		
		45 A	x1	039131	x3	039155	x3	039162	x1	039216	x1	039230	45/65/85 A 039537
		65 A					x3	039179					
		85 A	x1		x3		x3	039186	x1		x1		85-105 A 064720
		105 A	x1	039148			x3	039193	x1	039223	x1	039247	
		125 A	x1		x3		x3	039209	x1		x1		105/125 A 039544

		Các cỡ	Đầu khuếch tán (x1)	Điện cực (x5)	Đầu bịt (x5)	Đầu phun (x1)	Đầu trượt (x1)
MT-70	Thổi cacbon	70 A	037557	037564	037595	037601	037632
MT-125		65-85 A	039131	039155	039261	039216	039254
		105 A	039148		039278	039223	
		125 A			039285		

* khả năng tiếp cận tốt hơn

Vật tư tiêu hao giúp «Tiếp cận chỗ khó»

Các mẫu mỏ cắt		Các cỡ	Đầu khuếch tán (x1)	Điện cực (x3)	Đầu phun (x1)	Vòng (x3)	Đầu bịt (x5)	Đầu trượt (x1)	a / b	
MT-70	Cắt	20-45 A	037557	074682	074859	074897	074767	074910	76 mm 122 mm	
		70 A					074774			
MT-125		20-45 A	039131	074699	074866	074897	074767	074910	82 mm 131 mm	
		70 A					074774			
		100 A	039148				074781			
MT-70	Thổi cacbon	70 A	037557	074682	074859	074897	074798	074927	76 mm 122 mm	
MT-125		70 A	039131	074699	074866	074897	074798	074927	82 mm 131 mm	
		100 A	039148				074804			

Vật tư tiêu hao cho «Flat cutting»

Các mẫu mỏ cắt		Các cỡ	Đầu khuếch tán (x1)	Điện cực (x5)	Đầu phun (x1)	Đầu bịt (x5)	Vòng giữ (x2)	
MT-70	Cắt	40-70 A	074736	074705	074873	074811	074903	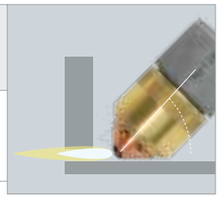
MT-125		40-70 A	074743	074712	074880	074828		
		80-125 A	074750	039155		074835		

Mỏ cắt tự động cho CUTTER CT / NEOCUT

Model	Seri	Chu kỳ làm việc 60%	Chu kỳ làm việc 100%	Độ dài		Ø	Vật tư tiêu hao	Mã số	Tương thích
	AT-70	70 A (50%)	50 A	6 m	127 mm	Ø 35 mm	không bao gồm	071865	CUTTER 45 CT CUTTER 70 CT
				6 m	240 mm			037526	
				12 m				037533	
	AT-125	125 A	105 A	6 m		Ø 35 mm		038479	NEOCUT 105 NEOCUT 125
				12 m				039520	
				15 m				069787	
				20 m				069794	
	AT-160	160 A	125 A	6 m		Ø 44.5 mm		067479	NEOCUT 125
				12 m				067486	
				15 m				069800	
				20 m				069817	

Vật tư tiêu hao cho mỏ cắt tự động

Các mẫu mỏ cắt		Các cỡ	 Đầu khuếch tán (x1)	 Điện cực (x5)	 Đầu bịt (x5)	 Đầu phun (x1)		 Đầu bịt Ohmic (x1)	 Đầu tự chỉnh hướng (x1)
AT-70	Cắt	20-50 A	037557	037564	037571	037601	hoặc	037618	037649
		70 A			037588				
AT-125	Cắt	Cắt chính xác 45 A	039131	039155	039315	039216	hoặc	039339	037496
		45 A			039162				039292
		65 A			039179				
		85 A			039186				
		105 A	039148		039193	039223	hoặc	039445	039308
		125 A			039209				
AT-160	Cắt	Cắt chính xác 45 A	067509	037493	067516	-		067578	076945
		45 A			067523				067592
		65 A			067530				
		85 A			067547				
		105-125 A			067554			067585	067608

Phụ kiện

Bộ lọc hút ẩm

039728 Bộ lọc + hộp
039735 Chỉ hộp

Bộ lọc bụi bẩn

046580
CUTTER 70 CT - NEOCUT 105/125

RC-PLASMA
Điều khiển bật / tắt từ xa cho mỏ cắt cơ khí hóa

069596
CUTTER 45/70 CT - NEOCUT 105/125

Hướng dẫn cắt

Bộ compas #1

040205 Phù hợp mỏ cắt TPT 25 / TPT 40 / MT 25K / MT 35K / MT 45
040199 Chỉ gồm phần hướng chuyển động

Bộ compas #2

037984 Phù hợp với mỏ MT-70 / MT-125
037977 Chỉ gồm phần hướng chuyển động

Bộ Cut /
vát mép / hướng dẫn

038653 Phù hợp với mỏ MT-70 / MT-125

Xe đẩy

040977	073593	037717	040298	051331	039568
EASYCUT K35F	NEOCUT 105/125	NEOCUT 105/125	EASYCUT K25/K35F EASYCUT 30FV - 25/40 CUTTER 45 CT	EASYCUT K25/K35F EASYCUT 30FV - 25/40 CUTTER 45 CT	EASYCUT K25/K35F CUTTER 45 CT NEOCUT 105/125

Kits cnc cho CUTTER CT / NEOCUT

CNC-1 Analog

039988

CUTTER 45/70 CT
NEOCUT 105/125

CNC-2 Digital

064737

NEOCUT 105/125

CNC-3 Digital Retrofit

068957

NEOCUT 105/125

Để biết thêm

DRAWN ARC

ARCPULL
p.102

GYSPOT ARCPULL

Máy hàn hồ quang kéo, GYSPOT ARCPULL hàn tất cả các loại đinh tán và neo bê tông lên đến ø 13 mm (hàn với lớp bảo vệ bằng sứ, có hoặc không có lớp bảo vệ bằng khí). Điều chỉnh dòng thứ cấp đặc biệt thích hợp cho lĩnh vực công nghiệp để duy trì sự ổn định hồ quang hoàn hảo.

- Lý tưởng để hàn nhiều bộ phận bổ sung:
  Vòng kéo bằng thép hoặc nhôm, thanh rút đinh tán, đinh tán, đinh tán có ren chèn, đinh cách nhiệt bằng thép hoặc nhôm
- Súng có động cơ tuyến tính, duy nhất trên thị trường, đảm bảo độ chính xác của sự chênh lệch với chiều cao vòng cung
- Chế độ hàn "synergy" (các thông số được xác định trước, giúp nhanh chóng và hiệu quả) ở chế độ hàn "expert" (người dùng kiểm soát hoàn toàn chu trình hàn)
- Bộ nhớ tích hợp (ARCPULL 700) để lưu trữ lên đến 99 chương trình tùy chỉnh
- Hiện thị đa ngôn ngữ (EN, FR, DE, IT, ES, NL, RU)
- Sử dụng hoàn hảo với dây nối dài trên công trường
- Xếp hạng bảo vệ IP33 để làm việc với môi trường ẩm ướt và nhiều bụi
  (phiên bản 350)

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

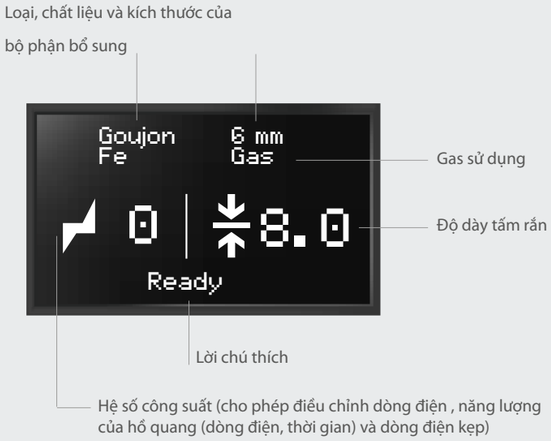

Hiệu suất (max)		350	700
Đường kính đinh tán	Thép	8 mm	13 mm
	Nhôm		8 mm
Nhịp độ max. (đinh tán/ phút)		13	30

Thông số kỹ thuật		ARCPULL 350	ARCPULL 700
Dòng hàn		230 V - 1 ph, 50/60 Hz	400 V - 3 ph, 50/60 Hz
Nguồn điện		16 A	20 A
Dải dòng hàn		10-350 A	50-680 A
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	60%	-	-
	100%	350 A / 34 V	680 A / 44 V
Điện áp không tải		100 V	80-95 v
Xếp hạng bảo vệ		IP 33	IP 23
Máy phát điện được khuyến nghị		> 15 kW	> 30 kW
Kích thước L x l x h		23 x 31 x 28 cm	32 x 32 x 41 cm
Cân nặng		11 kg	17.4 kg
Tiêu chuẩn		IEC 60974-1/10 A	
Độ dài cáp		6 m	5 m
Độ dài bó (súng)		3 m	3 m
Cân nặng (Súng)		3 kg	3 kg

Thông tin đặt hàng

GYSPOT ARCPULL 350 Súng, 3m	062191
Pack GYSPOT ARCPULL 350 + phụ kiện Súng, 3m + Hộp phụ kiện cặp cho đinh tán	064638
Pack GYSPOT ARCPULL 350 + phụ kiện Súng, 3m + Hộp phụ kiện cặp cho đinh tán + Cáp nối đất kẹp đôi, 3 m	071438
GYSPOT ARCPULL 700 + phụ kiện Súng, 3m + Hộp phụ kiện chĩa bằng sứ STANDARD 700 + Cáp nối đất kẹp đôi, 3 mm	062207

GIA NHIỆT.

POWERDUCTION
p.106

POWERDUCTION
p.108

**Brochure
Gia nhiệt**

POWERDUCTION

Thiết bị gia nhiệt được trang bị cuộn cảm xoắn ốc, POWERDUCTION 10R là công cụ lý tưởng để nới lỏng. Với công suất 1.200 W, máy vẫn có thể đảm bảo sự nhỏ gọn và nhẹ (3,5 kg), máy đi kèm với một dây đeo để có thể mang qua vai dễ dàng. Khởi động dễ dàng và nhanh chóng trên ổ một pha, đây là công cụ hoàn hảo để làm việc ngay tại chỗ.

- Nhỏ gọn và rất nhẹ (3,5 kg)
- Dễ dàng vận chuyển, và để trên vai
- Thích hợp với bất kì ổ cắm một pha nào
- Khởi động nhanh: nhanh chóng để cắm và sử dụng
- Năng lượng 1,200 W
- Được đi kèm với vali và được cung cấp với 5 cuộn cảm: 3 cuộn cảm xoắn ốc, 1 dây bện và 1 dây mềm
- Cuộn cảm để loại bỏ nhãn dán (tuỳ chọn) (mã số. 066601)

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Công suất	Tần số gia nhiệt	Chất làm mát	Dây cáp điện
230 V, 1 ph, 50/60 Hz	16 A	1200 W	45-100 kHz	Khí	1 m
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 35 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
1200 W = 2 min		23 x 14 x 10 cm	3 kg	IP21	IEC 60335-1

Khả năng gia nhiệt (s)

Kích thước đai ốc	NC
Độ dày tấm kim loại	NC
Đường kính thanh kim loại Ø 8 mm	10 s

Thông tin đặt hàng

POWERDUCTION 10R + phụ kiện Vali + Dây xoắn Ø18 mm, Ø24 mm, Ø30 mm + Dây bện mềm + Dây thẳng cứng	062504

POWERDUCTION 37LG

Máy chỉ nặng 15 kg với nguồn điện một pha, 230 V, POWERDUCTION 37LG là sự kết hợp hoàn hảo giữa nguồn điện mạnh mẽ và tính di động. Máy chỉ nặng 15 kg với nguồn điện một pha, 230 V, POWERDUCTION 37LG là sự kết hợp hoàn hảo giữa nguồn điện mạnh mẽ và tính di động.

- Nhỏ gọn và di động (15 kg)
- Nguồn điện : 3700 W có thể được thiết lập với gia số 250 W
- Làm nóng trong lòng kim loại, đến độ sâu 6 mm
- Chu kỳ làm việc tối đa : 7 phút
- Các loại cuộn cảm khác nhau (tùy chọn)
- Máy làm mát bằng chất lỏng (1,5 L)

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn	Nguồn điện	Công suất	Tần số gia nhiệt	Chất làm mát	Dây cáp điện
230 V, 1 ph, 50/60 Hz	16 A	3700 W	15-30 kHz	Chất lỏng (1.5 L)	2 m
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 35 ° C)		**Kích thước L x l x h**	**Cân nặng**	**Xếp hạng bảo vệ**	**Tiêu chuẩn**
3700 W = 7 min		45 x 28.5 x 25 cm	15 kg	IP21	IEC 60335-1

Khả năng gia nhiệt (s)

Kích thước đai ốc: M10	1 s
Độ dày tấm kim loại : 2 mm	5 s
Đường kính thanh kim loại Ø 10 mm	15 s

Thông tin đặt hàng

POWERDUCTION 37LG + khớp nối cố định 28S 1 Đầu cuộn cảm S90	056992

POWERDUCTION

MADE IN FRANCE

Được sản xuất hoàn toàn tại Pháp, dòng sản phẩm POWERDUCTION bao gồm 6 sản phẩm với kích thước phù hợp được thiết kế để ứng dụng các công việc khác nhau. Cung cấp công suất và hệ thống máy móc khác nhau, các máy POWERDUCTION lý tưởng cho sửa chữa thiết bị ô tô, vận tải, xây dựng, bảo trì thân xe, bảo dưỡng chung và cho các xưởng công nghiệp.

- Rất dễ dàng sử dụng
- Nguồn điện lên tới 22 000 W
- Máy có sẵn phiên bản một pha và ba pha
- Làm mát bằng chất lỏng (7 L ou 30 L)
- Bàn đạp điều khiển khí nén (ngoại trừ 39LG)
- Chế độ hẹn giờ: điều chỉnh chính xác thời gian gia nhiệt (1 đến 30 giây)
- Tay cầm có thể tháo rời trên một số kiểu máy để tăng khả năng cơ động của cánh tay máy và giúp người dùng cầm thoải mái hơn
- Các loại cuộn cảm khác nhau tùy chọn để đáp ứng mọi tấm kim loại cần làm nóng bằng nhiệt
- Dòng điện gia nhiệt tối ưu tùy theo loại cuộn cảm sử dụng

6 loại máy có sẵn

Khả năng gia nhiệt (s)

	Kích thước đai ốc	Độ dày tấm kim loại 2 mm	Độ dày tấm kim loại 4 mm	Đường kính thanh kim loại Ø 10 mm
39LG	1 s (M12)	5 s	NC	15 s
50LG	1 s (M14)	3 s	5 s	10 s
COMBI AUTO	1 s (M14)	3 s	5 s	10 s
110LG	1 s (M18)	2 s	4 s	7 s
160LG	1 s (M20)	2 s	4 s	5 s
220LG	1 s (M45)	1 s	3 s	4 s

Nhiệt độ nước làm mát và chỉ dẫn

Truy cập vào chế độ thời gian

Năng lượng gia nhiệt (10 % > 100 %)

Kích hoạt chế độ thay đổi cuộn cảm

Thông số kỹ thuật

		39LG	50LG	COMBI	110LG	160LG	220LG
Dòng hàn		230 V - 1 ph, 50/60 Hz			400 V - 3 ph, 50/60 Hz		
Nguồn điện		16 A	25 A	25 A	16 A	32 A	32 A
Công suất		3700 W	5200 W	5200 W	11 000 W	16 000 W	22 000 W
Tần số gia nhiệt		20-60 kHz	20-60 kHz	20-80 kHz	20-60 kHz	20-60 kHz	25-50 kHz
Chất làm mát			Chất lỏng (7 L)		Chất lỏng (7 L)	Chất lỏng (30 L)	
Chu kỳ làm việc (nhiệt độ môi trường 40 ° C)	100%	15 phút	liên tục	liên tục	liên tục	liên tục	liên tục
Xếp hạng bảo vệ		IP 21					
Kích thước L x l x h		53 x 70 x 37 cm	59 x 88 x 59 cm			78 x 118 x 58 cm	
Cân nặng		50 kg	70 kg		80 kg	150 kg	
Tiêu chuẩn		IEC 60335-1					
Dây cáp điện		3 m	3 m	3 m	4 m	6 m	6 m	10 m

Thông tin đặt hàng

POWERDUCTION 39LG + 1 bộ cuộn cảm gia nhiệt hoàn chỉnh C20/B1	058583
POWERDUCTION 50LG + 1 bộ cuộn cảm gia nhiệt hoàn chỉnh C20/B1	055599
COMBIDUCTION AUTO 50 LG + 1 bộ cuộn cảm gia nhiệt hoàn chỉnh C20/B1 + Cuộn cảm thủy tinh + Cuộn cảm dính	065901
POWERDUCTION 110LG + Khớp nối 32L + 1 đầu cuộn cảm gia nhiệt L90	058590
POWERDUCTION 160LG + Khớp nối 32L + 1 đầu cuộn cảm gia nhiệt L90	057814
POWERDUCTION 220LG (6 m)+ Khớp nối 32L + 1 đầu cuộn cảm gia nhiệt L20/B4	066861
POWERDUCTION 220LG (10 m)+ Khớp nối 32L + 1 đầu cuộn cảm gia nhiệt L20/B4	074576

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

	a	b
Powerduction 37LG	●	◉
Powerduction 39LG	●	◉
Powerduction 50LG	●	◉
Powerduction COMBI	●	◉
Powerduction 110LG	●	◉
Powerduction 160LG	●	◉
Powerduction 220LG	●	◉

a Cuộn cảm và khớp nối phù hợp với máy gia nhiệt

b Cuộn cảm và khớp nối được đi kèm ban đầu

Cuộn cảm hoàn hảo	⚓ (mm)	Đầu ferit + đầu bảo vệ	
C20/B1 056862 ◉ ● ◉	37 x 13 x 250	B1 053823	B1 056909
C180/B1 056879 ● ●	37 x 39 x 235		
C180/B2 056886 ● ●	32 x 28 x 260	B2 053458	B2 056916

Khớp nối	Cuộn cảm	⚓ (mm)	Đầu ferit + đầu bảo vệ	
28S 064485 ● ● ⚓ (mm) Ø 18 x 155 ◉ Cố định đầu trên 37LG	S90 058927 ◉ ● ● ● ● ● ●	38 x 20 x 35	-	
	S70 061569 ● ● ● ● ● ● ●	38 x 20 x 40		
	S180 059269 ● ● ● ● ● ● ●	38 x 20 x 44		
	S20/B1 064874 ● ● ● ● ● ● ●	37 x 20 x 90	B1 053823	B1 056909
	S180/B1 064881 ● ● ● ● ● ● ●	37 x 44 x 65		
	S180/B2 064928 ● ● ● ● ● ●	33 x 29 x 90	B2 053458	B2 056916
	S180/B3W 067899 ● ● ● ● ● ● ●	33 x 29 x 90	B3 067875	B3 072527
32S 064508 ● ● ● ⚓ (mm) Ø 18 x 155	S180 / D... ● ● ● ● ● ● ● D20 069985 D25 069992 D30 070592 D35 070608 ● ● ● ● ● ● ● D40 070615 D45 070622 D50 070639 D55 070646		-	

Khớp nối	Cuộn cảm	⚓ (mm)	Đầu ferit + đầu bảo vệ
28L 064492 ● ● ● ⚓ (mm) Ø 24 x 180	L90 059788 ● ● ◉ ◉ ● ●	81 x 31 x 46	-
	L70 059771 ● ● ● ● ● ●	81 x 31 x 55	
	L180 059795 ● ● ● ● ● ●	81 x 31 x 66	
	L180 SPIRAL 065000 ● ● ●	Ø 80 x 102	Dụng cụ gắn 069701
	L20/B4 067882 ● ● ● ● ◉ ●	120 x 57 x 26	B4 053755 B4 054844
	L20 ALU GLOVE 069114 ● ● ●	127 x 60 x 25	
	L180 / D... ● ● ● ● ● ● D60 069923 D70 069930 D80 069121 D90 069947 D100 069954 D110 069961 D120 069978	160 x 80 x 25 165 x 90 x 25 170 x 100 x 25 175 x 110 x 25 180 x 120 x 25 185 x 130 x 25 190 x 140 x 25	-
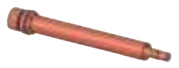 32L 064515 ◉ ◉ ◉ ⚓ (mm) Ø 24 x 180			

Hộp đầu cuộn cảm			
28S/B type W 072497 ● ● ●	S20/B1 (x1)	059788	
	S180/B1 (x1)	064881	
	S180/B3W (x1)	067899	
	28S (x1)	064485	
	B1 (x1)	053823	
	B3 (x1)	072527	
32S/B loại W 072503 ● ● ●	S20/B1 (x1)	059788	
	S180/B1 (x1)	064881	
	S180/B3W (x1)	067899	
	32S (x1)	064508	
	B1 (x1)	053823	
	B3 (x1)	072527	
L 065796 ● ● ● ● ● ●	L70 (x1)	059771	
	L180 (x1)	059795	

Bộ keo cho đầu cuộn cảm 075948	
Súng	Keo two-component Epoxy 2 x 15 g 054851

CALIWELD

Vali CALIWELD
p.114

CALIWELD

EN 1090 | EN 50 504 | EN 60974-14

CALIWELD là cách hiệu quả và nhanh nhất để kiểm tra máy đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn hàn. Với CALIWELD, chỉ cần kết nối với vali điều khiển và với điện tải chở của thiết bị hàn để bắt đầu việc kiểm định. Chỉ cần một kỹ thuật viên để kiểm soát quá trình, mọi kịch bản được thực hiện tự động bởi phần mềm; đảm bảo kết quả tin cậy và chính xác.

- 3 chế độ làm việc:

  Multimeter : khả năng thực hiện QMOS / DMOS, ghi lại các thông số hàn và xem các số đo

  Oscilloscope : cho phép chọn 2 kênh đo lường, xem và ghi lại trên biểu đồ

  Validation : cho phép xác minh và xác nhận hiệu suất của các máy để kiểm tra đáp ứng tiêu chuẩn
  EN 50504 và EN 60974-14.

- Kiểm tra tất cả dữ liệu liên quan đến hàn (MMA, TIG et MIG/MAG) :
  - Tính toán năng lượng hàn (kj / mm)
  - Điện áp (V)
  - Dòng điện (A)
  - Lưu lượng khí (l / phút)
  - Tốc độ dây (m/min)
  - Lưu lượng khí (l / phút)

MADE IN FRANCE

Bảo hành 2 năm

Thông tin máy

Độ chính xác cao nhờ phần mềm GYS đa ngôn ngữ giúp hạn chế sai sót từ con người

Giao diện thân thiện với người dùng

- Cập nhập tự động và miễn phí qua Internet (ngôn ngữ, sản phẩm mới, và trường hợp khác nhau...).
- Tải điện trở 550 A trong tùy chọn
- Rất dễ sử dụng và chỉ cần một người có trình độ
- Hơn 100 test được thỉ nghiệm cho các máy hàn của GYS.
- Phần mềm trực quan được phát triển bởi các kỹ sư của GYS
- Khả năng tạo các trường hợp riêng biệt cho các máy trên các máy của đối thủ.
- Chứng chỉ được cấp để chứng minh máy có hiệu suất tương ứng
với cài đặt được tạo

Thông số kỹ thuật

Dòng hàn		110/230 V 1 ph, 50/60 Hz
Các thông số đo lường	Điện áp	120 V AC/DC ± 0,5 %
	Dòng điện	500 A ± 0,5 %
	Tốc độ dây	1 tới 30 m/min ± 1 %
	Lưu lượng gas	1 tới 30 l/min ± 5 %
Xếp hạng bảo vệ		IP 67
Kích thước L x l x h		21 x 43 x 57 cm
Cân nặng		12 kg
Tiêu chuẩn		IEC 61010

Thông tin đặt hàng

Vali CALIWELD CGU 1.0 + phụ kiện Ống đo khí (2 m) + Cáp USB 2.0 (1,5 m) + Điều khiển từ xa (2 m) + Cáp nguồn (2 m) + Cáp đo điện áp (2 m) + Cáp đo điện áp (2 m) + Cáp điều khiển (2 m) + Cáp điều khiển (2 m)	060456

EPI

PPE
p.118

Mũ hàn
p.120

Mã số	045101	045873	064164	045194	045323
Mô tả	Găng tay hàn đa sử dụng	Găng tay hàn độ dày cao	Găng tay hàn độ dày cao PRO	Găng tay hàn mềm	Găng tay hàn PRO TIG
Kích thước	10	10	9.5	10	10
Chất liệu	Da bò tách	Da bò tách	Da bò tách	Da cừu	Da bò Da thuộc (cánh tay)

Mã số	064188	045910 (T9) 045927 (T10)	045903 (T9) 045934 (T10)
Mô tả	Găng tay cầm	Găng tay cầm khả năng bền cao	Găng tay cầm khéo léo cao
Kích thước	10	9 & 10	9 & 10
Chất liệu	Da cừu	Vải dệt kim nylon.	Vải dệt kim nylon.

Mã số	073760 (S) 073777 (M) 073784 (L) 073791 (XL) 073807 (XXL)	046368 (S - 40/42) 046375 (M - 44/46) 046382 (L - 48/50) 076399 (XL - 52/54) 046412 (XXL - 56/58)
Mô tả	Áo khoác hàn PRO với logo GYS	Quần hàn không có logo GYS
Kích thước	S - M - L - XL - XXL	S - M - L - XL - XXL
Chất liệu	74% coton, 25% polyester	98% cotton, 2% sợi chống tĩnh điện

Mã số	045224	037687
Mô tả	Mũ chữa cháy có thể điều chỉnh với hỗ trợ từ Velcro®	Mũ chữa cháy có thể điều chỉnh dài che vai
Kích thước	Độc đáo	Độc đáo
Chất liệu	Bông chống cháy	Vải chống cháy 60% modacrylic, 38% cotton, 2% sợi chống tĩnh điện

Mã số	037670	045231
Mô tả	Có thể điều chỉnh nhờ dây cao su	Có thể điều chỉnh nhờ dây đeo Velcro®
Kích thước	Duy nhất (40 cm)	Duy nhất (45 cm)
Chất liệu	Da thuộc	Da thuộc

Mã số	045200	045217
Mô tả	Tạp dề hàn da có thể điều chỉnh	Tạp dề hàn PRO bằng da có thể điều chỉnh
Kích thước	Độc đáo	Độc đáo
Chất liệu	Da thuộc	Da thuộc. Lắp ráp với dây đai. Đường may sợi Kevlar® + túi ngực

1

Tầm nhìn toàn cảnh

Được các thợ hàn chuyên nghiệp áp dụng, mặt nạ có tấm chắn bên cung cấp tầm nhìn cực rộng, lớn gấp đôi so với mũ trùm tiêu chuẩn. Các mối nguy hiểm ngoại vi như dầm, chướng ngại vật và những người lao động khác giờ đây dễ dàng nhìn thấy hơn qua 2 cửa sổ bên.

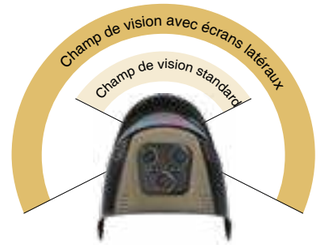

2

3

4

5

6

	1 ERGOTECH +			2 ALIEN + XXL	3 GYSMATIC XL	4 GYSMATIC XXL	5 APOLLO +	6 PANORAMIC 3XL
Mã số sản phẩm	068674 (Đen/Đỏ)	068650 (Xám/Xanh)	068667 (Đen / Vàng)	068698	037908	037236	068681	037281
Góc nhìn	100 x 67 mm			100 x 90 mm	100 x 60 mm	100 x 83 mm	100 x 67 mm 104 x 70 mm (2 bên)	114 x 85 mm 68 x 80 mm (2 bên)
Cảm biến ánh sáng	4			4	4	4	4	4
Năng lượng	☼ + 2 🔋 (CR 2450)			☼ + 2 🔋 (CR 2032)	☼ + 2 🔋 (CR 2450)	☼ + 2 🔋 (CR 2450)	☼ + 2 🔋 (CR 2450)	☼ + 2 🔋 (CR 2450)
Lớp quang học	1 / 1 / 1 / 1			1 / 1 / 1 / 1	1 / 1 / 1 / 1	1 / 1 / 1 / 1	1 / 1 / 1 / 1	1 / 1 / 1 / 1
Màu sáng	3			3	4	4	3	3
Màu tối	5>9 | 9>13			5>9 | 9>13	5>9 | 9>13	5>9 | 9>13	5>9 | 9>13 (các bên : 5)	4>8 | 8>12 (các bên : 3>10)
Thời gian chuyển đổi màu sáng - tối	0,10 ms			0,10 ms	0,08 ms	0,10 ms	0,10 ms	0,15 ms
Thời gian chuyển đổi màu sáng (Thời gian chờ)	0,15 đến 0,8 sec.			0,15 đến 0,8 sec.	0,1 đến 0,9 sec.	0,1 đến 0,9 sec.	0,15 đến 0,8 sec.	0,15 đến 0,8 sec.
Cài đặt độ nhạy và độ trễ	chiết áp bên ngoài			chiết áp bên trong	màn hình kỹ thuật số	màn hình kỹ thuật số	chiết áp bên trong	chiết áp bên ngoài
Băng đô (thoải mái)	★★★★			★★★★	★	★★★	★★★★	★★
Cân nặng	580 g			560 g	540 g	680 g	580 g	610 g

Hệ thống bảo vệ đường hô hấp

2 mặt nạ thông gió GYS được trang bị hệ thống bảo vệ hô hấp thông gió hỗ trợ. 2 trong 1, bảo vệ mắt khỏi tia hồng ngoại / tia cực tím trong quá trình hàn và bảo vệ đường hô hấp của người làm. Một cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh tích hợp cho biết nếu luồng không khí trong ống dẫn giảm hoặc nếu pin yếu. Dễ sử dụng và linh hoạt, bộ lọc là trung tâm bảo vệ đường hô hấp trong môi trường bụi bẩn.

Thoải mái
+ Rất nhẹ và nhỏ gọn cho một thiết kế sản phẩm hoàn hảo.
+ Đai đệm cố định mô tơ vào thân máy.

Ống thở
+ Kết nối và ngắt kết nối nhanh chóng.
+ Vỏ chống cháy kéo dài tuổi thọ của vòi và bảo vệ khỏi tia hàn bay.

+ Màn hình kỹ thuật số

An toàn
+ Bộ lọc TH2 hiệu quả cao hấp thụ bụi, khói và sương mù nguy hiểm.
+ Phù hợp với tiêu chuẩn EN 12941.

Dễ sử dụng
+ Cảnh báo điện tử bằng hình ảnh và âm thanh trong trường hợp pin yếu hoặc lưu lượng khí thấp bất thường.
+ Pin lithium-ion thông minh với khả năng sạc nhanh và không bị ảnh hưởng bởi hiệu ứng bộ nhớ.

Các tính năng của bộ lọc

Mức độ bảo vệ	TH2 (TH3 tùy chọn)
Loại	Lọc TH2P R SL
Hiệu suất lọc	99,996 % tới 0,3 µm
Luồng không khí	Mức độ 1 : 170 l/min Mức độ 2 : 200 l/min Mức độ 3 : 230 l/min
Tự chủ	Mức độ 1 : > 8 h Mức độ 2 : > 6 h Mức độ 3 : > 4 h
Mức độ tiếng ồn	73 dbA max.

Thời gian sạc	4 h
Loại pin	Li-ion 11.1 V - 4400 mAh
Chiều dài ống	1 m
Kích thước dây nịt	90 > 130 cm
Kích thước	240 x 165 x 70 mm
Trọng lượng (bộ lọc, dây đai, pin)	1,7 kg

50x
ít tiếp xúc với khói hàn

Hệ thống thở được chứng nhận TH2 cho Nominal Protection Factor ở 50, có nghĩa rằng bảo vệ cho đường hô hấp được sử dụng đúng cách, sự tiếp xúc của người mặc được giảm tối thiểu là 1/50e.
(Bộ lọc TH3 tùy chọn, 065734)

	GYSMATIC AIR G	GYSMATIC AIR XXL
Mã số sản phẩm	065727	047846
Góc nhìn	100 x 60 mm	100 x 83 mm
Cảm biến ánh sáng	4	4
Năng lượng	☼ + 2 🔋 (CR 2450)	☼ + 2 🔋 (CR 2450)
Lớp quang học	1 / 1 / 1 / 2	1 / 1 / 1 / 1
Màu sáng	4	4
Màu tối	9>13	5>9 | 9>13
Thời gian chuyển đổi màu sáng - tối	0,08 ms	0,10 ms
Thời gian chuyển đổi màu sáng (Thời gian chờ)	0,1 đến 0,9 sec.	0,1 đến 0,9 sec.
Cài đặt độ nhạy và độ trễ	chiết áp bên trong	chiết áp bên trong
Băng đô (thoải mái)	★	★
Trọng lượng riêng của mũ hàn	580 g	680 g

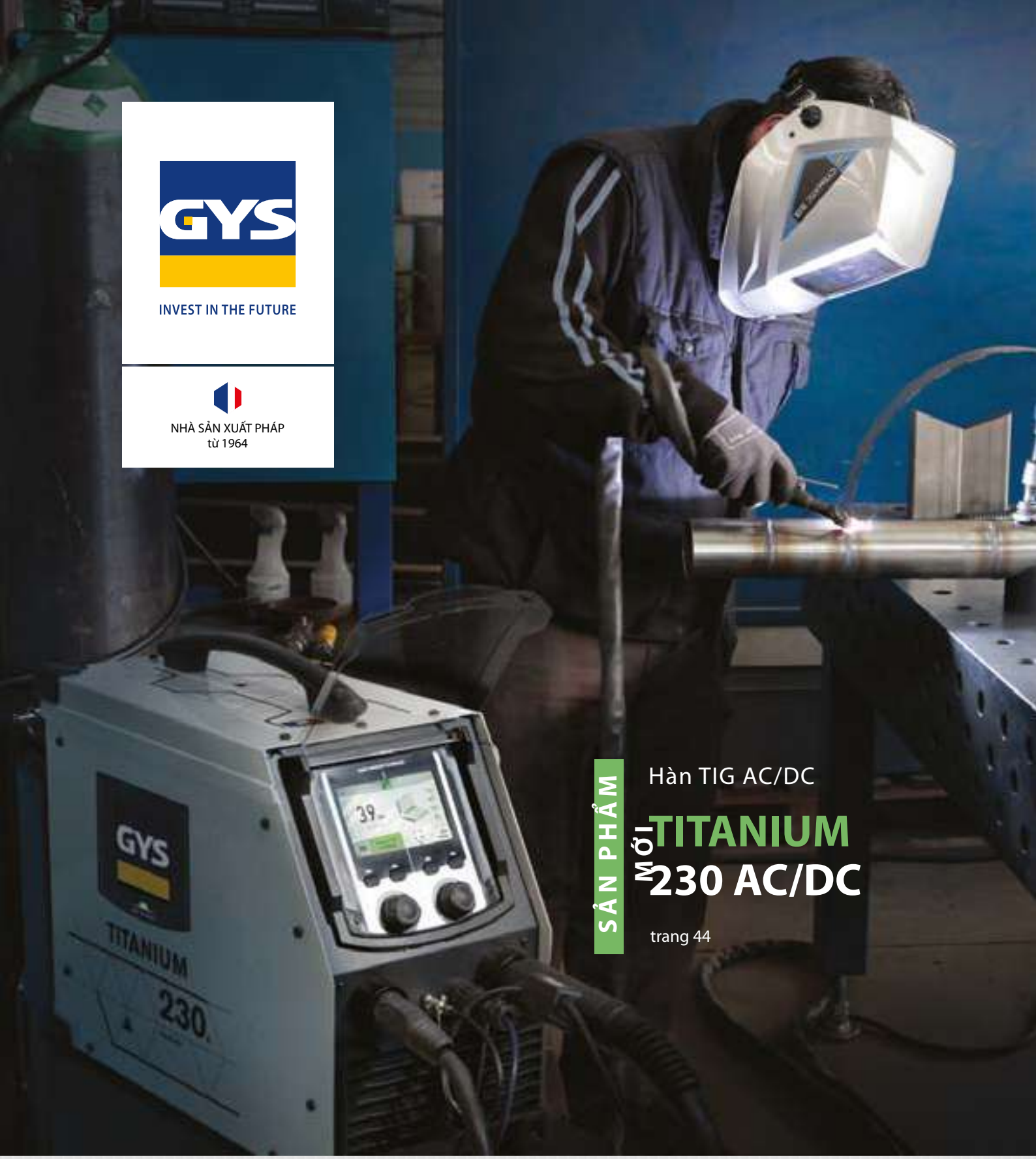

INVEST IN THE FUTURE

NHÀ SẢN XUẤT PHÁP
từ 1964

SẢN PHẨM MỚI

Hàn TIG AC/DC

TITANIUM 230 AC/DC

trang 44

GYS FRANCE
1, rue de la Croix des Landes
53941 Saint-Berthevin
Laval - France
Số điện thoại : 02 43 01 23 60

www.gys.fr | service.client@gys.fr

095809